TIÊU ĐIỂM

- KỶ NIỆM 10 NĂM TRUNG TÂM ARC
- TRUNG TÂM ARC – MỘT THẬP KỶ PHÁT TRIỂN VÀ TRƯỞNG THÀNH

CÁC HOẠT ĐỘNG

- HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC DO TRUNG TÂM ARC TÀI TRỢ NĂM 2012
- CHƯƠNG TRÌNH GIAO LƯU HỌC GIẢ QUỐC TẾ (ISEF)
- DỰ ÁN “QUẢN LÝ BỀN VỮNG NGUỒN NƯỚC THẢI TẠI QUẢNG NINH VÀ HÀ NỘI”
- BÀI GIẢNG VỀ LUẬT VÀ KINH TẾ HÀN QUỐC

TIN TỨC

- XUẤT BẢN CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TRUNG TÂM ARC TÀI TRỢ TRONG 10 NĂM
- HỌP BAN CHỈ ĐẠO TRUNG TÂM ARC
- HỌP HỘI ĐỒNG CHUYÊN MÔN TRUNG TÂM ARC
- NGHIỆM THU 05 ĐỀ TÀI VÀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 07 ĐỀ TÀI NHẬN TÀI TRỢ
- GẶP GỠ HỌC GIẢ VIỆT NAM TRƯỚC KHI THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ISEF 2012-2013

THỐNG KÊ

- DANH MỤC CÁC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC NHẬN TÀI TRỢ (2002-2012)
- DANH SÁCH HỌC GIẢ ISEF VIỆT NAM (2000-2012)

TIÊU ĐIỂM

TRUNG TÂM HỖ TRỢ NGHIÊN CỨU CHÂU Á, ĐHQGHN KỶ NIỆM 10 NĂM THÀNH LẬP

Năm 2012 đánh dấu một giai đoạn phát triển quan trọng của Trung tâm Hỗ trợ Nghiên cứu Châu Á, Đại học Quốc gia Hà Nội (Trung tâm ARC) khi kỷ niệm 10 năm thành lập, cũng là 10 năm Trung tâm ARC đóng góp tích cực cho công tác đào tạo và nghiên cứu chất lượng cao ở Việt Nam, góp phần thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học trong nước và hợp tác quốc tế.

Trung tâm ARC đã long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập vào sáng ngày 5 tháng 4 năm 2012 với sự tham dự của GS. VS. Đào Trọng Thi - Chủ nhiệm Uỷ ban Văn hoá, Giáo dục, thanh thiếu niên và Nhi đồng, nguyên Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), nguyên Trưởng Ban chỉ đạo Trung tâm ARC; GS.TS Mai Trọng Nhuận - Giám đốc ĐHQGHN, Trưởng Ban chỉ đạo Trung tâm ARC; GS.TSKH Vũ Minh Giang - Phó Giám đốc ĐHQGHN, Phó Trưởng ban Chỉ đạo, Chủ tịch Hội đồng Chuyên môn Trung tâm ARC; TS. Park In-Kook - Chủ tịch Quỹ Giáo dục Cao học Hàn Quốc (KFAS), Đồng Trưởng Ban chỉ đạo Trung tâm ARC cùng Trưởng các ban chức năng, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN, các chủ tịch hội đồng ngành/liên ngành của ĐHQGHN, các thành viên Hội đồng chuyên môn cùng các cán bộ Trung tâm ARC.

Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập là dịp để Trung tâm ARC nhìn lại chặng đường đã qua, tổng kết các thành tựu đã đạt được sau 10 năm hoạt động và định hướng phát triển cho những năm tiếp theo.

"Tôi tin tưởng rằng buổi lễ kỷ niệm này sẽ tạo ra bước ngoặt, đánh dấu hướng phát triển mới trong mối quan hệ hợp tác hai bên…… Tôi rất tự hào với thành công to lớn mà các bạn đạt được trong lĩnh vực nghiên cứu và trao đổi học thuật thông qua Trung tâm ARC trong thập kỷ qua……Hướng tới giai đoạn mười năm tiếp theo, KFAS sẽ tiếp tục đóng góp cho sự phát triển, thịnh vượng chung của hai quốc gia Việt Nam – Hàn Quốc nói riêng và khu vực châu Á nói chung"

TS. Park In Kook phát biểu tại buổi lễ

"Mười năm là một khoảng thời gian không dài nhưng có thể nói Trung tâm ARC đã từng bước khẳng định được vai trò và uy tín đối với cộng đồng khoa học Việt Nam, tạo dựng được một thương hiệu gồm 10 chữ: SÁNG TẠO, NĂNG ĐỘNG, CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ, HỢP TÁC"

(trích bài phát biểu chào mừng của GS.TS.Mai Trọng Nhuận tại Lễ kỷ niệm).

Trong mười năm qua, Trung tâm ARC đã đứng vững qua thời gian, tạo được niềm tin với các đối tác nước ngoài và cộng đồng khoa học trong nước thông qua việc điều phối hiệu quả các hoạt động tài trợ chất lượng cao, đồng thời thúc đẩy các hoạt động trao đổi học thuật và giao lưu văn hóa.

Phát biểu tại buổi lễ, GS. TSKH Vũ Minh Giang khẳng định, Trung tâm ARC đã góp phần thúc đẩy phát triển nghiên cứu khoa học trong nước; nâng cao năng lực nghiên cứu của các học giả, đặc biệt trí thức trẻ; thúc đẩy hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học; tăng cường giao lưu văn hóa, hiểu biết về văn hóa và đất nước Hàn Quốc…

Về định hướng phát triển, Trung tâm tiếp tục nâng cao vị thế của mình trong giới khoa học; nỗ lực tăng cường năng lực hợp tác quốc tế, chuyên nghiệp và đa dạng hơn trong các hoạt động, tích cực quảng bá hình ảnh và uy tín của ĐHQGHN và Quỹ KFAS; phát triển ARC trở thành trung tâm hàng đầu trong mạng lưới 17 Trung tâm ARC, tăng cường giao lưu, hợp tác trong mạng lưới thông qua các hoạt động trao đổi học giả, giảng

TRUNG TÂM ARC XUẤT BẢN KẾT QUẢ KHOA HỌC NHẬN TÀI TRỢ TRONG 10 NĂM

Nhân kỷ niệm 10 năm thành lập, Trung tâm ARC xuất bản ấn phẩm "Tóm tắt kết quả hoạt động khoa học nhận tài trợ 2002-2011". Ấn phẩm tập hợp các kết quả của 104 đề tài nghiên cứu, 46 hội nghị/hội thảo khoa học và 44 ấn phẩm khoa học nhận tài trợ của Trung tâm ARC từ năm 2002 đến 2011. Hy vọng ấn phẩm sẽ trở thành một tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà nghiên cứu, các giảng viên, nghiên cứu sinh, sinh viên của các trường đại học, viện nghiên cứu trên cả nước.

Phần tóm tắt kết quả nghiên cứu bằng tiếng Anh được đăng tải trên trang web của Trung tâm ARC tại địa chỉ www.arc.vnu.edu.vn/English/Library/Publications để phục vụ đông đảo các nhà nghiên cứu, mở ra cơ hội hợp tác quốc tế giữa các nhà khoa học trong và ngoài nước.

viên, nghiên cứu viên và sinh viên; góp phần thực hiện nhiệm vụ chiến lược của ĐHQGHN là trở thành trung tâm đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực trong nhóm các đại học tiên tiến của thế giới…

Buổi lễ kỷ niệm đã để lại ấn tượng tốt đẹp với các đại biểu tham dự. Đây cũng là cơ hội để Trung tâm ARC gửi lời tri ân sâu sắc tới tất cả những người đã luôn hỗ trợ, gắn bó và đồng hành cùng Trung tâm trong suốt thời gian qua.

TRUNG TÂM ARC – MỘT THẬP KỶ PHÁT TRIỂN VÀ TRƯỞNG THÀNH

1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Lễ cắt băng thành lập Trung tâm ARC (22/01/2002)

Thế kỷ XXI được xem là kỷ nguyên của châu Á và các học giả phương Tây đang ngày càng chú ý hơn đến các tư tưởng và giá trị văn hóa châu Á. Nhận thức được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học trong việc phát huy các giá trị văn hóa và tư tưởng châu Á, Quỹ Giáo dục Cao học Hàn Quốc (KFAS) đã đề xuất ý tưởng thành lập các Trung tâm Hỗ trợ Nghiên cứu Châu Á (Trung tâm ARC) ở các quốc gia trong khu vực, trong đó có Việt Nam, nhằm hỗ trợ các học giả châu Á nghiên cứu và thực hiện các hoạt động khoa học khác.

Ở Việt Nam, với vị thế là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học lớn, đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, ĐHQGHN luôn giữ một vị trí đặc biệt trong hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam. Hơn nữa, ĐHQGHN cùng chia sẻ quan điểm với Quỹ KFAS là cần phải thúc đẩy nghiên cứu khoa học và tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa các quốc gia châu Á để tạo một thế phát triển cân bằng và liên tục cho toàn châu Á.

Trên cơ sở đó, ngày 23/11/2001, ĐHQGHN và Quỹ KFAS đã ký thỏa thuận thành lập Trung tâm Hỗ trợ Nghiên cứu Châu Á tại ĐHQGHN. Trung tâm đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 22/01/2002 sau khi Giám đốc ĐHQGHN ký Quyết định thành lập Trung tâm, thành lập Ban Chỉ đạo, Hội đồng Chuyên môn của Trung tâm và ban hành Quy định về Tổ chức và Hoạt động của Trung tâm.

Trung tâm ARC tại ĐHQGHN nằm trong mạng lưới 17 Trung tâm ARC (mạng lưới ARN) tại Cam-puchia, Lào, Mông Cổ, Myanma, Thái Lan và Trung Quốc.

Mạng lưới các Trung tâm ARC

2. MỤC ĐÍCH

Trung tâm khuyến khích và tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và tri thức vì sự tiến bộ của kinh tế và xã hội do các học giả Việt Nam trong và ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện. Ngoài ra, Trung tâm tổ chức thực hiện các hoạt động thúc đẩy giao lưu văn hóa, khoa học, giáo dục nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa các nước trong khu vực và trên thế giới

HỌP BAN CHỈ ĐẠO NĂM 2012

Chiều ngày 5 tháng 4 năm 2012, Trung tâm ARC đã tổ chức họp Ban Chỉ đạo với sự tham gia của các thành viên Ban Chỉ đạo, các cán bộ của Quỹ KFAS và Trung tâm ARC.

Các thành viên Ban Chỉ đạo nghe báo cáo tóm tắt về hoạt động và thành tựu mà Trung tâm ARC đã đạt được trong 10 năm qua, trong đó tập trung nhiều hơn đến hoạt động và phân bổ ngân sách trong năm 2011. Sau 10 năm, Trung tâm ARC đã tài trợ hơn 600,000 USD cho 197 hoạt động khoa học (trong đó, 107 đề tài nghiên cứu, 46 hội nghị/hội thảo khoa học và 44 ấn phẩm khoa học) và cử 42 học giả trẻ sang nghiên cứu sau Tiến sỹ tại Hàn Quốc theo Chương trình Giao lưu Học giả Quốc tế (ISEF). Bên cạnh đó, Trung tâm ARC còn tích cực đa dạng hóa các hoạt động bằng cách tham gia thực hiện các dự án quốc tế, tổ chức các hội nghị/hội thảo quốc tế, tổ chức trường hè cho sinh viên quốc tế, mời các chuyên gia hàng đầu thế giới đến nói chuyện tại ĐHQGHN, v.v. Trung tâm ARC còn chú trọng đến các hoạt

động quảng bá thông qua việc xây dựng website tại địa chỉ www.arc.vnu.edu.vn và xuất bản cuốn bản tin thường niên để đưa các hoạt động và các kết quả nhận tài trợ của Trung tâm đến gần hơn với độc giả trong nước và quốc tế.

Cũng tại buổi họp, Ban Chỉ đạo đã thông qua kế hoạch hoạt động và sử dụng ngân sách của Trung tâm ARC trong năm 2012, theo đó Trung tâm dành 65,000 USD tài trợ cho 09 đề tài nghiên cứu, 05 hội nghị/hội thảo khoa học, và 04 ấn phẩm khoa học. Ngoài ra, hai học giả được cử tham gia chương trình ISEF 2012-2013.

3. CƠ CẤU TỔ CHỨC

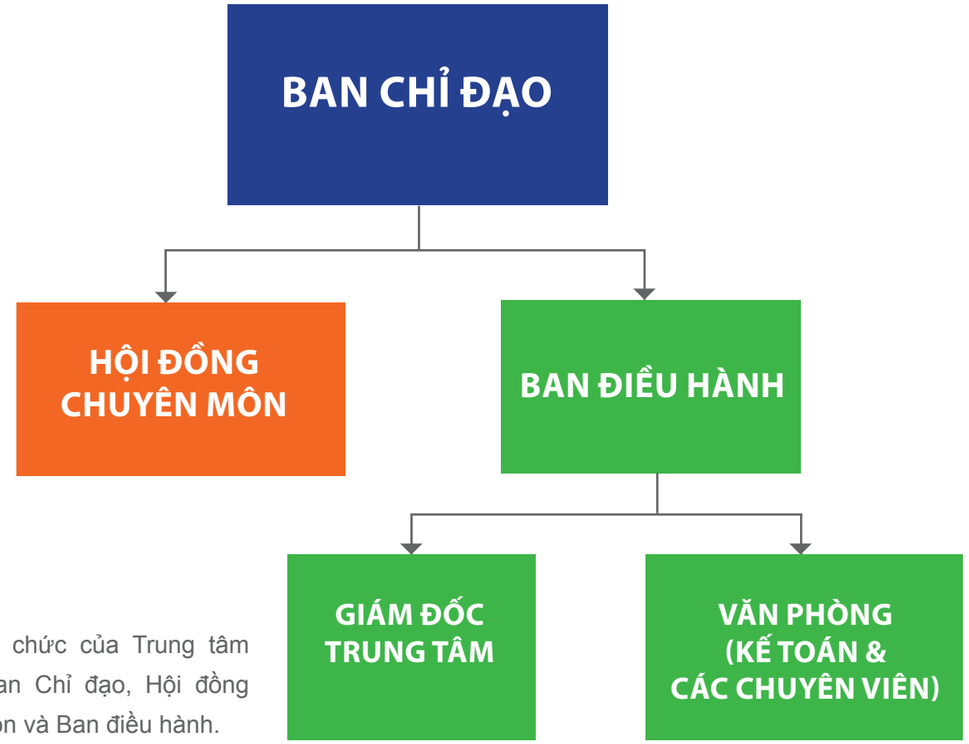

Cơ cấu tổ chức của Trung tâm gồm có Ban Chỉ đạo, Hội đồng Chuyên môn và Ban điều hành.

Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ điều hành và giám sát công việc quản lý và hoạt động của Trung tâm. Hội đồng Chuyên môn chịu trách nhiệm về kế hoạch phân bổ kinh phí, tổ chức đánh giá, lựa chọn đơn xin học bổng, dự án xin tài trợ đề tài nghiên cứu, hội nghị chuyên môn và xuất bản. Ban điều hành chịu trách nhiệm về quản lý và giám sát việc sử dụng có hiệu quả nguồn quỹ của Trung tâm.

Các thành viên Ban Chỉ đạo cũng đánh giá cao các hoạt động hiệu quả, những sáng tạo mới, cách làm mới hướng tới chuẩn mực quốc tế của Trung tâm ARC trong thời gian qua. Ban Chỉ đạo cũng thảo luận và đưa ra một số định hướng cho hoạt động của Trung tâm cũng như hợp tác toàn diện giữa Quỹ KFAS và ĐHQGHN trong giai đoạn tiếp theo.

Cuộc họp Ban Chỉ đạo là sự kiện thường niên của mỗi Trung tâm trong mạng lưới các Trung tâm Hỗ trợ Nghiên cứu Châu Á mà Trung tâm ARC tại ĐHQGHN là một thành viên. Cuộc họp nhằm tổng kết các hoạt động của Trung tâm trong năm vừa qua và định hướng hoạt động trong những năm tiếp theo.

4. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM

4.1 TÀI TRỢ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC (THỰC HIỆN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU, TỔ CHỨC HỘI NGHỊ/HỘI THẢO KHOA HỌC, XUẤT BẢN ẤN PHẨM KHOA HỌC)

Hoạt động này nhằm mục đích hỗ trợ các nghiên cứu khoa học của các học giả Việt Nam, đặc biệt các nhà khoa học trẻ, qua đó giúp các nhà khoa học củng cố thêm nền móng khoa học của mình, góp phần thúc đẩy phát triển nghiên cứu khoa học trong nước và khuyến khích hợp tác nghiên cứu giữa các học giả châu Á.

Sau hơn 10 năm hoạt động, Trung tâm đã dành khoảng 700,000 USD tài trợ cho hơn 200 hoạt động khoa học. Với sự đóng góp rất lớn của các chuyên gia đầu ngành trong và ngoài ĐHQGHN, các quy trình xét duyệt, cấp kinh phí và nghiệm thu các hoạt động khoa học của Trung tâm đã được chuẩn hóa và đạt hiệu quả cao, đảm bảo chất lượng, nghiêm túc. Các hoạt động khoa học do Trung tâm tài trợ đều được đánh giá cao nhờ thu được các kết quả tốt, tạo điều kiện ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tế, góp phần tăng cường năng lực cho các nhà nghiên cứu, đào tạo nghiên cứu sinh và sinh viên cao học, bổ sung nguồn học liệu quý trong nhiều lĩnh vực.

Thống kê các hoạt động khoa học tài trợ qua các năm

Hoạt động tài trợ	Năm											Tổng
	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	
Đề tài	3	9	14	13	9	16	14	13	5	8	9	113
Hội thảo	5	4	7	7	0	5	5	5	4	4	5	51
Xuất bản	8	2	5	5	3	6	5	4	2	4	4	48

4.2 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAO LƯU HỌC GIẢ QUỐC TẾ (ISEF)

Với mục tiêu hỗ trợ các học giả trẻ và xuất sắc của Châu Á tiến hành nghiên cứu sau tiến sỹ tại các trường đại học và viện nghiên cứu hàng đầu ở Hàn Quốc, Chương trình Giao lưu Học giả Quốc tế hướng tới mục đích tăng cường trao đổi và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực học thuật để thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau và sự phát triển khoa học giữa các học giả đến từ nhiều nền văn hoá khác nhau.

Chương trình do Quỹ Giáo dục Cao học Hàn Quốc khởi xướng và bắt đầu thực hiện từ năm 2000. Trung tâm ARC tại ĐHQGHN được chọn là đơn vị đầu tiên trong mạng lưới ARN thực hiện chương trình này. Với kinh phí gần 900,000 đô la Mỹ, 42 học giả Việt Nam đã được cử sang nghiên cứu tại Hàn Quốc.

Chương trình ISEF đem lại hiệu quả cao và vô cùng hữu ích, giúp các học giả trưởng thành hơn trên con đường nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của các học giả. Chương trình không chỉ góp phần phát triển công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao, mà còn tăng cường hợp tác và trao đổi học thuật giữa các học giả đến từ nhiều nước khác nhau, thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau vì sự phát triển chung của toàn châu Á.

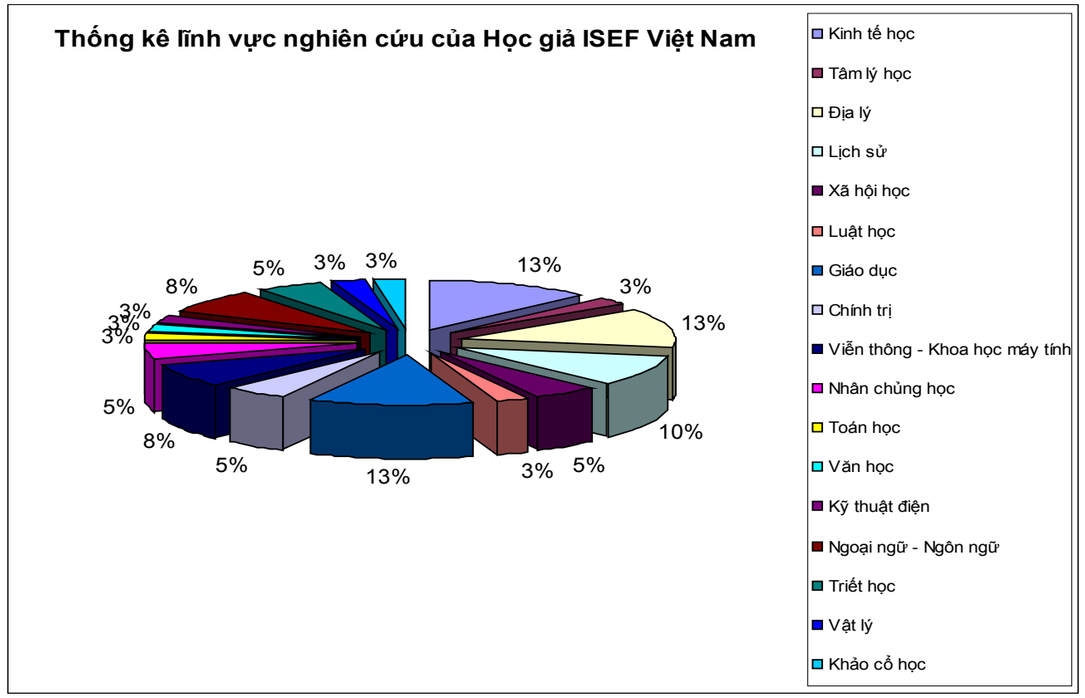

Năm 2010 là năm thứ 10 Trung tâm ARC tại ĐHQGHN thực hiện Chương trình ISEF. Để kỷ niệm dấu mốc quan trọng này, Trung tâm đã tổ chức buổi Lễ kỷ niệm 10 năm Chương trình ISEF tại Việt Nam, tạo cơ hội cho các học giả gặp gỡ, ôn lại những kỷ niệm đáng nhớ khi họ ở Hàn Quốc và chia sẻ những kết quả nghiên cứu mới nhất liên quan đến đề tài nghiên cứu tại Hàn Quốc. Nhân dịp này, Trung tâm đã tập hợp các kết quả nghiên cứu của học giả trong 10 năm và xuất bản ấn phẩm "Những kết quả nghiên cứu của học giả Việt Nam tham gia Chương trình ISEF". Ấn phẩm đã trở thành tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà nghiên cứu, giảng viên và sinh viên trong và ngoài nước.

Bìa ấn phẩm: Những kết quả nghiên cứu của học giả ISEF Việt Nam

4.3 MỜI CHUYÊN GIA NƯỚC NGOÀI SANG GIẢNG BÀI CHO SINH VIÊN ĐHQGHN

Chương trình được tổ chức nhằm khuyến khích và tăng cường giao lưu văn hóa, học thuật giữa các nền văn hóa khác nhau; giúp sinh viên tiếp cận gần hơn với tri thức của thế giới, trang bị cho sinh viên những kiến thức mới và đa dạng, bổ sung cho khối lượng kiến thức đã được học trên lớp; giúp hỗ trợ định hướng nghề nghiệp và khuyến khích niềm đam mê nghiên cứu khoa học của sinh viên; mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học; quảng bá hình ảnh ĐHQGHN nói riêng và của Việt Nam nói chung đến bạn bè quốc tế.

Trung tâm ARC bắt đầu triển khai chương trình từ năm 2005. Đến nay, bảy chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau (luật, kinh tế, báo chí, chính trị, v.v) đã được mời sang giảng bài cho sinh viên ĐHQGHN. Chương trình đã nhận được sự hưởng ứng tích cực và tham gia đông đảo của các bạn sinh viên đến từ các khoa khác nhau trong ĐHQGHN.

4.4 TỔ CHỨC CÁC DIỄN ĐÀN, HỘI NGHỊ/HỘI THẢO QUỐC TẾ

Hội nghị Giám đốc các Trung tâm ARC (16-18/12/2006):
Đây là hoạt động thường kỳ của mạng lưới ARN, qua đó Giám đốc các Trung tâm có điều kiện gặp gỡ, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và các phương pháp quản lý hiệu quả hoạt động của các Trung tâm. Đây cũng là dịp để tăng cường hiểu biết lẫn nhau, phát triển mạng lưới để thúc đẩy sự hợp tác có hiệu quả hơn giữa các Trung tâm.

Diễn đàn Hà Nội về Công nghệ Thông tin và Truyền thông (2007, 2008, 2009):
Diễn đàn đã tạo cơ hội cho các nhà khoa học, các kỹ sư, nhà quản lý và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Công nghệ Thông tin và Truyền thông gặp gỡ và trình bày các kết quả nghiên cứu mới nhất, chia sẻ kinh nghiệm và trao đổi để hiểu hơn về sự phát triển của CNTT&TT trong khu vực và trên thế giới, đưa ra các chính sách phát triển CNTT&TT trong tương lai để đáp ứng các yêu cầu về phát triển kinh tế, xã hội của các quốc gia.

Ngoài ra, Trung tâm đã tham gia phối hợp tổ chức nhiều hội thảo quốc tế, trong đó phải kể đến các hội thảo lớn như:

- Nước thải, Môi trường và Biến đổi khí hậu (20/11/2009)
- Vai trò của Giáo dục đại học trong thích ứng với biến đối khí hậu và hệ sinh thái (23-24/8/2009)
- Quản lý rủi ro các thiên tai và hiện tượng thời tiết cực đoan nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu (22-16/3/2010)
- Phát triển bền vững Thủ đô Hà Nội – Văn hiến, Anh hùng, Vì hòa bình (10/10/2010)
- Vai trò của Giáo dục đại học trong thích ứng với Biến đối khí hậu (11-13/12/2010)
- Khoa học Vũ trụ - Vật lý thiên văn, hành tinh học và khí hậu học (1/11/2010)

4.5 TỔ CHỨC CÁC KHÓA ĐÀO TẠO NGẮN HẠN

Từ ngày 21 tháng 7 đến ngày 01 tháng 8 năm 2009, Trung tâm đã tổ chức ***Khoá tập huấn về lồng ghép các vấn đề về dân số và giới vào kế hoạch hoá phát triển*** cho đoàn quan chức chính phủ của Băngladét, nhằm mục đích tăng cường năng lực cho các quan chức chính phủ Băngladét trong vấn đề lồng ghép các vấn đề về giới và dân số vào kế hoạch hoá phát triển.

Với sự tham gia và các buổi giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm của nhiều chuyên gia hàng đầu Việt Nam trong các lĩnh vực Dân số, Giới và Kế hoạch phát triển, khoá tập huấn đã tạo cơ hội cho các học viên hiểu về thực trạng và kết quả các nghiên cứu có liên quan đã được tiến hành ở Việt Nam.

Khoá tập huấn đã tạo cơ hội cho các nhà nghiên cứu và những nhà lập pháp ở cả hai nước được nghiên cứu, đào tạo và trao đổi trong bối cảnh Kế hoạch hoá phát triển hiện đang là vấn đề trọng tâm trong chiến lược phát triển bền vững của cả hai quốc gia.

4.6 TỔ CHỨC TRƯỜNG HÈ CHO SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI

Với mục đích thu hút sinh viên quốc tế, tạo môi trường quốc tế tại ĐHQGHN, Trung tâm đã 3 lần tổ chức trường hè cho sinh viên quốc tế vào các năm 2010 và 2011. Tham gia trường hè, các sinh viên không chỉ được tiếp nhận kiến thức chuyên môn từ các chuyên gia Việt Nam mà còn có cơ hội hiểu biết thêm về Việt Nam thông qua các chuyến thăm quan, du khảo văn hóa.

Đây là một hoạt động hết sức ý nghĩa, giúp các sinh viên mở rộng kiến thức chuyên môn, có cơ hội giao lưu, học hỏi ở một môi trường mới. Ngoài ra, hoạt động này cũng góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa, tăng cường hợp tác giữa các bên tham gia, góp phần giới thiệu về Trung tâm, ĐHQGHN, Quỹ KFAS và đưa văn hóa Việt ra thế giới.

4.7 THAM GIA THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN QUỐC TẾ

Dự án "Quản lý bền vững nước thải ở các khu vực nông thôn và các vùng ven đô của tỉnh Quảng Ninh và Hà Nội"

Đây là dự án nằm trong khuôn khổ hợp tác nghị định thư giữa Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Barcelona, Tây Ban Nha. Dự án nhằm góp phần bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững tại các vùng ven đô của tỉnh Quảng Ninh và Hà Nội thông qua việc vận động tuyên truyền nâng cao ý thức người dân và áp dụng giải pháp xử lý nước thải tiên tiến, thân thiện với môi trường, tiết kiệm kinh phí, mang lại hiệu quả cao.

Trong khuôn khổ dự án kéo dài 29 tháng (từ tháng 10/2010 đến tháng 3 năm 2013) này, Trung tâm đã tổ chức:

- 2 hội thảo khoa học để các nhà khoa học gặp gỡ, trao đổi, chuyển giao kiến thức và công nghệ quản lý tổng hợp tài nguyên nước và bảo vệ môi trường;
- 7 hội thảo vận động nhằm tuyên truyền nâng cao nhận thức về quản lý nguồn nước và bảo vệ môi trường cho người dân;
- 2 hội thảo kỹ thuật giúp hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật cho các chuyên gia môi trường Việt Nam công nghệ xử lý nước thải tiên tiến của Tây Ban Nha.
- Xây dựng thành công hệ thống bãi lọc trồng cây thí điểm xử lý nước thải tại Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy sản II Quảng Ninh góp phần giảm ô nhiễm nguồn nước tại khu vực cửa sông đổ ra biển, đồng thời hỗ trợ đầu tư các trang thiết bị phục vụ cho việc nghiên cứu, phân tích và vận hành bãi lọc trồng cây thí điểm.

Dự án về điều tra làng bền vững

Cuối năm 2011, Trung tâm ARC đã hỗ trợ các nhà nghiên cứu Nhật Bản của trường Đại học về các Khoa học mũi nhọn, Đại học Tokyo (Nhật Bản) thực hiện khảo sát và nghiên cứu thực địa để tìm hiểu hiện trạng tại 2 xã Giao Long và Giao Thiện, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Thông qua hình thức phỏng vấn người dân tại mỗi nông hộ trong cộng đồng (làng), dự án đã thu thập được các thông tin cơ bản về các hộ gia đình tại cộng đồng (làng), xây dựng bản đồ GPS kênh/mương nước tại cộng đồng (làng) và lấy mẫu nước để xác định môi trường nông nghiệp tại cộng đồng. Các hoạt động này hướng tới việc xây dựng các cộng đồng bền vững tại Việt Nam trong tương lai theo mô hình của Nhật Bản.

4.8 CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

- Hỗ trợ triển khai các chương trình đào tạo liên kết quốc tế, chương trình tiên tiến, chương trình đạt chuẩn quốc tế của ĐHQGHN
- Thực hiện các hoạt động hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu trong khuôn khổ ĐHQGHN;
- Tham dự các Diễn đàn, Hội nghị/hội thảo quốc tế do Quỹ KFAS tổ chức (Hội nghị Giám đốc các Trung tâm ARC, Diễn đàn Bắc Kinh, Diễn đàn Thượng Hải, Hội thảo Giá trị văn hóa Đông Nam Á, v.v);
- Tham gia các hoạt động trong Mạng lưới các Trung tâm Hỗ trợ Nghiên cứu Châu Á (ARN);
- V.v

4.9 HOẠT ĐỘNG QUẢNG BÁ

Với mục đích quảng bá các hoạt động tài trợ của Trung tâm và kết nối với 17 Trung tâm ARC ở các nước, Trung tâm đã xây dựng trang web www.arc.vnu.edu.vn. Các kết quả từ các hoạt động tài trợ của Trung tâm (báo cáo tổng hợp của đề tài, xuất bản phẩm và báo cáo tổng kết chương trình ISEF) và các hoạt động mới nhất của Trung tâm sẽ liên tục được cập nhật trên trang web này. Trang web đã và đang trở thành nguồn học liệu quý giá cho những nhà nghiên cứu, các học giả, giảng viên, sinh viên và những người quan tâm trong và ngoài nước. Chúng tôi hy vọng rằng trang web còn trở thành diễn đàn để các nhà nghiên cứu, các học giả nhận tài trợ trong mạng lưới ARN có cơ hội gặp gỡ, giao lưu và trao đổi các kết quả nghiên cứu hoặc cùng cộng tác nghiên cứu.

Ngoài ra, Trung tâm còn xuất bản cuốn Newsletter thường niên bằng hai thứ tiếng: tiếng Việt và tiếng Anh, trong đó cập nhật các hoạt động của Trung tâm theo từng năm.

4.10 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trung tâm sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả tài trợ và phục vụ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, giao lưu văn hóa, hợp tác trong nước và ngoài nước, tích cực quảng bá hoạt động của Trung tâm trong mạng lưới các Trung tâm Hỗ trợ Nghiên cứu Châu Á; phát triển Trung tâm và chung sức thực hiện nhiệm vụ chiến lược của ĐHQGHN.

Trong thời gian tới, Trung tâm dự kiến sẽ triển khai các hoạt động như sau:

- Thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ phù hợp với hướng ưu tiên của Nhà nước, của Đại học Quốc gia Hà Nội nhằm giải quyết nhiệm vụ trọng tâm của ngành, đặc biệt là các nhiệm vụ trực tiếp phục vụ nhiệm vụ chiến lược của Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Ưu tiên tài trợ các đề tài nghiên cứu về một số hướng mũi nhọn trong khoa học cơ bản (Toán, lý, hóa, sinh học); sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học; biến đổi khí hậu và các giải pháp thích ứng, giảm thiểu các hậu quả của biến đổi khí hậu; các vấn đề về biển, hải đảo và chủ quyền biên giới, khoa học bền vững, v.v.
- Tìm kiếm, xây dựng, phát triển và nâng cao hiệu quả hợp tác trong nước và quốc tế để thu hút các nguồn lực tài trợ khác ngoài nguồn tài trợ của Quỹ KFAS để tổ chức triển khai các dự án đáp ứng ngày càng cao yêu cầu xã hội.
- Nâng cao năng lực phát triển hợp tác quốc tế, chuyên nghiệp hóa các hoạt động như tổ chức các khóa học ngắn hạn, trao đổi học sinh/sinh viên, tổ chức các sự kiện để thúc đẩy, tạo điều kiện phát triển, liên kết, hợp tác trong các hoạt động quốc tế nâng cao hơn nữa vị thế, uy tín của Đại học Quốc gia Hà Nội và Quỹ Giáo dục Cao học Hàn Quốc nói chung và của Trung tâm Hỗ trợ Nghiên cứu Châu Á nói riêng.

CÁC HOẠT ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC
DO TRUNG TÂM ARC TÀI TRỢ NĂM 2012

ĐỀ TÀI KHOA HỌC

ĐỀ TÀI 1 Tổng hợp, nghiên cứu một số phức chất đa nhân hỗn hợp kim loại chuyển tiếp d-f trên cơ sở phối tử N,N-pyriđin-2,6-đicacbonyl-bis(thioure)

Chủ trì đề tài: **TS. Nguyễn Hùng Huy, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN**

Nghiên cứu phức chất kim loại chuyển tiếp với phối tử hữu cơ là một trong những hướng nghiên cứu chủ đạo trong hóa học vô cơ. Ở Việt Nam, hiện có nhiều nhóm nghiên cứu quan tâm tới vấn đề này. Tuy nhiên, cho đến nay, ngoài hai bài báo của tác giả, một về phức chất reni với benzoylthioure, một về phức chất đa nhân của reni với N,N-phenylen-2,6-dicacbonyl-bis(thioure), chưa có công trình nào ở trong nước nghiên cứu phức chất của thioure vòng càng nói chung cũng như phức chất hỗn hợp kim loại của thioure nói riêng.

Phức chất đa nhân dựa trên hệ phối tử N,N-phenylen-2,6-dicacbonyl-bis(thioure) (H2L1) đã được nghiên cứu nhiều trên thế giới. Trong đa số các hệ phức chất đã biết, đặc biệt là đối với các kim loại chuyển tiếp d hóa trị hai (M), phối tử N,N-phenylen-2,6-dicacbonyl-bis(thioure) có xu hướng tạo nên các phức chất hai nhân có cấu trúc phẳng M2L12 (hình 1a). Tác giả thấy rằng: nếu thay thế phối tử N,N-phenylen-2,6-dicacbonyl-bis(thioure) (H2L1) bằng phối tử N,N-pyriđin-2,6-dicacbonyl-bis(thioure) (H2L2) thì phần trung tâm của phức chất tạo thành có cấu trúc giống như những phối tử vòng lớn và có thể tạo phức chất bền với các ion đất hiếm (Ln3+) tạo nên các phức chất hỗn hợp kim loại chuyển tiếp d-f dạng {M2Ln(L2)2}3+ (hình 1b).

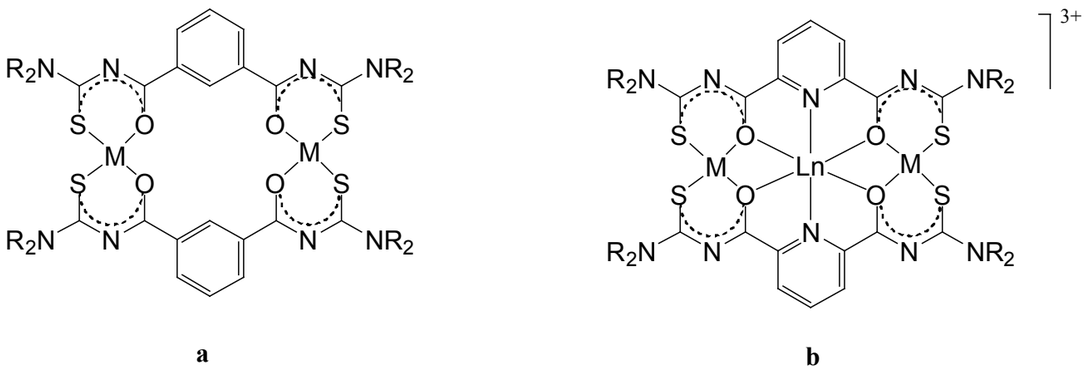

a **b**

Hình 1. *a) M2L12 với H2L1 là N,N-phenylen-2,6-đicacbonyl-bis(thioure)*
b) {M2Ln(L2)2}3+ với H2L2 là N,N-pyriđin-2,6-đicacbonyl-bis(thioure)

Phức chất dạng {M2Ln(L2)2}3+ là những hệ phức chất hoàn toàn mới. Cho đến nay, trên thế giới, chỉ có duy nhất một công trình nghiên cứu về phức chất Ag(I) với phối tử H2L2, chưa có công trình nào công bố về phức chất hỗn hợp kim loại của N,N-pyriđin-2,6-đicacbonyl-bis(thioure). Bên cạnh đó, khả năng kết hợp giữa các kim loại chuyển tiếp d và f là rất phong phú hứa hẹn mở ra một hướng nghiên cứu mới đầy triển vọng trong hóa học phức chất. Đặc biệt, trong phân tử các phức chất này khoảng cách giữa hai loại nhân ion kim loại chuyển tiếp d và f sẽ là khá nhỏ, khoảng 5 – 7 Å, nên các tính chất điện, từ của chúng ảnh hưởng qua lại lẫn nhau và đưa đến những tính chất thú vị như tính chất từ, khả năng xúc tác cho nhiều phản ứng hóa học. Bên cạnh đó, việc sử dụng một số phối tử cầu nối, đóng vai trò trung hòa điện của hợp phần {M2Ln(L2)2}3+ đồng thời có thể kết nối các hợp phần này lại với nhau sẽ tạo nên các polime vô cơ.

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là đặt nền móng cho hướng nghiên cứu các phức chất đa nhân hỗn hợp kim loại chuyển tiếp d-f trên cơ sở phối tử thioure. Bên cạnh đó tổng hợp những hệ phối tử thioure có khả năng tạo phức chất đồng thời với ion kim loại chuyển tiếp d và f; tổng hợp và nghiên cứu cấu trúc của một số hệ phức chất đa nhân hỗn hợp kim loại chuyển tiếp d-f mới.

Nội dung nghiên cứu chính của đề tài gồm tổng hợp một số phối tử N,N-pyriđin-2,6-dicacbonyl-bis(thioure) có các nhóm thể khác nhau; tổng hợp một số phức chất đa nhân đất hiếm và hai ion kim loại chuyển tiếp Ni2+, Zn2+ với các phối tử tổng hợp được; nghiên cứu cấu trúc của các phức chất tổng hợp được.

Để thực hiện được các nội dung trên, nhóm nghiên cứu đã sử dụng phương pháp tổng hợp phức chất dưới dạng rắn và khảo sát độ dẫn điện, đo điểm chảy, phân tích định lượng hàm lượng các nguyên tố.

Cấu trúc của phức chất sẽ được nghiên cứu bằng các phương pháp vật lý như phổ UV, IR, NMR, MS. Thiết bị dùng cho những nghiên cứu này hiện đã có ở Việt Nam. Đặc biệt, cấu trúc phân tử của sản phẩm sẽ được xác định bằng phương pháp nhiễu xạ tia X đơn tinh thể (đo mẫu ở nước ngoài).

Nghiên cứu dự kiến sẽ mở ra hướng nghiên cứu các phức chất đa nhân hỗn hợp kim loại chuyển tiếp d-f trên cơ sở phối tử thioure. Đề tài dự kiến sẽ công bố 02 bài báo trong nước; đào tạo 01 thạc sỹ. Dự kiến địa chỉ ứng dụng của nghiên cứu là các phức chất hỗn hợp kim loại chuyển tiếp d-f trên cơ sở phối tử thioure có thể ứng dụng làm nguyên liệu để tổng hợp vật liệu từ mới, polime vô cơ, hợp chất đại phân tử và ứng dụng trong xúc tác hóa học.

ĐỀ TÀI 2

Thiết kế phương pháp và phần mềm quản lý tài nguyên vô tuyến trong mạng thông tin di động thế hệ thứ 5 (5G) ứng dụng công nghệ truyền thông nhận thức và kiến trúc femtocell

Chủ trì đề tài: **TS. Nguyễn Nam Hoàng, Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN**

Lịch sử phát triển mạng thông tin di động ghi nhận rằng thế hệ di động mới sẽ ra đời sau khoảng 10 năm bắt đầu xuất hiện của thế hệ di động trước đó. Ví dụ như GSM (2G) ra đời những năm 1990, IMT-2000/UMTS (3G) xuất hiện quãng năm 2000 và vừa qua (2011), thế hệ 4G được ITU-T xác định chuẩn hóa. Như vậy có thể thấy rằng thế hệ 5G được trông đợi sẽ xuất hiện vào năm 2020.

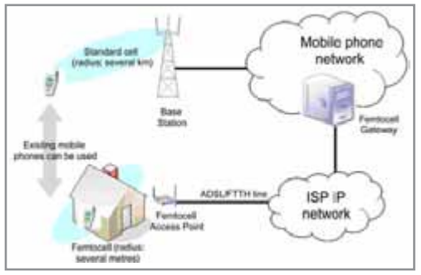

Việc nghiên cứu về thông tin di động 5G được đề cập từ vài năm trước với quan điểm rằng thông tin di động 5G sẽ lấy người dùng làm trung tâm và dựa trên nhiều công nghệ hiện đại software defined radio (SDR), vô tuyến nhận thức (cognitive radio), truyền thông chuyển tiếp (relay communications) v...v.

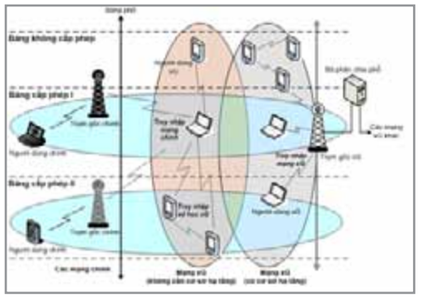

Tính tới thời điểm hiện tại, việc nghiên cứu và phát triển thông tin di động 5G vẫn đang là lĩnh vực mới mẻ trên thế giới. Một số công trình nghiên cứu có đề cập tới một số khía cạnh khác nhau của thông tin di động 5G như kiến trúc mạng, xu hướng phát triển, ứng dụng v...v. Có thể nói rằng thông tin di động 5G còn có nhiều vấn đề nghiên cứu để ngỏ và đầy thử thách trên thế giới.

Tại Việt Nam một số công nghệ tương lai cho thông tin di động 5G chẳng hạn như SDR, cognitive radio đã và đang được thực hiện ở một số đơn vị nghiên cứu như Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Công nghệ (thuộc ĐHQGHN) v...v. Tuy nhiên, việc nghiên cứu về kiến trúc mạng 5G, quản lý tài nguyên vô tuyến, phát triển phần mềm mô hình hóa, mô phỏng cho mạng 5G, chưa có nơi nào thực hiện. Bởi vì mạng 5G dự kiến sẽ có kiến trúc mở, khả năng nhận thức thông minh và vùng phủ sóng nhỏ, nên các công cụ dùng trong quy hoạch và quản lý tài nguyên vô tuyến hiện nay không còn phù hợp.

Chính vì thế mục tiêu nghiên cứu của đề tài là xây dựng một nhóm nghiên cứu mạnh trong lĩnh vực mạng thông tin di động 5G. Thiết kế thuật toán quản lý tài nguyên và phát triển phần mềm tính toán, mô phỏng và ứng dụng trong quy hoạch mạng thông tin di động 5G; thực hiện nghiên cứu đánh giá và lựa chọn công nghệ khả thi cho thông tin di động 5G. Xây dựng nhóm nghiên cứu tập trung vào các vấn đề công nghệ cốt lõi của mạng 5G bao gồm: quản lý tài nguyên vô tuyến, nâng cao dung lượng mạng di động, quản lý di động và chất lượng dịch vụ (QoS). Phát triển phần mềm tính toán và mô phỏng phục vụ việc nghiên cứu và hướng tới áp dụng trong việc quy hoạch mạng thông tin di động 5G. Nhóm nghiên cứu đã đưa ra 03 nội dung nghiên cứu chính: phân tích và đánh giá các công nghệ truyền thông cho thông tin di động 5G; nghiên cứu cơ chế quản lý tài nguyên vô tuyến trong mạng thông tin di động 5G; phát triển phần mềm tính toán và mô phỏng mạng thông tin di động 5G. Để thực hiện được các nội dung trên, nhóm nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp sau:

- Tìm hiểu và phân tích các tài liệu khoa học và công nghệ mới nhất vừa qua trong lĩnh vực điện tử viễn thông và thông tin di động.
- Phân tích xu hướng phát triển công nghệ truyền thông cho mạng thông tin di động 5G.
- Nghiên cứu và phân tích các vấn đề về quản lý tài nguyên vô tuyến trong mạng thông tin di động 5G. Quản lý tài nguyên vô tuyến đóng vai trò quan trọng bậc nhất trong việc đảm bảo sự vận hành hiệu quả của mạng thông tin di động và nâng cao dung lượng mạng lưới.
- Thiết kế và đề xuất các giải pháp cho quản lý tài nguyên vô tuyến và nâng cao dung lượng mạng thông tin di động 5G.
- Thiết kế, xây dựng và phát triển phần mềm tính toán và mô phỏng mạng thông tin di động 5G.

Kết quả của đề tài nghiên cứu dự kiến sẽ là luận cứ khoa học và phân tích hệ thống công nghệ cho việc lựa chọn kiến trúc mạng thông tin di động 5G để làm cơ sở cho việc nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực này đồng thời là cơ sở lý thuyết và thực nghiệm phân tích các vấn đề về quản lý tài nguyên vô tuyến trong mạng thông tin di động 5G; sản phẩm phần mềm dùng cho nghiên cứu và ứng dụng trong quy hoạch mạng thông tin di động 5G. Đề tài dự kiến công bố 01 bài báo hội nghị trong nước; 01-02 bài báo hội nghị quốc tế; 01 bài báo trong nước/ quốc tế; phục vụ nghiên cứu và ứng dụng trong quản lý tài nguyên vô tuyến của mạng thông tin di động 5G; đào tạo 03 cử nhân và 01 thạc sĩ. Địa chỉ ứng dụng dự kiến là Viện nghiên cứu phát triển Viettel; Công ty viễn thông Viettle, công ty Vinaphone, công ty MobiFone; và các nghiên cứu về mạng di động ở các trường đại học, viện nghiên cứu.

ĐỀ TÀI 3

Pháp luật Việt Nam về chống hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng: Thực trạng và phương hướng hoàn thiện

Chủ trì đề tài: **TS. Nguyễn Thị Quế Anh, Khoa Luật, ĐHQGHN**

Trong những năm qua, Việt Nam đã có những cố gắng không nhỏ trong việc hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chống hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng. Tuy nhiên, theo các số liệu, báo cáo thống kê chính thức, hiện tượng sản xuất, lưu thông và buôn bán hàng giả không những chưa được kiểm soát, mà trái lại còn không ngừng gia tăng. Mức độ nghiêm trọng của hiện tượng hàng giả nói chung và hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn cho người tiêu dùng nói riêng thể hiện ở sự tăng lên không ngừng của số lượng các vụ vi phạm bị phát hiện, ở sự đa dạng hóa các mặt hàng bị làm giả, làm nhái, đồng thời ở cả sự phức tạp về phương thức, quy mô của các hoạt động sản xuất, lưu thông và buôn bán hàng giả.

Tính nguy hiểm của hoạt động sản xuất, buôn bán hàng giả, đặc biệt là hàng giả gây hại cho sức khỏe và an toàn cho người tiêu dùng được thể hiện trên nhiều phương diện. Trước hết, các hoạt động phi pháp này gây tổn hại trực tiếp về uy tín và kinh tế cho các doanh nghiệp là những chủ sở hữu hợp pháp của các quyền sở hữu trí tuệ bị xâm hại, đặt họ vào hoàn cảnh cạnh tranh bất lợi trên thị trường. Tiếp đó, cũng không kém phần quan trọng, hoạt động sản xuất, buôn bán hàng giả gây hại trực tiếp đến người tiêu dùng. Người tiêu dùng không chỉ gánh chịu những thiệt hại về kinh tế khi mua phải hàng giả, mà trong nhiều trường hợp, việc sử dụng các mặt hàng này còn gây hại đến sức khỏe, thậm chí tính mạng của họ. Trên bình diện rộng lớn hơn, sự phát triển phổ biến của nạn hàng nhái, hàng giả còn đặt ra câu hỏi về hiệu quả trong thực thi pháp luật về bảo hộ sở hữu trí tuệ, về bảo vệ người tiêu dùng và hiệu quả quản lý nhà nước nói chung. Đặc biệt, trong bối cảnh Việt Nam đã và đang tích cực hội nhập kinh tế - thương mại quốc tế, vấn đề hàng nhái, hàng giả đặt ra trách nhiệm của chính phủ Việt Nam trong việc thực thi các cam kết quốc tế về bảo hộ sở hữu trí tuệ và đảm bảo sự lành mạnh môi trường kinh doanh, qua đó tác động tiêu cực đến hình ảnh của Việt Nam trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài.

Mục tiêu của đề tài nhằm nghiên cứu cơ sở lý luận và thực trạng pháp luật Việt Nam về đấu tranh chống hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng, từ đó đưa ra các đề xuất, biện giải nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường hiệu quả của hoạt động đấu tranh chống hàng giả nói chung và chống hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng nói riêng.

Đề tài gồm các nội dung chính sau:

Nội dung 1: Cơ sở lý luận, pháp lý của việc xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật về chống hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng

- Hoạt động 1: Phân tích và đánh giá cơ sở lý luận của việc xây dựng các quy định pháp luật đặc thù nhằm đấu tranh chống hàng giả gây hại cho sức khỏe của người tiêu dùng trong hệ thống các quy định pháp luật chống hàng giả nói chung.
- Hoạt động 2: Phân tích, so sánh, đánh giá các quan điểm, mô hình pháp luật nước ngoài về đấu tranh chống hàng giả gây hại cho sức khỏe của người tiêu dùng.
- Hoạt động 3: Phân tích, đánh giá nội dung các cơ chế quốc tế tiêu biểu về đấu tranh chống hàng giả gây hại cho sức khỏe của người tiêu dùng.

Nội dung 2: Thực trạng và xu hướng của vấn đề hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng tại Việt Nam

- Hoạt động 1: Tập hợp, đánh giá các báo cáo, số liệu thống kê và các kết quả khảo sát về thực trạng sản xuất, nhập khẩu, buôn bán hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng tại Việt Nam trong các giai đoạn.
- Hoạt động 2: Phân tích, đánh giá một số vụ việc tiêu biểu về sản xuất, nhập khẩu, buôn bán hàng giả gây hại cho sức khỏe và an toàn của người tiêu dùng đã bị phát hiện, xử lý trong thời gian qua.
- Hoạt động 3: Nhận định, đánh giá thực trạng, xu hướng phát triển của hoạt động sản xuất, nhập khẩu, buôn bán hàng giả gây hại cho người tiêu dùng trong thời gian tới .

Nội dung 3: Thực trạng và những bất cập của pháp luật Việt Nam về chống hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng

- Hoạt động 1: Khái quát, đánh giá quá trình hình thành và phát triển của pháp luật Việt Nam về chống hàng giả nói chung và chống hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng nói riêng.
- Hoạt động 2: Phân tích, đánh giá những mặt tích cực, bất cập của các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành trong đấu tranh chống hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng.

- Hoạt động 3: Phân tích, đánh giá những nguyên nhân của hiện trạng kém hiệu quả của các quy định pháp luật Việt Nam về chống hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng.

Nội dung 4: Các đề xuất, giải pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu quả của pháp luật Việt Nam về chống hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng

- Hoạt động 1: Phân tích, đánh giá những chính sách, nguyên tắc chỉ đạo trong việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam về chống hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng.
- Hoạt động 2: Đề xuất nhóm các giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về chống hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng.
- Hoạt động 3: Đề xuất nhóm các giải pháp nhằm hỗ trợ cho hoạt động lập pháp, lập quy và nâng cao hiệu quả áp dụng của các quy định pháp luật về chống hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng.

Để nghiên cứu các nội dung trên nhóm nghiên cứu đã sử dụng phương pháp nghiên cứu chung dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin và các phương pháp đặc thù như Phương pháp pháp luật học so sánh; phương pháp thống kê; phương pháp hệ thống hoá; phương pháp phân tích; phương pháp tổng hợp.

Dự kiến kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ được áp dụng trong các lĩnh vực:

Lĩnh vực đào tạo: Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể sử dụng trong hoạt động đào tạo ở cấp độ đại học, thạc sĩ và chuyên đề cho NCS. Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở tài liệu, văn bản đã được tập hợp, dịch, xử lý trong quá trình thực hiện đề tài có thể sử dụng làm nguồn tài liệu để xây dựng, hoàn thiện các giáo trình Tư pháp Quốc tế, Luật Thương mại Quốc tế của Khoa Luật, Luật dân sự. Đặc biệt trong bối cảnh tại Khoa Luật đang tiến hành đào tạo cử nhân mã ngành Luật kinh doanh, thì kết quả của Đề tài sẽ góp phần vào việc hình thành nguồn tài liệu có chất lượng cho hoạt động giảng dạy, đào tạo của chương trình đối với các môn học về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, về chống hàng giả và hành vi cạnh tranh thiếu lành mạnh, về bảo vệ người tiêu dùng.

Lĩnh vực nghiên cứu khoa học: Kết quả đề tài, cũng như hệ thống cơ sở dữ liệu, tài liệu thu thập, xử lý trong quá trình thực hiện đề tài có thể là nguồn tài liệu tham khảo tốt cho các nhà nghiên cứu tại Việt Nam, góp phần khắc phục từng bước sự thiếu vắng các công trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn về lĩnh vực chống hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng nói riêng và chống hàng giả nói chung ở Việt Nam hiện nay.

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ là sự đóng góp, bổ sung cho nền tảng lý luận của khoa học pháp lý Việt Nam trong lĩnh vực chống hàng giả nói chung và hàng giả gây hại cho người tiêu dùng nói riêng, mở ra hướng tiếp cận mới mang tính liên ngành, liên lĩnh vực: bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chống hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng.

HỘI ĐỒNG CHUYÊN MÔN HỌP XÉT DUYỆT HỒ SƠ CHƯƠNG TRÌNH ISEF VÀ CÁC ĐỀ XUẤT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC NĂM 2012

Trong năm 2012, Trung tâm ARC đã tổ chức 2 cuộc họp Hội đồng Chuyên môn vào các ngày 29/02 và 02/10.

Cuộc họp đầu tiên được tổ chức để xét duyệt hồ sơ đăng ký tham gia Chương trình Giao lưu Học giả Quốc tế (ISEF) 2012-2013. Hội đồng Chuyên môn đã tham khảo ý kiến đánh giá của các chuyên gia phản biện, xem xét năng lực nghiên cứu của các ứng viên cũng như chất lượng khoa học của các hồ sơ và quyết định đề cử 04 học giả xuất sắc nhất cho chương trình, trong đó Quỹ KFAS đã lựa chọn 02 học giả tham gia Chương trình.

Lần thứ hai hội đồng chuyên môn họp để xét duyệt tài trợ các hoạt động khoa học năm 2012. Trước khi đưa ra họp hội đồng chuyên môn, các hồ sơ đăng ký đã trải qua 02 vòng xét duyệt của các hội đồng chuyên/liên ngành. Sau đó, mỗi hồ sơ được gửi tới 02 chuyên gia phản biện độc lập để đánh giá. Trong số 52 hồ sơ đăng ký, Trung tâm đã lựa chọn 38 hồ sơ có điểm đánh giá cao nhất để đưa vào vòng xét duyệt cuối cùng của Hội đồng Chuyên môn. Các thành viên Hội đồng Chuyên môn đã xem xét kỹ từng hồ sơ đăng ký, thảo luận và quyết định tài trợ 09 đề tài nghiên cứu, 05 hội thảo khoa học và 04 xuất bản phẩm.

Dự kiến đề tài sẽ công bố 02 bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành; đào tạo 01 cử nhân, 01 đến 02 thạc sĩ. Địa chỉ ứng dụng dự kiến của nghiên cứu tại các cơ quan nhà nước: Các cơ quan xây dựng chính sách, lập pháp; các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực quản lý thị trường, hải quan, chống hàng giả, buôn lậu và gian lận thương mại; các cơ quan về quản lý sở hữu trí tuệ, hệ thống các toà án nhân dân từ cấp tỉnh; các cơ sở nghiên cứu, đào tạo về luật, kinh tế; các doanh nghiệp, hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng.

ĐỀ TÀI 4 | Điều tra đa dạng sinh học hệ Tảo và Vi khuẩn lam tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, tỉnh Thanh Hóa

Chủ trì đề tài: **TS. Nguyễn Thùy Liên, ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN**

Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Thanh Hóa và bao gồm phía Tây của cảnh quan đá vôi Pù Luông – Cúc Phương, một vành đai núi đá vôi karst và chạy qua Bắc Trung bộ Việt Nam. Cảnh quan này là một ví dụ quan trọng mang tính toàn cầu của hệ sinh thái karst và khu vực rừng đá vôi đất thấp lớn nhất còn lại của miền Bắc Việt Nam.

Hệ thống nước của khu bảo tồn rất đa dạng. Bên cạnh hệ thống sông ngầm, hệ thống nước trên bề mặt gồm nhiều dạng thủy vực khác nhau: hệ thống suối, sông Mã bao quanh vùng đệm khu bảo tồn về phía Tây, phía Nam và Đông Nam, hệ thống nước của vùng lõi đá vôi, các ao, hồ. Sự đa dạng của các loại hình thủy vực trong khu vực cho thấy tiềm năng và sự đa dạng cao của các sinh vật sống dưới nước, trong đó có Tảo và Vi khuẩn lam.

Tảo và vi khuẩn lam là một thành phần sinh vật quan trọng của hệ sinh thái thuỷ vực. Chúng có thể sống trong hầu hết các loại thuỷ vực khác nhau. Tuy nhiên, so với các sinh vật khác, tảo còn ít được biết tới.

Trong tự nhiên, tảo và vi khuẩn lam giữ vai trò cả tích cực lẫn tiêu cực. Trước hết, tảo và vi khuẩn lam đóng vai trò là sinh vật sản xuất, cung cấp nguồn chất hữu cơ và năng lượng ban đầu cho các sinh vật khác trong môi trường nước do có khả năng quang hợp. Chúng còn cung cấp oxy cho nước và tiết ra một số chất cần thiết khác. Nhiều loại tảo được nuôi trồng trở thành một nguồn cung cấp thức ăn cho người và gia súc như chi tảo đỏ Porphyra. Cùng với những tiến bộ của công nghệ hiện đại, tảo đang là một nguồn cung cấp dược liệu đầy tiềm năng. Một số loại tảo đã được nghiên cứu trong việc xử lý nước thải như tảo Chorella pyrenoidosa. Tác động tiêu cực của tảo ở chỗ chúng có thể tiết chất độc gây hại cho người và các sinh vật khác như loài vi khuẩn lam Lyngbya majuscula. Sự phát triển quá mức của tảo và vi khuẩn lam có thể gây hiện tượng nước nở hoa.

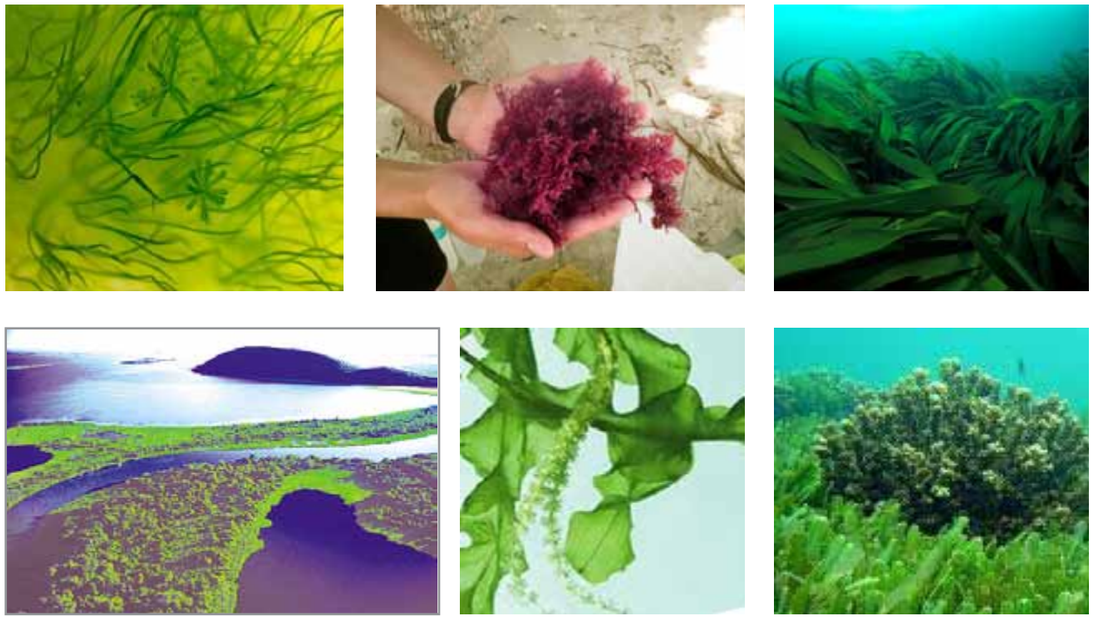

Đề tài có mục tiêu cung cấp thông tin về thành phần, sự phân bố và thực trạng của các loài tảo và vi khuẩn lam tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông. Trên cơ sở đó, đề tài hướng tới mục đích:

- Cung cấp cơ sở phục vụ học tập và nghiên cứu trong trường Đại học.
- Tạo cơ sở cho công tác bảo tồn và duy trì sự đa dạng sinh học của hệ Tảo và Vi khuẩn lam tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.
- Bổ sung thêm dữ liệu về hệ Tảo và Vi khuẩn lam của Việt Nam, một lĩnh vực nghiên cứu hiện vẫn chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu.

Nhóm nghiên cứu tập trung vào nghiên cứu 03 nội dung chính: Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và vai trò của các thuỷ vực trong khu vực nghiên cứu, đặc tính hóa- lý của các thủy vực nghiên cứu; điều tra đa dạng sinh học hệ Tảo và Vi khuẩn lam thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, tỉnh Thanh Hóa; điều tra phân bố và cấu trúc quần xã Tảo và Vi khuẩn lam của các thuỷ vực đặc trưng trong vùng.

Để thực hiện được nội dung trên, nhóm nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau:

- Hồi cứu và kế thừa triệt để các tài liệu đã có..
- Triển khai các đợt khảo sát thực địa để thu thập trực tiếp các mẫu vật về các điều kiện tự nhiên, đa dạng sinh học và kinh tế- xã hội trong vùng bằng các phương pháp chuyên dùng cho các lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội hiện nay.
- Phương pháp phân loại học hệ thống sinh vật của các đối tượng nghiên cứu.
- Phương pháp so sánh.
- Phương pháp chuyên gia

Dự kiến kết quả của đề tài sẽ lần đầu tiên công bố danh lục loài Tảo và Vi khuẩn lam tại các thủy vực của Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, tỉnh Thanh Hóa và phân bố của chúng. Dữ liệu này nhằm phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu hiện nay, đồng thời bổ sung cho khu hệ Tảo và Vi khuẩn lam của Việt Nam. Đề tài dự kiến công bố 01 bài báo trong nước; chỉ ra nội dung khoa học nào sẽ giao cho học viên cao học và nghiên cứu sinh. Dự kiến địa chỉ ứng dụng của nghiên cứu: Phục vụ giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội; phục vụ công tác quy hoạch và bảo tồn tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, tỉnh Thanh Hóa.

ĐỀ TÀI 5

Nghiên cứu chế tạo màng dẫn nano dùng trong các linh kiện quang – điện tử

Chủ trì đề tài: **TS. Nguyễn Phương Hoài Nam, Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN**

Trong vòng hơn hai thập kỉ gần đây, vật liệu bán dẫn hữu cơ đã và đang thu hút được nhiều sự quan tâm và đầu tư nghiên cứu trong các trường đại học, viện và các trung tâm nghiên cứu của các nước có nền khoa học kĩ thuật phát triển cao trên thế giới. Trên thực tế, đã có những kết quả nghiên cứu được đưa vào ứng dụng trong thực tiễn như linh kiện phát quang, hiển thị và pin mặt trời hữu cơ, đáp ứng được những yêu cầu về khai thác sử dụng nguồn năng lượng sạch, tiết kiệm và thân thiện môi trường. Ở Việt Nam hiện nay, lĩnh vực nghiên cứu về linh kiện phát quang và pin mặt trời hữu cơ cũng đang nhận được sự quan tâm và đầu tư nghiên cứu, trong đó Trường ĐHCN-ĐHQGHN là một trong những trung tâm nghiên cứu mạnh về lĩnh vực này với dự án Phòng thí nghiệm Micro-nano. Đề tài nghiên cứu do ĐHQGHN quản lý CN.10.08 do tác giả chủ trì đã thu được những kết quả nghiên cứu khả quan về một loại vật liệu mới là polymer nanocomposite trên cở sở tổ hợp blend của các polyme dẫn, là tiền đề tốt cho việc nghiên cứu ứng dụng loại vật liệu này trong chế tạo các linh kiện quang-điện tử

Mục tiêu đề tài là nghiên cứu chế tạo một số màng dẫn mỏng kích thước nano, ứng dụng làm các lớp tiếp xúc điện cực trong chế tạo OLED nhằm tăng cường độ ổn định, hiệu suất cũng như tuổi thọ của linh kiện.

Nhóm nghiên cứu tập trung vào 03 nội dung chính: Nghiên cứu chế tạo và khảo sát đặc trưng tính chất của các màng mỏng kích thước nano trên cơ sở Poly (3,4-ethylenedioxythiophene)-PEDOT và ống carbon nano (CNTs); nghiên cứu chế tạo và khảo sát đặc trưng tính chất của các màng mỏng kích thước nano TiO2 nano cluster; chế tạo và xác định các thông số đặc trưng của các linh kiện quang-điện sử dụng lớp tiếp xúc điện cực là các màng dẫn nano và lớp hoạt quang là tổ hợp blend conducting polymer từ poly(9-vinylcarbarzole) - (PVK) và poly-[2-methoxy, 5-(2'-ethyl-hexyloxy) phenylene vinylene] - (MEH-PPV).

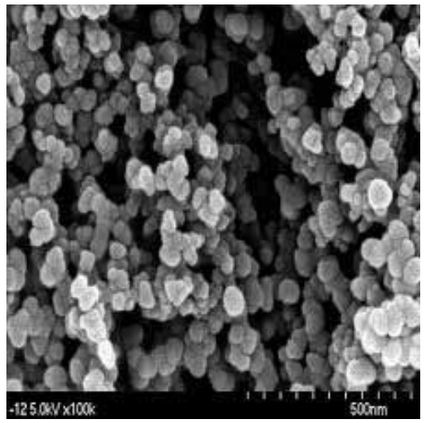

Để nghiên cứu các nội dung trên, nhóm nghiên cứu đã thực hiện các phương pháp sau:

- Chế tạo màng mỏng nano bằng các phương pháp vật lý và hóa học kết hợp với kỹ thuật xử lí nhiệt chân không.
- Nghiên cứu cấu trúc hình thái học của màng mỏng nano thông qua ảnh chụp kính hiển vi điện tử quét phát xạ trường FE-SEM và khảo sát cấu trúc tinh thể của vật liệu qua giản đồ nhiễu xạ tia X (XRD).
- Khảo sát các tính chất quang-điện của vật liệu bằng thiết bị quang phổ UV-Vis-NIR-V570; máy quang phổ nhãn hiệu FL3 – 22 (Jobin – Yvons), xác định cấu trúc phân tử bằng phổ hồng ngoại biến đổi Fourier (FTIR) và xác định độ dày của màng bằng thiết bị α step DEKTAK.
- Xác định đặc trưng I-V của link kiện bằng hệ đo điện hóa Potentio-Galvanostat.

Kết quả dự kiến của nghiên cứu sẽ góp phần làm rõ vai trò ảnh hưởng của việc sử dụng các màng mỏng nano làm lớp tiếp xúc điện cực trong cấu trúc linh kiện quang-điện tử. Đề tài dự kiến công bố 02 bài báo; đào tạo 02 cử nhân và 01 thạc sĩ. Dự kiến địa chỉ ứng dụng của nghiên cứu là công ty Samsung Việt Nam.

ĐỀ TÀI 6

Trần Nhân Tông: vấn đề hòa bình và hòa giải trong bối cảnh quốc tế và khu vực thế kỷ XIII - XIV

Chủ trì đề tài: **PGS. TS. Trần Ngọc Vương, ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN**

Trần Nhân Tông là một đại diện lỗi lạc, kết tinh nhiều mặt của lịch sử và văn hóa Đại Việt. Trong thời gian gần đây, giới nghiên cứu Việt Nam học cả trong nước và quốc tế đều thống nhất trong định hướng nghiên cứu sâu về hành trạng của Ngài, tạo cơ sở nhận thức để khẳng định địa vị của Ngài ở tầm danh nhân văn hóa thế giới. Gần nhất, trường Đại học Harvard (Hoa Kỳ) đã thành lập Học viện Trần Nhân Tông, tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế đầu tiên về Trần Nhân Tông, lập giải thưởng quốc tế mang tên Trần Nhân Tông về Hòa giải trên thế giới. Đại học Quốc gia Hà Nội đã được mời làm đối tác chính trong các sự kiện này. Bản thân Đại học Quốc gia Hà Nội cũng đang thiết kế đề án lập Viện nghiên cứu Trần Nhân Tông và danh nhân. Đề tài này được thiết định trong một quỹ đạo tổng thể như thế.

Mục tiêu của đề tài nhằm nghiên cứu sâu về Trần Nhân Tông và thời đại Lý - Trần trong lịch sử Đại Việt. Bên cạnh đó đề tài còn nghiên cứu về một phương diện quan trọng và cơ bản trong sự nghiệp của Trần Nhân Tông, biểu tượng của hào khí Đông A và là người chuyển tải những nét đặc sắc của Văn hóa Việt Nam thời Lý – Trần.

Nội dung đề tài chủ yếu tái hiện bức tranh toàn cảnh về thực trạng và những mối quan hệ đa chiều giữa nước Đại Việt thời Trần Nhân Tông với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác trong khu vực Đông Á – Đông Nam Á (tập trung vào những mối quan hệ với các triều đại Tống, Nguyên ở Trung Quốc, với Chiêm Thành, Ai Lao và các vùng lãnh thổ khác có liên quan trực tiếp tới nhà nước và Cộng đồng Đại Việt ở các thế kỷ XIII – XIV; vấn đề chiến tranh, hòa bình, thời chiến và thời hậu chiến ở Việt Nam các thế kỷ đó; vai trò của Trần Nhân Tông với tư cách là vị quốc chủ và nhà tư tưởng, nhà văn hóa, người lãnh đạo tinh thần quan trọng hàng đầu của quốc gia trong việc giải quyết hàng loạt những vấn đề liên quan trực tiếp tới số phận và vị thế của quốc gia – dân tộc, cả trên bình diện đối nội và đối ngoại; những bài học lịch sử từ thực tế đó.

Để nghiên cứu nội dung trên, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp kết hợp nghiên cứu chuyên ngành (lịch sử, lịch sử tư tưởng, chính trị học, văn hóa học, văn học, tôn giáo học, ..) với nghiên cứu đa ngành, liên ngành.

Đề tài dự kiến tạo ra một bước đột phá theo chiều sâu về nghiên cứu Trần Nhân Tông và thời đại Lý Trần trên một hồ sơ xác định. Dự kiến đề tài sẽ công bố 3 bài báo khoa học trên các tạp chí trong nước và quốc tế và sẽ có một tập sách mang tính chuyên khảo được xuất bản. Địa chỉ ứng dụng của nghiên cứu sẽ tại các trường Đại học có chuyên môn khoa học xã hội và nhân văn; các Viện nghiên cứu; các Bộ, Ban, Ngành của nhà nước và chính phủ có liên quan.

Đề tài được thực hiện sẽ đóng góp cho nghiên cứu liên ngành lịch sử, tôn giáo, tư tưởng, văn hóa, văn học, chính trị, quan hệ quốc tế, đồng thời mở ra một hướng nghiên cứu các vấn đề của đất nước trong quá khứ thông qua mối quan hệ với khu vực và quốc tế. Đề tài dự kiến sẽ đóng góp những bài học hữu ích trong việc xây dựng và quản lý đất nước trong thời hiện đại thông qua những kinh nghiệm của quá khứ.

ĐỀ TÀI 7

Nghiên cứu phương pháp phân tích ảnh viễn thám phục vụ đánh giá mức độ ô nhiễm không khí tại Việt Nam

Chủ trì đề tài: **TS. Lê Thanh Hà, Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN**

Thời gian gần đây ô nhiễm môi trường là thực tại mà nhiều nước trong đó có Việt Nam đang phải đối mặt. Hiện nay ở Việt Nam có rất nhiều dự án quốc tế liên quan đến vấn đề theo dõi, giám sát và đánh giá thực trạng mức độ ô nhiễm không khí ở các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và từ đó đề xuất các giải pháp. Hiện tại, Việt nam đang tham gia vào mạng lưới các thành phố Châu Á có không khí sạch (Clean Air Initiative for Asian cities – CAI-Asia). Mạng lưới này bao gồm nhiều thành viên được hỗ trợ bởi ngân hàng phát triển Châu Á, ngân hàng thế giới và Công ty môi trường Mỹ-Châu Á (US-AEP) để thúc đẩy việc quản lý chất lượng không khí ở Châu Á (CAI ASIA, 2010). Vietnam Register (VR) ở Việt Nam thuộc mạng lưới này, hướng tới việc cung cấp chứng chỉ và giám sát cho chất lượng và độ an toàn của các phương tiện giao thông (ví dụ: xe máy). VR cung cấp các dịch vụ cho việc thúc đẩy một cuộc sống an toàn, giàu có và ngăn chặn ô nhiễm môi trường.

Việc nghiên cứu và áp dụng phương pháp phân tích ảnh viễn thám trong việc đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường ở Việt Nam trở nên thiết thực với những hy vọng mang lại hiệu quả cao. Mục tiêu chung của nhóm nghiên cứu là xây dựng một nhóm nghiên cứu mạnh trong các ứng dụng về môi trường sử dụng ảnh viễn thám. Thiết kế phương pháp sử dụng ảnh viễn thám trong việc ước lượng các tham số không khí/khí quyển phục vụ bài toán đánh giá ô nhiễm không khí. Bên cạnh đó nhóm cũng đưa ra mục tiêu cụ thể là thực hiện nghiên cứu đánh giá và lựa chọn phương pháp khả thi trong việc phân tích ảnh thu nhận từ vệ tinh viễn thám kết hợp với các dữ liệu quan trắc đo được từ các trạm quan sát trên mặt đất nhằm: nâng cao chất lượng bản đồ tham số không khí/khí quyển (Aerosol Optical Thickness/Depth - AOT/AOD), ước lượng thông số đo chất lượng không khí (Particulate Matter Concentration – PM2.5/10) từ các dữ liệu ảnh viễn thám.

Để thực hiện được những mục tiêu trên, nhóm nghiên cứu sẽ tập trung vào nghiên cứu các nội dung sau:

Thu thập dữ liệu ảnh viễn thám (AOT/AOD)

- Tìm kiếm các nguồn dữ liệu ảnh viễn thám phù hợp với mục tiêu nghiên cứu trên lãnh thổ Việt Nam và/hoặc khu vực lân cận.
- Xây dựng phương án lưu trữ cho dữ liệu viễn thám kích thước lớn thu nhận được.
- Nghiên cứu, phân tích một số phương pháp tiền xử lý ảnh trước khi sử dụng.

Thu thập dữ liệu tại các trạm quan trắc (AOT/AOD/ PM2.5/10)

- Tìm kiếm các nguồn dữ liệu quan trắc phù hợp với nội dung nghiên cứu từ trạm quan sát trên lãnh thổ Việt Nam và/hoặc khu vực lân cận.
- Nghiên cứu, phân tích các phương pháp tiền xử lý dữ liệu trước khi sử dụng.
- Xây dựng phương án lưu trữ dữ liệu phù hợp với nội dung nghiên cứu.

Phân tích và đánh giá sự tương quan giữa các số liệu viễn thám và các số liệu quan trắc

- Nghiên cứu phương pháp tích hợp dữ liệu ảnh viễn thám và dữ liệu quan trắc điểm theo không gian và thời gian.
- Phân tích, đánh giá sự tương quan giữa các dữ liệu ảnh viễn thám và số liệu quan trắc.

Nghiên cứu và đề xuất phương pháp phân tích ảnh viễn thám phục vụ việc ước lượng các tham số không khí/khí quyển với độ chính xác cao phục vụ theo dõi, kiểm tra, đánh giá mức độ ô nhiễm không khí ở khu vực Việt Nam.

- Nghiên cứu và đề xuất phương pháp nâng cao chất lượng bản đồ các tham số không khí/khí quyển thu nhận được qua vệ tinh dựa trên mối tương quan với các dữ liệu quan trắc cục bộ.
- Đánh giá tính hiệu quả của phương pháp đề xuất và xác định phạm vi ứng dụng của phương pháp trong lĩnh vực theo dõi, kiểm tra, đánh giá mức độ ô nhiễm không khí ở khu vực Việt Nam.

Kết quả dự kiến của đề tài:

- Luận cứ khoa học và phân tích hệ thống công nghệ cho việc sử dụng ảnh viễn thám hỗ trợ xác định tham số không khí/khí quyển/ô nhiễm và làm cơ sở cho việc nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực này.
- Cơ sở lý thuyết và thực nghiệm cho việc kết hợp dữ liệu ảnh viễn thám diện rộng cùng với dữ liệu quan trắc điểm nhằm ước lượng bản đồ tham số không khí/khí quyển/ ô nhiễm từ ảnh viễn thám với chất lượng cao phục vụ việc theo dõi, đánh giá mức độ ô nhiễm không khí trên lãnh thổ Việt Nam.
- Sản phẩm phần mềm thử nghiệm hỗ trợ việc xác định tham số không khí/khí quyển/ô nhiễm phục vụ bài toán ô nhiễm không khí bằng việc sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám và dữ liệu quan trắc.

Dự kiến đề tài sẽ công bố 1 bài báo khoa học và cho ra sản phẩm đào tạo dự kiến là 02 khóa luận tốt nghiệp cử nhân ĐHQGHN. Địa chỉ ứng dụng dự kiến là Đại học Công nghệ (Làm nền tảng cho các nghiên cứu tiếp theo) và các đơn vị nghiên cứu về môi trường, viễn thám, biến đổi khí hậu ở các trường đại học, viện nghiên cứu.

ĐỀ TÀI 8 Cơ sở khoa học và thực tiễn để phát huy quyền tự chủ của Đại học quốc gia trong điều kiện triển khai Luật Giáo dục đại học năm 2012

Chủ trì đề tài: **TS. Đỗ Đức Minh, Khoa Luật, ĐHQGHN**

Ở Việt Nam, quyền tự chủ của các trường đại học ngày càng được phát huy và mở rộng. Nếu trước kia, hệ thống giáo dục đại học của chúng ta hầu như chịu sự quản lý rất chặt chẽ về mọi mặt của Nhà nước (thông qua Bộ Giáo dục và Đào tạo), thì nay, các trường đại học đã dần được trao quyền tự chủ hơn. Thành lập Đại học Quốc gia là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm xây dựng trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, ngang tầm khu vực, dần dần đạt trình độ quốc tế; đóng vai trò nòng cốt trong lĩnh vực đào tạo đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; tham mưu cho Đảng, Nhà nước trong lĩnh vực đào tạo, tuyển chọn, bồi dưỡng nhân tài; đáp ứng nhu cầu phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế và phù hợp với xu thế phát triển đại học trên thế giới. Được tổ chức và hoạt động theo mô hình, cơ chế quản trị đại học tiên tiến, hiện đại; hai Đại học Quốc gia (Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) đã có những bước phát triển mạnh mẽ và đạt được những thành

tựu quan trọng, như: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; phát triển nhân tài, nơi đầu tiên trong cả nước mở hệ Cử nhân khoa học tài năng được thế giới thừa nhận, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh với các đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Hoạt động khoa học - công nghệ phát triển mạnh về qui mô, gắn kết chặt chẽ với đào tạo (nhất là đào tạo sau đại học), đạt được một số kết quả tầm cỡ quốc tế đồng thời gắn kết chặt chẽ với nhiều đại học danh tiếng, các nhà khoa học lớn trên thế giới cũng như các tổ chức quốc tế và các doanh nghiệp hàng đầu ở Việt Nam. Quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội cao là điều kiện tất yếu để phát triển Đại học Quốc gia tiếp cận trình độ quốc tế, đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt yêu cầu thay đổi nhanh chóng của xã hội.

Mục tiêu của nhóm nghiên cứu là khái quát quá trình xây dựng và phát triển của Đại học quốc gia, những thành tựu và kinh nghiệm chủ yếu sau gần 20 năm hoạt động; yêu cầu mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Đại học quốc gia trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; đề xuất các giải pháp phát huy quyền tự chủ của Đại học quốc gia trong điều kiện triển khai Luật Giáo dục đại học năm 2012, đảm bảo tính khoa học và thực tiễn. Bên cạnh đó nghiên cứu, làm rõ yêu cầu mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Đại học quốc gia; đề xuất các giải pháp để phát huy quyền tự chủ của Đại học quốc gia trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài chính, quan hệ quốc tế và tổ chức bộ máy trong điều kiện triển khai Luật Giáo dục đại học năm 2012, đảm bảo tính khoa học và thực tiễn.

Sử dụng các phương pháp: phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, hệ thống.., nhóm nghiên cứu thực hiện nghiên cứu những nội dung sau:

- Quá trình xây dựng và phát triển của Đại học quốc gia, những thành tựu và kinh nghiệm chủ yếu sau gần 20 năm hoạt động.
- Quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Đại học quốc gia trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.
- Những giải pháp phát huy quyền tự chủ của Đại học Quốc gia trong điều kiện triển khai Luật Giáo dục Đại học năm 2012.

Kết quả thu được của đề tài sẽ là báo cáo tổng quan kết quả nghiên cứu và các kiến nghị bao gồm đầy đủ các nội dung nghiên cứu của đề tài, đề xuất các giải pháp đồng bộ, đảm bảo cơ sở khoa học và thực tiễn phát huy quyền tự chủ của Đại học Quốc gia trong điều kiện triển khai Luật Giáo dục Đại học năm 2012. Dự kiến đề tài sẽ công bố 2 bài báo đăng tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước, nội dung bám sát yêu cầu và mục tiêu của đề tài; hoàn chỉnh dự thảo Nghị định về Đại học Quốc gia. Dự kiến địa chỉ ứng dụng của nghiên cứu là Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

ĐỀ TÀI 9

Cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc phát huy truyền thống giáo dục đại học Việt Nam: Trường hợp Đại học Quốc gia Hà Nội

Chủ trì đề tài: **PGS. TS. Phạm Hồng Tung, Viện Trưởng, Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQGHN**

Trên lộ trình đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục đại học Việt Nam, việc phát huy các giá trị truyền thống - lịch sử có ý nghĩa hết sức to lớn. Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) là cơ sở giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học có bề dày truyền thống và lịch sử lâu đời nhất, hiện nay lại đang là trung tâm đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực lớn nhất, đi tiên phong và làm nòng cột của toàn bộ hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Việc nghiên cứu phát huy các giá trị, quảng bá hình ảnh và uy tín của ĐHQGHN có thể coi là trường hợp tiêu biểu nhất trong nghiên cứu để rút ra những cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc khai thác và phát huy các giá trị cốt lõi của giáo dục đại học Việt Nam.

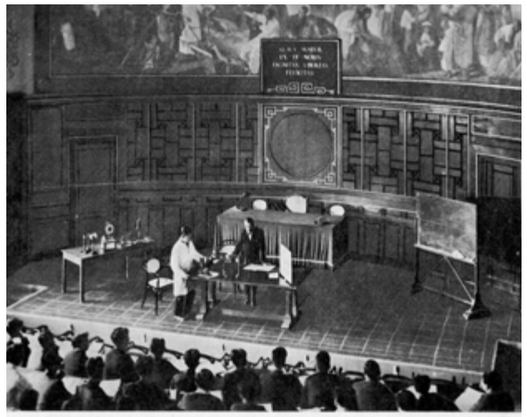

UNIVERSITÉ INDOCHINOISE DE HANOI. — UNE LEÇON DE PHYSIQUE DANS LE GRAND AMPHITHÉATRE

ĐHQGHN là cơ sở giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học đa ngành, đa lĩnh vực có bề dày lịch sử trên 100 năm. Trong quá trình phát triển, các thế hệ nhà giáo, nhà khoa học, cán bộ và sinh viên của ĐHQGHN đã tích hội được nhiều truyền thống và kinh nghiệm quý báu, có thể nói là tiêu biểu nhất của nền giáo đại học Việt Nam hiện đại. Trong từng giai đoạn phát triển, nhất là từ 1993 đến nay, ĐHQGHN đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Những truyền thống, kinh nghiệm và thành tựu đó cần phải được biểu đạt thông qua nội dung trưng bày tại Phòng Lịch sử - Truyền thống để góp phần làm cho các thế hệ cán bộ và sinh viên ĐHQGHN thêm tự hào, tin tưởng và nhận rõ trách nhiệm, bổn phận cần nỗ lực phấn đấu, phát huy xây dựng ĐHQGHN trên lộ trình đạt các chuẩn tiên tiến của thế giới và đóng góp nhiều hơn cho đất nước.

Hiện nay, một trong những nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển của ĐHQGHN là xây dựng và phát triển văn hóa cộng đồng, phát triển thương hiệu và quảng bá hình ảnh của ĐHQGHN. Việc xây dựng Phòng trưng bày Lịch sử - Truyền thống của ĐHQGHN tại Nhà Điều hành của ĐHQGHN là hoàn toàn cần thiết, cấp bách, trực tiếp góp phần thiết thực vào việc triển khai nội dung công tác quan trọng nói trên. Tuy nhiên, để công việc này đạt được các mục tiêu đã xác định và đảm bảo tính khoa học, thực tiễn, có tầm văn hóa theo các nguyên tắc của quản trị thương hiệu và quảng bá hình ảnh thì cần có nghiên cứu nhằm xác lập những nguyên tắc xây dựng nội dung và phương thức trưng bày.

Hiện nay, ĐHQGHN đã thực sự trở thành một trong những đầu mối quốc gia về giao lưu học thuật và văn hóa của cả nước, là một trung tâm và biểu tượng của đất nước về giáo dục đại học, nghiên cứu khoa học, phục vụ xã hội và hợp tác quốc tế. Hằng năm, ĐHQGHN đón hàng trăm đoàn khách quốc tế và trong nước đến thăm và làm việc tại khuôn viên 144 Xuân Thủy. Việc xây dựng Phòng trưng bày Lịch sử - Truyền thống với nội dung và phương thức trưng bày phù hợp sẽ góp phần quan trọng vào thành công của các hoạt động giao lưu, hợp tác của ĐHQGHN.

ĐHQGHN đang có kế hoạch xây dựng Bảo tàng ĐHQGHN. Nghiên cứu này sẽ góp phần khởi động cho đề án quan trọng nói trên

Đề tài nghiên cứu hướng đến mục tiêu xác lập cơ sở khoa học và thực tiễn, đề xuất nguyên tắc, nội dung cho việc sưu tầm, trưng bày và giới thiệu tại Phòng Lịch sử - Truyền thống của ĐHQGHN tại Nhà Điều hành ĐHQGHN. Trên cơ sở đó rút ra những bài học kinh nghiệm hữu ích cho việc khai thác và phát huy các giá trị cốt lõi của giáo dục đại học Việt Nam.

Đề tài tập trung vào các nội dung sau:

1) Xác định mục tiêu (đề cương) của việc trưng bày tại Phòng Lịch sử - Truyền thống tại Nhà Điều hành ĐHQGHN (giới thiệu tóm tắt lịch sử ĐHQGHN, giới thiệu tóm tắt về ĐHQGHN, giới thiệu tóm tắt các thành tựu tiêu biểu, những biểu tượng thương hiệu chính vv...)

2) Xác lập cơ sở khoa học cho việc sưu tầm các hiện vật, tài liệu có liên quan;

3) Xác lập cơ sở khoa học cho việc trưng bày.

4) Xác lập cơ sở thực tiễn:

- Phân tích cấu trúc, không gian trưng bày của Phòng.
- Kinh nghiệm thực tế của một số bảo tàng, phòng truyền thống của một số cơ sở, địa phương.
- Phân tích, đánh giá những hiện vật, tài liệu đã được sưu tầm.

5) Đề xuất phương pháp, nguyên tắc sưu tầm và trưng bày tại Phòng.

6) Đề xuất phương pháp, nguyên tắc, nội dung giới thiệu giản lược.

7) Rút ra những bài học kinh nghiệm hữu ích cho việc khai thác và phát huy các giá trị cốt lõi của giáo dục đại học Việt Nam.

Dự kiến đề tài sẽ giúp làm sáng tỏ cơ sở khoa học của việc sưu tầm, trưng bày, giới thiệu về lịch sử, truyền thống và thành tựu của ĐHQGHN; cơ sở thực tiễn và mối quan hệ giữa sưu tầm, trưng bày, giới thiệu về lịch sử, truyền thống và thành tựu của ĐHQGHN với phát triển thương hiệu, quảng bá hình ảnh của ĐHQGHN.

Ngoài một báo cáo tổng hợp, nhóm nghiên cứu dự kiến công bố một bản kiến nghị, đề xuất, chỉ dẫn cho việc sưu tầm, trưng bày, giới thiệu về lịch sử, truyền thống và thành tựu của ĐHQGHN.

HỘI THẢO KHOA HỌC

HỘI THẢO 1 Giải pháp bền vững trong xử lý nước thải công nghiệp và quản lý khu công nghiệp

Đơn vị tổ chức: **Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN**

Khu công nghiệp (KCN) là một công cụ hiệu quả cho sự phát triển công nghiệp và đem lại nhiều lợi ích cho cộng đồng. Song bên cạnh đó chúng cũng gây ra nhiều vấn đề về môi trường bởi hầu hết các khu công nghiệp được quy hoạch và hoạt động đều ít quan tâm tới vấn đề môi trường, do vậy đang dần phá hủy nghiêm trọng môi trường tại nhiều khu vực. Một trong những vấn đề đáng quan tâm và

mang tính cấp thiết hiện nay là việc xử lý nước thải tại các KCN bởi hoạt động của các KCN thường gắn liền với việc tiêu thụ và thải ra môi trường lượng nước lớn và có mức độ ô nhiễm cao.

Cùng nằm trong mối quan tâm đó, trong hai ngày 10 – 11/10/2012 hội thảo quốc tế ***"Giải pháp bền vững trong xử lý nước thải công nghiệp và quản lý khu công nghiệp"*** được trường Đại học Khoa học Tự nhiên đăng cai tổ chức với mục tiêu nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xử lý nước thải công nghiệp và quản lý khu công nghiệp.

Hội thảo là diễn đàn cho hơn 100 nhà khoa học và nhà nghiên cứu trong và ngoài nước cùng thảo luận và trình bày các giải pháp bền vững để quản lý hiệu quả nguồn thải của các khu công nghiệp ở các nước nhiệt đới trong đó có Việt Nam.

NGHIỆM THU VÀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 12 ĐỀ TÀI NHẬN TÀI TRỢ NĂM 2010 & 2011

Trong năm 2012, Trung tâm ARC đã tiến hành kiểm tra giữa kỳ 07 đề tài nghiên cứu và nghiệm thu 05 đề tài nghiên cứu nhận tài trợ của Trung tâm năm 2010 và 2011.
Theo quy trình quản lý hoạt động tài trợ của Trung tâm, sau nửa thời gian thực hiện đề tài, chủ trì đề tài phải báo cáo tiến độ đề tài cho Trung tâm. Trung tâm ARC sẽ thành lập đoàn kiểm tra giữa kỳ gồm Chủ tịch hội đồng ngành/liên ngành và/hoặc các chuyên gia có liên quan đến ngành/chuyên ngành nghiên cứu của đề tài, giám đốc và chuyên viên của Trung tâm ARC. Đoàn kiểm tra sẽ nghe chủ trì đề tài báo cáo các công việc đã thực hiện và dự kiến các công

việc sẽ thực hiện trong thời gian tới, các kết quả của đề tài và tình hình sử dụng kinh phí tới thời điểm báo cáo. Nếu có khó khăn trong quá trình thực hiện đề tài, chủ trì đề tài có thể trình bày tại buổi kiểm tra giữa kỳ, tham vấn chủ tịch hội đồng chuyên/liên ngành và các chuyên gia (về mặt chuyên môn) hoặc trao đổi với Trung tâm (về mặt hành chính và tài chính) để có những giải pháp phù hợp và kịp thời, đảm bảo kết quả đề tài như đã đăng ký với Trung tâm ARC.
Khi thời gian nghiên cứu của đề tài kết thúc (1-2 năm), chủ trì đề tài phải hoàn thiện và nộp báo cáo tổng hợp và các sản phẩm/kết quả của đề tài cho Trung tâm. Báo cáo tổng hợp sẽ được gửi cho 2 chuyên gia phản biện sau đó sẽ được đưa ra hội đồng nghiệm thu gồm 07 chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài (bao gồm cả 2 phản biện) và đại diện Trung tâm ARC để xem xét mức độ đáp ứng các mục tiêu và nội dung đề ra của đề tài so với đề cương đăng ký đã được duyệt và đánh giá các kết quả nghiên cứu của đề tài bao gồm các sản phẩm khoa học (các bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước), các sản phẩm đào tạo (đào tạo nghiên cứu sinh/sinh viên và khả năng xây dựng/thúc đẩy năng lực nghiên cứu tại cơ quan công tác), và/hoặc các sản phẩm công nghệ. Các kết quả nghiên cứu của đề tài được tập hợp trong báo cáo tổng hợp với phần tóm tắt bằng tiếng Anh sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà nghiên cứu, giảng viên và sinh viên trong và ngoài nước.

HỘI THẢO 2

Hàn Quốc học tại Việt Nam – 20 năm đào tạo và nghiên cứu

Đơn vị tổ chức: **Khoa Đông Phương học, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN**

Ngành Hàn Quốc học đã được thành lập tại Việt Nam như một kết quả phản ánh sự phát triển trong quan hệ hơn 20 năm qua giữa hai nước Việt Nam và Hàn Quốc. Hai thập kỷ cũng là một chặng đường đủ để nhìn lại, phát huy những thành tựu đạt được và khắc phục những vấn đề còn tồn tại, để rút ra những kinh nghiệm và phương hướng trong đào tạo và nghiên cứu lĩnh vực này.

Với quan điểm trên, vào ngày 21/12/2012 khoa Đông phương học, trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN đã tổ chức hội thảo khoa học mang tên “Hàn Quốc học tại Việt Nam – 20 năm đào tạo và nghiên cứu”. Hội thảo là cơ hội tốt cho hơn 70 học giả cũng như các trung tâm nghiên cứu ngành Hàn Quốc học thảo luận, và tìm ra những khó khăn và định hướng mới cho phát triển lâu dài.

HỘI THẢO 3

Hội nghị các nhà Khoa học trẻ toàn quốc trong lĩnh vực Khoa học Tự nhiên & Công nghệ lần thứ hai

Đơn vị tổ chức: **Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN**

Đảng và Nhà nước luôn coi khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, được quan tâm, đầu tư, chú trọng nhằm phát triển và nâng cao chất lượng. Các nhà khoa học nói chung và các nhà khoa học trẻ nói riêng vừa là động lực, đồng thời cũng là tương lai của nền khoa học nước nhà. Hiện nay lực lượng các nhà khoa học trẻ trong lĩnh vực Khoa học Tự nhiên và Công nghệ đang có vị trí quan trọng trong nền khoa học nước ta và đang dần dần có những bước phát triển đáng tự hào.Việc giao lưu, hợp tác để trao đổi kinh nghiệm trong giảng dạy, nghiên cứu của các nhà khoa học trẻ (trong đó có các nhà khoa học trẻ trong lĩnh vực Khoa học Tự nhiên & Công nghệ) là cực kỳ cần thiết.

Chính vì vậy, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trường ĐH Khoa học Tự nhiên đã tổ chức “Hội nghị các nhà Khoa học trẻ toàn quốc trong lĩnh vực Khoa học Tự nhiên & Công nghệ”. Hội nghị tạo cơ hội cho hơn 300 nhà khoa học trẻ trong và ngoài nước giao lưu, trao đổi, hợp tác trong nghiên cứu, giảng dạy ở tất cả các lĩnh vực chuyên môn về Khoa học Tự nhiên & Công nghệ: Toán học, Cơ học, Tin học, Vật lý, Sinh học, v.v., từ đó liên kết các nhà khoa học trẻ để hợp tác và phát triển chuyên môn góp phần phát triển nền khoa học của đất nước.

Hội nghị được tổ chức trong hai ngày 03 – 04/ 11/ 2012 tại trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

HỘI THẢO 4

Sản xuất bền vững và quản trị môi trường

Đơn vị tổ chức: **Trường ĐH Kinh tế, ĐHQGHN phối hợp cùng Trung tâm Chương trình nghiên cứu Asian Core Program thuộc Hội phát triển khoa học Nhật Bản (JSPS), Trường ĐH Nagoya**

Trong bối cảnh đất nước đang hòa mình vào xu thế đổi mới và hội nhập và những thành tựu kinh tế, xã hội quan trọng mà đất nước ta đã và đang đạt được trong những năm qua, chúng ta cũng đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức đó là: Sản xuất còn nhiều bất cập trong quản lý, lãng phí còn nhiều, môi trường ở nhiều nơi đang bị ô nhiễm nặng, đất đai, tài nguyên chưa được quản lý tốt, khai thác và sử dụng kém hiệu quả. Trong tình hình này hai vấn đề sản xuất bền vững và quản trị môi trường được quan tâm đặc biệt. Sản xuất bền vững là một mô hình sản xuất đáp ứng được những nhu cầu cơ bản và mang lại một cuộc sống chất lượng hơn, cùng với việc giảm thiểu việc sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu lượng chất thải gây độc hại cho môi trường sống. Bên cạnh đó quản trị môi trường là làm thế nào để bảo vệ tốt môi trường sống.

Với mục đích tạo diễn đàn khoa học để qua đó cung cấp cho các nhà tư vấn và thực thi chính sách của Việt Nam những kinh nghiệm bổ ích bằng những nghiên cứu khoa học cụ thể và khuyến nghị nhằm quản trị môi trường cho việc phát triển sản xuất kinh doanh bền vững; tối ưu hóa hệ thống

phân phối chuỗi cung ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như những sáng kiến hợp tác phát triển bền vững giữa Việt Nam và các quốc gia Bắc Á, đặc biệt là Nhật Bản; Trường Đại học Kinh tế-ĐHQGHN phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu JSPS Asia CORE Program (Đại học Nagoya-Nhật Bản) tổ chức Hội thảo Quốc tế: "Sản xuất Bền vững và Quản trị Môi trường". Hội thảo có sự tham gia của gần 200 đại biểu trong nước và quốc tế. Hội thảo cũng mang ý nghĩa tăng cường cơ hội trao đổi học thuật và hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và các quốc gia Bắc Á, thúc đẩy các hoạt động tham gia sâu rộng vào hệ thống nghiên cứu đỉnh cao của các quốc gia Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc…); đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu cho giảng viên Trường Đại học Kinh tế.

Hội thảo được tổ chức vào 06/10/2012 tại Khách sạn Daewoo, Hà Nội.

HỘI THẢO 5

Đối sánh trong giáo dục đại học: Kinh nghiệm quốc tế và ứng dụng cho Việt Nam

Đơn vị tổ chức: **Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục, ĐHQGHN**

Xếp hạng đại học đã và đang là hiện tượng toàn cầu, là hệ quả tất yếu của quá trình đại chúng hóa giáo dục đại học, của sự cạnh tranh cũng như hiện tượng thương mại hóa trong giáo dục toàn cầu. Thông tin xếp hạng đại học xác định vị thế và uy tín của các trường đại học, đồng thời là nguồn thông tin tốt giúp điều chỉnh chiến lược để nâng cao chất lượng và vị thế của trường. Như vậy, tham gia xếp hạng đại học là cách ĐHQGHN thực sự hội nhập với giáo dục đại học thế giới về "chất" và "đầu ra" và khẳng định với xã hội sự công nhận của khu vực và thế giới.

Hội thảo "Đối sánh trong giáo dục đại học: Kinh nghiệm quốc tế và ứng dụng cho Việt Nam" được tổ chức nhằm mục đích tăng cường nhận thức và bàn định những giải pháp chiến lược để cải thiện các chỉ số cạnh tranh quốc tế của ĐHQGHN, khẳng định và nâng cao vị thế của ĐHQGHN trong giáo dục đại học Việt Nam, trong khu vực và trên thế giới.

Hội thảo được tổ chức ngày 22/3/2012 bởi Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục ĐHQGHN, quy tụ hơn 100 đại biểu tham gia bao gồm những chuyên gia hàng đầu về giáo dục trong và ngoài nước.

XUẤT BẢN ẤN PHẨM KHOA HỌC

XUẤT BẢN PHẨM 1

Kinh điển Nho gia tại Việt Nam

Tác giả: **PGS. TS. Nguyễn Kim Sơn, Phó Giám Đốc ĐHQGHN, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN**

Nho giáo là học thuyết tiêu biểu của triết học Trung Quốc cổ đại, do Khổng Tử sáng lập dưới thời Xuân Thu. Những tư tưởng Nho giáo được thể hiện trong hai bộ sách kinh điển: Tứ Thư và Ngũ Kinh. Nho giáo từ lâu đã có những ảnh hưởng sâu rộng đối với đời sống người dân Việt Nam từ tư tưởng xã hội, văn hóa, phong tục tập quán cho đến văn học…

Cuốn Kỉ yếu hội thảo Kinh điển Nho gia tại Việt Nam là thành quả tuyển chọn và hoàn thiện của ba kì hội thảo "Kinh điển Nho gia tại Việt Nam", "Chu Hi với Nho học Đông Á" và "Chữ Nôm với kinh điển Nho gia" do Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc phối hợp với Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức đều đặn trong ba năm 2009, 2010 và 2011.

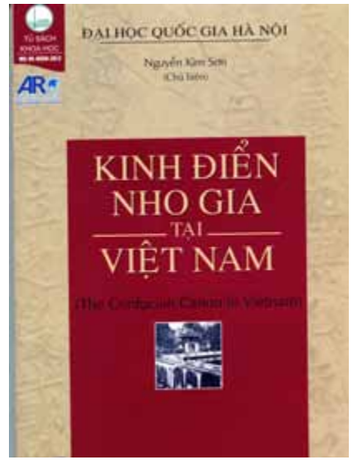

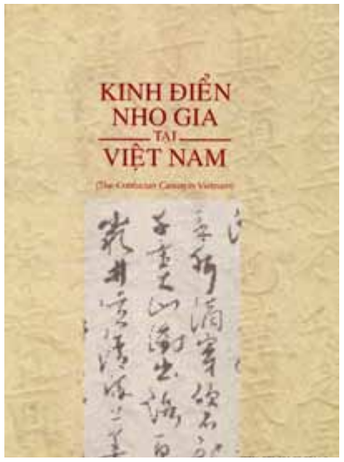

Nội dung cuốn Kỉ yếu này bao quát nhiều vấn đề của Nho học Việt Nam, từ việc tiếp nhận, vận dụng và diễn giảng (bao gồm cả diễn nghĩa, diễn ca và bình giải…) kinh điển Nho gia bằng song ngữ Hán - Nôm, cho đến việc tìm hiểu về thái độ, quan điểm, tư tưởng của nhà nho Việt Nam đối với hệ thống kinh điển và chú giải kinh điển của lịch đại danh nho. Từ đó cung cấp cho học giả có một cái nhìn tổng quát, toàn diện về phương thức luận giải, tiến trình lịch sử, tư tưởng Nho học Việt Nam qua các thời kì; đồng thời đánh giá đúng vai trò của hệ thống sách Đại toàn, Tiết yếu và chữ Nôm trong giáo dục, khoa cử Việt Nam. Hội thảo góp phần thúc đẩy việc nghiên cứu Nho giáo Việt Nam phát triển theo chiều sâu và hội nhập quốc tế về các nội dung và phương pháp nghiên cứu.

Cuốn Kỉ yếu bao gồm 15 bài nghiên cứu của các học giả Việt Nam hiện đang công tác tại Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Văn học Việt Nam.... với tổng số trang là trên 400 trang, được kết cấu làm ba phần:

- Phần I: Những vấn đề chung về Nho học Việt Nam. Trình bày các vấn đề thái độ, quan điểm, tư tưởng của nhà nho Việt Nam đối với hệ thống kinh điển Nho gia; việc vận dụng học thuyết

Nho gia vào các lĩnh vực giáo dục, điển chế của các triều đại Việt Nam.... Mục đích gợi mở những hướng nghiên cứu, những phương pháp tiếp cận đối với kinh điển Nho gia.

- Phần II: Tiếp nhận kinh điển Nho gia qua hệ thống thư tịch Đại toàn, Tiết yếu. Trình bày các vấn đề về quá trình tiếp nhận, lưu truyền của hệ thống sách Đại toàn, Tiết yếu với tư cách là thư tịch quan phương, được nhà nước chuẩn định trong khoa cử và tuyển chọn nhân tài. Mục đích cung cấp cho học giới có một tầm nhìn bao quát về việc tiếp thu kinh điển Nho gia thời trung đại, từ đó đánh giá khách quan, khoa học về nội dung và giá trị của hệ thống thư tịch này.
- Phần III: Bình giải của nhà nho Việt Nam về các trước tác kinh điển Nho gia. Trình bày các quan điểm, tư tưởng, những điều tâm đắc, những kiến giải của nhà nho Việt Nam đối với các kinh điển Nho gia như Tứ thư (Luận ngữ, Mạnh Tử, Đại học, Trung dung) Ngũ kinh (Thi, Thư, Lễ, Dịch, Xuân Thu). Trên cơ sở đó, học giới có những hiểu biết khái quát về tiến trình lịch sử, tư tưởng của Nho học Việt Nam qua các thời kì.

XUẤT BẢN PHẨM 2

Kỹ năng phân tích và nhận biết thông tin trong dịch thuật

Tác giả: **PGS. TS. Đinh Hồng Vân, Trường ĐH Ngoại Ngữ, ĐHQGHN**

Dịch thuật là chiếc cầu nối giúp cho người không cùng ngôn ngữ có thể hiểu được điều mà người khác muốn diễn đạt. Dịch thuật từ xưa đến nay luôn đóng vai trò quan trọng trong lịch sử dân tộc, bất kể phương đông hay phương tây. Không đơn thuần chỉ là chuyển tải từ ngôn ngữ gốc sang một hay nhiều ngôn ngữ khác, mà song song với việc chuyển dịch ngôn ngữ, dịch thuật còn chuyển tải cả một nền văn hóa.

Cuốn sách "Kỹ năng phân tích và nhận biết thông tin trong dịch thuật" xuất bản là kết quả tổng hợp của nhiều công trình nghiên cứu của tác giả về một vấn đề quan trọng trong quá trình dịch thuật đó là việc nắm bắt được nghĩa ngôn bản của thông điệp, cơ sở của quá trình dịch. Với mục đích tìm cách nâng cao kỹ năng hiểu trong dịch thuật, đề tài này sẽ tìm hiểu các yếu tố cơ bản của thao tác hiểu nghĩa ngôn bản, làm rõ vai trò của các yếu tố này cũng như đề xuất một số biện pháp để nâng cao chất lượng hiểu nghĩa ngôn bản khi nó giúp người học dịch có thể hiểu nhanh và chính xác nội dung của thông tin chứa trong ngôn bản. Đây sẽ là một cuốn sách chuyên khảo, phục vụ công tác đào tạo đại học và sau đại học ở chuyên ngành dịch thuật nói chung và dịch Pháp-Việt nói riêng.

Trong kế hoạch phát triển của trường Đại học ngoại ngữ - ĐHQGHN, bộ môn dịch nằm trong số các môn học được chú trọng đầu tư phát triển. Chủ trương của Đại học ngoại ngữ - ĐHQGHN là xây dựng hệ đào tạo Biên-Phiên dịch chất lượng cao. Trong bối cảnh đó, cuốn sách ra đời sẽ là một trong những công cụ hữu hiệu, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu môn dịch.

Cuốn sách sẽ làm rõ một trong những bước quan trọng đầu tiên của quá trình dịch đó là bước tiếp nhận, xử lý để làm chủ nội dung ngữ nghĩa của thông điệp. Khi người dịch không hiểu đúng văn bản gốc thì nguyên nhân thường được chỉ ra là những khó khăn về mặt ngôn ngữ, chứ ít khi là các nguyên nhân khác như ảnh hưởng của các thao tác phân tích và nhận biết thông tin chứa đựng trong ngôn bản gốc cũng như vai trò của những kiến thức nền. Trong tình hình đó, cuốn sách sẽ làm rõ vai trò của các yếu tố chi phối khả năng hiểu nghĩa ngôn bản.

Với tinh thần đó, cuốn sách sẽ góp phần cải thiện chất lượng của kỹ năng hiểu, một trong những bước hết sức quan trọng của quá trình dịch.

XUẤT BẢN PHẨM 3

Nghiên cứu diên cách cấu trúc chữ Nôm (qua các văn bản giải âm Kinh Thi)

Tác giả: **TS. Nguyễn Tuấn Cường, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN**

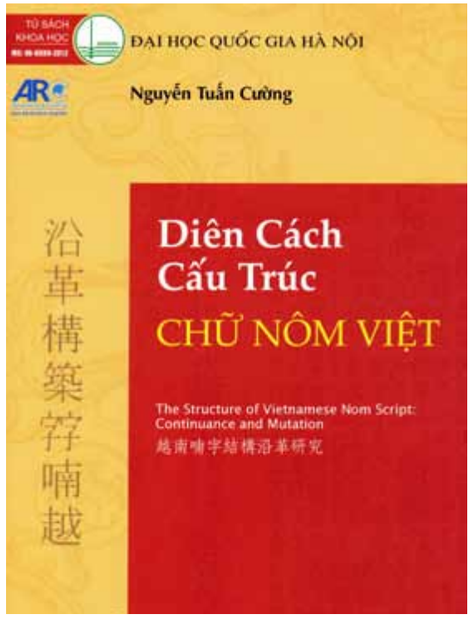

Công trình này được hình thành trên cơ sở chỉnh sửa Luận án tiến sĩ ngành Ngữ văn, chuyên ngành Hán Nôm Nghiên cứu diên cách cấu trúc chữ Nôm qua các văn bản giải âm Kinh Thi, được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án của Học viện Khoa học Xã hội, tháng 6 năm 2012, đạt kết quả xuất sắc (7/7 phiếu).

Nội dung của công trình: nghiên cứu giá trị văn bản học của hệ thống các bản dịch Nôm Kinh Thi tại Việt Nam thời Trung đại, từ đó chọn ra các văn bản phù hợp để trên cơ sở đó tiến hành nghiên cứu sự thay đổi và bảo tồn của cấu trúc chữ Nôm trong giai đoạn từ đầu thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX trên hai cấp độ hệ thống văn tự và đơn vị văn tự.

Về vấn đề văn bản học của các văn bản giải âm Kinh Thi: bốn văn bản giải âm Kinh Thi hiện còn có thể chia thành hai nhóm lần lượt là: nhóm (1) gồm bản Vĩnh Thịnh 1714 và bản Quang Trung 1792, nhóm (2) gồm bản Minh Mệnh 1836 và bản Minh Mệnh 1837. Trong đó, ở nhóm (1), bản Quang Trung sao lại gần như nguyên vẹn bản Vĩnh Thịnh; ở nhóm (2), bản Minh Mệnh 1837 sao lại gần như nguyên vẹn bản Minh Mệnh 1836. Các bản thuộc nhóm (2) cũng sao chép có chỉnh sửa các bản thuộc nhóm (1). Vì vậy, giữa 4 bản giải âm này có cả sự kế thừa và thay đổi về mặt ngôn ngữ (tiếng Việt) và văn tự (chữ Nôm), là tư liệu phù hợp để nghiên cứu diên cách cấu trúc chữ Nôm trong giai đoạn từ đầu thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX.

Về diên cách chung trong cấu trúc chữ Nôm, luận án chứng minh rằng chữ Nôm có xu hướng tăng dần loại chữ tự tạo, nhóm chữ hình thanh cũng tăng dần; cấu trúc chữ Nôm đã được bảo tồn một cách căn bản, tức là xu hướng "diên" là xu hướng nổi trội trong diên cách cấu trúc chữ Nôm. Điều này cho thấy cấu trúc chữ Nôm mang tính ổn định khá cao, mặc dù nó chưa từng được "định chế hóa" thành văn tự chính thức.

Về cấu trúc chức năng: chữ Nôm là một hệ thống văn tự biểu âm – biểu ý, trong đó độ ổn định của thành tố biểu âm cao hơn hẳn độ ổn định của thành tố biểu ý.
Về cấu trúc hình thể: các đặc trưng chung nhất là giản hóa (viết tắt), hoán vị, chữ ghép ngang chiếm đa số trong chữ hợp thể.

Công trình giải quyết vấn đề kết hợp nghiên cứu diên cách cấu trúc chữ Nôm theo hai cấp độ của đối tượng nghiên cứu văn tự học là cấp độ hệ thống văn tự và cấp độ đơn vị văn tự, từ đó mang lại một cái nhìn tương đối toàn diện về quá trình diên cách cấu trúc chữ Nôm trong giai đoạn từ đầu thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX của hệ thống văn tự này, thông qua những nghiên cứu trên tư liệu là hệ thống các văn bản giải âm Kinh Thi.

Về mặt phương pháp luận, từ cấp độ đơn vị văn tự, công trình lần đầu tiên thực hiện nghiên cứu so sánh tất cả các đơn vị văn tự giữa các văn bản khác niên đại của cùng một tác phẩm với nhau để thấy được chúng đã có những bảo lưu hoặc thay đổi như thế nào trong lịch sử. Đây chính là nghiên cứu theo "diện", một sự bổ sung cho việc nghiên cứu theo "điểm" vốn đã có nhiều nhà nghiên cứu thực hiện khi tập trung mô tả diễn biến của cách ghi một vài đơn vị ngữ tố lẻ tẻ (trong, một, ấy, người, làm…) mang tính "hiện tượng" trong chữ Nôm.

Kết quả nghiên cứu của công trình cũng góp phần xác định chính xác âm đọc của chữ Nôm khi tiến hành phiên Nôm, người phiên âm sẽ được cung cấp một công cụ để trợ giúp họ trong quá trình phiên âm và xử lí văn bản chữ Nôm, đó là đặc trưng cấu trúc của chữ Nôm ở hai đầu của giai đoạn 1714-1836.

Công trình còn góp phần làm rõ các vấn đề về văn bản học của hệ thống các văn bản giải âm Kinh Thi vốn rất phức tạp, từng gây nhiều ngộ nhận trong lịch sử nghiên cứu, từ đó gợi mở những khả năng nghiên cứu có thể thực hiện với các đối tượng văn bản này. Để làm tư liệu cho công trình, chúng tôi cũng đã phiên âm đối chiếu bốn văn bản giải âm Kinh Thi. Đây là đóng góp về mặt tư liệu của công trình.
Về mặt đào tạo, công trình là sách tham khảo hữu ích cho việc đào tạo các môn Văn bản chữ Nôm,

Văn tự học và âm vận học chữ Nôm, Phân tích văn bản chữ Nôm trong chương trình đào tạo Cử nhân Hán Nôm; các môn Chữ Nôm và một số vấn đề về lịch sử tiếng Việt, Phiên dịch học Hán Nôm, Kinh Thi và tiếp nhận Thi học tại Việt Nam trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Hán Nôm; Văn tự học và văn tự học Hán Nôm trong chương trình đào tạo Tiến sĩ Hán Nôm tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội. Ngoài ra, công trình cũng là sách tham khảo hữu ích cho việc đào tạo các ngành Việt ngữ học (Khoa Ngôn ngữ học), Trung Quốc học (Khoa Đông Phương học).

XUẤT BẢN PHẨM 4

Đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng tâm lý ở Việt Nam

Tác giả: **TS. Trần Thu Hương, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN**

Tâm lý học là ngành khoa học nghiên cứu hoạt động, tinh thần và tư tưởng của con người. Tâm lý học cũng chú tâm đến sự ảnh hưởng của hoạt động thể chất, trạng thái tâm lý và các yếu tố bên ngoài lên hành vi tinh thần của con người. Tâm lý học được định nghĩa một cách rộng rãi như là "khoa nghiên cứu những hành vi và tiến trình tâm thần của con người".

Cuốn sách "Đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng tâm lý ở Việt Nam" tập trung vào 04 chủ đề lớn sau đây: (1) Đào tạo, nghiên cứu và thực hành Tâm lý học ở Việt Nam; (2) Các vấn đề tâm lý thuộc lĩnh vực trẻ em, gia đình, văn hóa, giáo dục; (3). Các vấn đề tâm lý thuộc lĩnh vực quản lý, kinh doanh, lao động, hướng nghiệp và (4).Những vấn đề tâm lý- xã hội Việt Nam hiện nay.

Công trình là sản phẩm khoa học, trí tuệ của các nhà khoa học trong nước và các nhà khoa học nước ngoài về lĩnh vực Tâm lý học. Điều đó góp phần khẳng định vị thế hàng đầu của Khoa Tâm lý học trong việc đào tạo ngành Tâm lý học ở Việt Nam. Qua đây tiếp tục quảng bá hình ảnh và thương hiệu của Đại học Quốc gia Hà Nội trong nước và trên thế giới.

Công trình đã tuyển chọn các bài viết của các nhà Tâm lý học trong nước và trên thế giới trong việc đánh giá những thuận lợi, khó khăn và chỉ ra những vấn đề còn tồn tại trong đào tạo, nghiên cứu và thực hành tâm lý học tại khoa Tâm lý học trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn trong giai đoạn hội nhập quốc tế. Những kết quả nghiên cứu từ công trình này sẽ đóng góp những luận cứ quan trọng cho việc hoạch định chương trình đào tạo, nghiên cứu và thực hành tâm lý học ở Việt Nam.

Công trình khoa học này là diễn đàn để các nhà Tâm lý học giao lưu và trao đổi học thuật với các đồng nghiệp trong nước và trên thế giới, trình bày những kết quả nghiên cứu của mình, củng cố và tăng cường giao lưu, hợp tác giữa các trường Đại học trong nước với nhau và với các trường Đại học trên thế giới trong lĩnh vực tâm lý học.

Công trình là tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh của Đại học Quốc gia Hà Nội và các đơn vị khác.

CHƯƠNG TRÌNH GIAO LƯU HỌC GIẢ QUỐC TẾ (ISEF)

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC GIẢ ISEF 2011-2012

TS. LÂM QUANG ĐÔNG
Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN
Email: volamthudong@gmail.com

Đề tài nghiên cứu tại Hàn Quốc: **Giáo dục tiếng Anh: chính sách, phương pháp ở Hàn Quốc và bài học đối với Việt Nam**

Đề tài tìm hiểu giáo dục tiếng Anh ở Hàn Quốc, những thành công và các vấn đề Hàn Quốc đã và đang gặp phải nhằm rút ra bài học kinh nghiệm cho giáo dục tiếng Anh ở Việt Nam.

Đề tài sử dụng phương pháp phân tích tài liệu hiện có và phân tích so sánh.

Báo cáo trình bày kết quả nghiên cứu trong 04 chương. Chương 1 giới thiệu lược sử giáo dục tiếng Anh ở Hàn Quốc và các phương pháp giảng dạy tiếng Anh chủ đạo. Chương 2 phân tích các vấn đề đã và đang gặp phải trong giáo dục tiếng Anh ở Hàn Quốc và chính sách của Chính phủ Hàn Quốc. Chương 3 trình bày một số điểm tương đồng giữa hai nước về ngôn ngữ, văn hóa, thái độ đối với giáo dục, và những vấn đề chung của cả hai nước trong giáo dục tiếng Anh. Dựa vào kinh nghiệm của Hàn Quốc, Chương 4 đưa ra những đề xuất cần áp dụng ở Việt Nam đối với chương trình 10 năm tiếng Anh phổ thông bắt đầu từ lớp 3 ở tiểu học, đào tạo giáo viên, giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá, tiếng Anh chuyên ngành và dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh, và sự cần thiết phải có chiến lược ngoại ngữ lâu dài.

Hoạt động của TS. Lâm Quang Đông trong thời gian từ tháng 03 đến tháng 08 năm 2012

- Trình bày báo cáo về ***"Bình đẳng giới trong giáo dục: Hiện trạng ở Việt Nam"*** tại Hội thảo quốc tế lần thứ 2 về "Bình đẳng giới trong giáo dục: Những thành tựu và thách thức", do Diễn đàn Nữ chuyên gia giáo dục châu Phi (FAWE), Viện nghiên cứu phụ nữ Hàn Quốc (Đại học nữ Ehwa) và Phòng nghiên cứu khoa học (SNU), tháng 06/2012.
- Đăng bài ***"Tiếng Hàn và Tiếng Việt – Tương đồng nhiều hơn khác biệt (1)"*** trên Tạp chí New Asia Forum, tháng 8/2012. Bài báo sau đó được bổ sung thêm số liệu và các phát hiện mới, và được đăng trên Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN.
- Đăng bài ***"Giáo dục ngoại ngữ: Từ kinh nghiệm của Hàn Quốc đến thực tiễn ở Việt Nam"*** trong Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 4, do Viện Khoa học Xã hội Việt Nam tổ chức ngày 26-28/11/2012.

Đề tài đưa ra những khuyến nghị chính sách và đề xuất những phương pháp cần thiết trong giảng dạy ngoại ngữ nói chung, và giảng dạy Tiếng Anh nói riêng ở Việt Nam, dựa trên những kinh nghiệm thu được trong quá trình nghiên cứu tại Hàn Quốc. Tác giả đã khéo léo hạn chế tối đa những vấn đề mà Hàn Quốc đã và đang gặp phải trong quá trình giảng dạy tiếng Anh tại quốc gia này, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ngoại ngữ tại Việt Nam và đảm bảo hiệu quả cho Kế hoạch quốc gia về "Dạy và học ngoại ngữ trong Hệ thống Giáo dục Quốc dân, giai đoạn 2008-2020", góp phần đáng kể vào quá trình hội nhập quốc tế và phát triển bền vững của đất nước.

TS. TRẦN THANH HÀ
Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQGHN
Email: tranha@ivides.edu.vn

Đề tài nghiên cứu tại Hàn Quốc: **Nghiên cứu hiện trạng và biến động đất ngập nước Hà Nội từ đầu thế kỷ 19 tới nay**

Đề tài có mục đích tìm hiểu quy luật biến động của đất ngập nước Hà Nội, đưa ra những cơ sở khoa học cho việc bảo tồn và phát huy giá trị của đất ngập nước đối với phát triển bền vững của thành phố Hà Nội. Báo cáo được cấu trúc thành 6 chương với các nội dung chính là tổng quan tài liệu, phân tích hiện trạng và biến đổi đất ngập nước Hà Nội qua các thời kỳ cũng như vai trò của đất ngập nước trong lịch sử phát triển của thành phố. Phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu bao gồm tổng quan tài liệu, phương pháp bản đồ và hệ thông tin địa lý, phương pháp viễn thám và phương pháp chuyên gia. Kết quả thu được là các bảng số liệu về sự biến đổi diện tích đất ngập nước Hà Nội qua các thời kì và quy luật biến đổi ứng với mỗi thời kỳ. Các kiến nghị được đưa ra dựa trên các kết quả nghiên cứu này, chúng cũng có thể được áp dụng cho các khu vực đất ngập nước đô thị khác của Việt Nam.

Hoạt động của TS. Trần Thanh Hà trong thời gian từ tháng 09/2011 đến tháng 08/2012

- Đồng tác giả bài viết ***Hệ thống đất ngập nước tại Hà Nội*** tại Hội thảo Hà Nội học: Nội dung nghiên cứu và phương pháp luận, do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức ngày 15/12/2011.
- Đăng bài ***Giá trị của đất ngập nước và những thay đổi tại các quận nội thành Hà Nội*** trong Kỷ yếu hội thảo Hà Nội học: Nội dung nghiên cứu và phương pháp luận, do Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp với Liên hiệp các hội khoa học và kĩ thuật Việt nam (VUSTA) tổ chức ngày 24/12/2011.
- Đồng tác giả bài viết ***Những biến động đất ngập nước tại Hà Nội từ năm 1987 đến 2011*** tại Hội thảo Quốc gia về Địa lý lần thứ 8, do Hội Địa lý Quốc gia Việt Nam tổ chức tháng 8/2012

XỨ HÀN – NHỮNG ĐIỀU HẤP DẪN

Lâm Quang Đông

Sẽ không thể nói hết bao điều hấp dẫn và đáng nói của xứ sở Kim Chi trong một vài trang viết nên chúng tôi chỉ xin kể đôi dòng về một số cảm nhận ấn tượng nhất qua thời gian 6 tháng ngắn ngủi mà cực kỳ giá trị ở Seoul trong Chương trình Giao lưu Học giả Quốc tế ISEF 2011-2012 do Quỹ Giáo dục Cao học Hàn Quốc KFAS tài trợ thông qua Trung tâm Nghiên cứu châu Á ARC của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Giá trị cao nhất và phải đề cập đến trước tiên của Chương trình này là hiệu quả của công tác nghiên cứu nhờ hỗ trợ đầy đủ, chu đáo của KFAS, nhiệt tình của các đơn vị tiếp nhận (host institutions), và nguồn lực dồi dào nơi đây, bao gồm cả tài lực, thời lực và sách báo tài liệu cần thiết. Từ lúc chúng tôi xuống máy bay ở Incheon cho đến lúc rời Seoul, đội ngũ cán bộ giỏi, năng động và tận tình của KFAS luôn thường trực tiếp đón, lo lắng, quan tâm và cung cấp cho chúng tôi những gì cần thiết, giúp chúng tôi nhanh chóng ổn định và hòa nhập cuộc sống, làm quen với phong tục tập quán và ẩm thực Hàn Quốc. Các đơn vị tiếp nhận như Đại học Quốc gia Seoul SNU, Đại học Hanyang, Inha, Đại học Ngoại ngữ Hankuk, v.v. đều bố trí giáo sư và cán bộ hỗ trợ nghiên cứu của chúng tôi. Thư viện riêng của KFAS cũng như thư viện ở các đại học nơi chúng tôi thực hiện đề tài phong phú các nguồn tư liệu, cả tài liệu in ấn lẫn cơ sở dữ liệu và tư liệu điện tử. Quan trọng hơn cả, và cũng là điều đa phần cán bộ khoa học kiêm nhiệm vụ quản lý như chúng tôi muốn có là thời gian chuyên tâm vào công tác khoa học mà không bị xáo trộn, sao nhãng bởi các công việc sự vụ, những công việc 'không tên' thúc bách, khó có thể dứt ra được ở trong nước. Thời gian và sự chuyên tâm ấy đóng góp lớn vào thành công và chất lượng đề tài nghiên cứu của chúng tôi ở Hàn Quốc.

Xếp hàng trật tự ở mọi nơi – nét đẹp văn hóa Hàn Quốc

Giúp người khuyết tật đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng

Mọi sự so sánh đều khập khiễng, song phải nói rằng trình độ phát triển khoa học công nghệ, kinh tế, văn hóa xã hội của Hàn Quốc có nhiều mặt còn cao hơn nhiều quốc gia phát triển khác như Mỹ hay các nước châu Âu. Nhiều anh chị em nghiên cứu sinh, học viên sau đại học chúng tôi gặp ở Seoul đều có ấn tượng tương tự. Thủ đô Seoul khá đông dân, nhưng có hệ thống giao thông công cộng tuyệt vời và thuận tiện. Có thể đi khắp thành phố bằng tàu điện ngầm hoặc xe buýt, và thẻ đi lại có thể sử dụng trên mọi phương tiện giao thông, kể cả taxi, tàu tốc hành hay xe khách đường dài nhờ hệ thống công nghệ thông tin truyền thông ICT hiện đại. Đương nhiên, ở một siêu đô thị như Seoul, vào giờ cao điểm, các phương tiện giao thông đều chật kín người, nhất là ở tàu điện ngầm, nhưng nổi bật là sự trật tự, văn minh, đặc biệt là sự quan tâm hỗ trợ người khuyết tật và sự ý tứ đối với những va chạm khó tránh trên tàu xe vào những lúc đông đúc như vậy.

GẶP GỠ HỌC GIẢ ISEF 2012-2013 TRƯỚC KHI THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH

Ngày 13/08/2012, Trung tâm ARC đã tổ chức buổi gặp mặt các học giả Việt Nam tham gia chương trình ISEF 2012-2013 nhằm trang bị cho học giả những thông tin cần thiết giúp học giả dễ dàng hòa nhập với cuộc sống tại Hàn Quốc.

Ngoài những thông tin chi tiết về Quỹ Giáo dục Cao học Hàn Quốc và Chương trình Giao lưu Học giả Quốc tế, Trung tâm đã mời TS. Nguyễn Thị Vân Hạnh, học giả ISEF 2011-2012, đến chia sẻ những kinh nghiệm thực tế về một năm sinh sống và nghiên cứu tại Hàn Quốc, từ những kinh nghiệm trong triển khai các hoạt động nghiên cứu đến những chia sẻ về cuộc sống ở xứ sở Kimchi (văn hóa, con người, phong tục tập quán, thời tiết, ẩm thực, đi lại, v.v).

Đây cũng là cơ hội để các học giả gặp gỡ, giao lưu và chuẩn bị đầy đủ hành trang trước khi sang nghiên cứu tại Hàn Quốc.

Hoa Anh đào trắng bờ Hàn Giang

Hoa Bất tử - Quốc hoa Hàn Quốc

Hai cán bộ Đại học Quốc gia Hà Nội trong khu rừng tái sinh của Chủ tịch Tập đoàn SK

Các thùng phân loại rác

Hàn Quốc cũng là một trong những nước đi đầu thế giới về bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh. Đường phố sạch sẽ, nhiều cây cối, và những tuần đầu mùa xuân, khắp Seoul đều trắng hoa anh đào. Chúng tôi chưa có dịp tới Nhật Bản, đất nước nổi tiếng là 'xứ sở hoa anh đào', song có lẽ anh đào Hàn Quốc cũng đẹp không kém. Ngoài ra, Mugunghwa (mu-gung-hoa, hoa vô cùng hay hoa bất tử, tên tiếng Anh là Rose of Sharon, Hibiscus syriacus), quốc hoa của Hàn Quốc, rực rỡ khắp nơi. Rừng cây xanh tươi, rậm rạp, những ngọn núi hùng vĩ, những dòng suối róc rách, những đền chùa cổ kính trên đỉnh núi cao tĩnh mịch, thanh tao là đặc điểm nổi bật ở đất nước 70% diện tích là đồi núi này. Cũng vì thế, đi bộ leo núi vừa là thú tiêu khiển vừa là môn thể dục phổ biến ở mọi lứa tuổi người Hàn. Dĩ nhiên, thời gian đầu phát triển công nghiệp, Hàn Quốc đã phải trả giá bằng sự mất rừng, mất cân bằng sinh thái, song người Hàn đã sớm bắt tay vào khôi phục môi trường, như trường hợp của Chủ tịch Tập đoàn SK cách đây hơn 40 năm. Khi ấy, ông mua lại một khu đồi trọc cách Seoul vài chục cây số, một khu đất trơ trụi do chiến tranh cũng như do phát triển công nghiệp và tổ chức trồng hàng triệu cây giống. Nhiều người cười chê, cho dự án là phiêu lưu, dại dột, không hiệu quả về kinh tế. Song khi chúng tôi được KFAS tổ chức đến thăm quan, chúng tôi tận mắt thấy nơi đây từ lâu đã trở thành một vùng rừng bát ngát, cây lá xum xuê, cảnh quan ngoạn mục, không khí trong lành, hài hòa sinh thái, và hàng năm vẫn cho doanh thu đáng kể bằng lượng gỗ khai thác được. Đấy là kết quả của tầm nhìn xa trông rộng cũng như ý thức tái tạo, bảo vệ môi trường từ rất sớm của người Hàn như ông Chủ tịch SK.

Rác, vấn đề nan giải của nhiều nước, đặc biệt là các nước đang phát triển như Việt Nam, được xử lý rất tốt ở Hàn Quốc – tất cả đều được phân loại ngay tại nguồn và nguyên tắc 3R (reduce, reuse and recycle – giảm, tái sử dụng và tái chế) được áp dụng triệt để. Khi chúng tôi chuyển đến ở trong ký túc xá của SNU, cán bộ quản lý khu nhà chỉ dẫn cho chung tôi rất tỉ mỉ cách thức và nơi để các loại rác. Dọc đường phố và các nơi công cộng đều có các thùng rác khác nhau cho từng loại rác.

Nguyên tắc tiết kiệm và nâng cao hiệu suất cũng được áp dụng trong sử dụng điện nước, khí đốt ở người dân cũng như các ngành công nghiệp. Nhiều phương tiện giao thông đã chuyển sang dùng các loại nhiên liệu sạch hơn như khí hóa lỏng LPG, khí nén CNG, đạt tiêu chuẩn Euro 3 Euro 4 trở lên về phát thải. Dẫu rằng Hàn Quốc, giống như nhiều quốc gia công nghiệp khác, còn nhiều việc phải làm để giảm phát thải khí nhà kính, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, song những nỗ lực như vậy đã đóng góp không nhỏ vào công tác bảo vệ môi trường – một trong những vấn đề lớn trên toàn cầu hiện nay và là điều mà Việt Nam chúng ta cần học tập.

Trong thời gian thực hiện đề tài nghiên cứu, chúng tôi còn được KFAS tổ chức nhiều chuyến thăm quan, du lịch đến các địa danh nổi tiếng của đất nước, tìm hiểu lịch sử phong phú, văn hóa đặc sắc và nhiều món đặc sản đa dạng của Hàn Quốc. Chúng tôi cũng phát hiện được nhiều điểm tương đồng thú vị về ngôn ngữ cũng như văn hóa giữa Hàn Quốc và Việt Nam, như chúng tôi đã trình bày trong kết quả nghiên cứu của mình.

Một thời gian giá trị, một quãng đời đáng nhớ, một xứ sở quyến rũ với những kỷ niệm và con người không thể nào quên. Xứ Hàn còn nhiều điều hấp dẫn khác cần được trực tiếp chiêm ngưỡng, trải nghiệm và nghĩ suy.

GIỚI THIỆU HỌC GIẢ ISEF 2012-2013

TS. LÊ THỊ QUỲNH NGA
Khoa Sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
Email: lequynhnga99@gmail.com; ngalylinh@yahoo.com

Quá trình đào tạo:

- Cử nhân chuyên ngành Sử học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
- Thạc sỹ chuyên ngành Sử học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
- Tiến sỹ chuyên ngành Sử học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN

Các công trình nghiên cứu tiêu biểu:

- ***Day nghề nông dân – một số vấn đề nghiên cứu.*** Hội thảo khoa học "Nông thôn nông nghiệp Việt Nam trong quá trình chuyển đổi", Hà Nội năm 2006
- ***Chính sách ruộng đất của Đảng Cộng sản Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954).*** Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 3 năm 2007.
- ***Quan điểm tiến hành cải cách ruộng đất của Đảng Cộng sản Việt Nam những năm 1945-1956.*** Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần 3 năm 2008 tại Hà Nội.
- ***Quá trình thực thi cuộc cải cách ruộng đất ở Thanh Hóa trong kháng chiến chống thực dân Pháp.*** Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 2 năm 2009, tr.68-78.
- ***Xây dựng Việt Nam trong chính sách Chính phủ của Đảng Cộng sản Việt Nam*** (viết chung), năm 2006, ĐHQGHN.
- ***The Japanese Anti French in VN giai đoạn 1945-1954*** (viết chung), Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQGHN năm 2007.
- ***Các hoạt động Ngoại giao của Hà Nội từ 1945 đến 2005*** (viết chung), Chính phủ Việt Nam năm 2007.
- ***Vai trò trung tâm về Chính trị và Hành chính của Thăng Long – Hà Nội: Những kinh nghiệm Phát triển và Hành chính*** (viết chung), Chính phủ Việt Nam năm 2008.
- ***Chính sách Nông thôn, Nông nghiệp và Nông dân của Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn 1945-1975*** (viết chung), ĐHQGHN, năm 2011.
- ***Chính sách cải cách ruộng đất ở Việt Nam giai đoạn 1945-1957***, ĐHQGHN, năm 2006.
- ***Cải cách ruộng đất ở Thanh Hóa giai đoạn 1953-1957***, ĐHQGHN, năm 2009

Tên đề tài nghiên cứu tại Hàn Quốc:
Quan hệ Chính trị Việt Nam – Hàn Quốc từ năm 1953 đến năm 2011.

Thời gian nghiên cứu tại Hàn Quốc: 1 năm (từ 9/2012 đến 8/2012)

TS. ĐỖ HỒNG DƯƠNG
Khoa Ngôn ngữ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐQHGHN
Email: duongdh@vnu.edu.vn; duong1910@yahoo.com

Quá trình đào tạo:

- Cử nhân Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
- Tiến sỹ Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN

Các công trình nghiên cứu tiêu biểu:

- ***Nghiên cứu về các thành phần câu trong các sách giảng dạy Tiếng Việt*** (nghiên cứu chính), ĐHQGHN, năm 2011.
- ***Nhìn lại vấn đề chủ ngữ Tiếng Việt*** (nghiên cứu chính), Đại học KHXH&NV, năm 2008-2009.
- ***Chủ ngữ trong kiểu câu "Có + X" trong tiếng Việt***, Hội thảo quốc tế về Nghiên cứu và Đào tạo Ngôn ngữ tại Việt Nam: Vấn đề Lý thuyết và Thực hành, Hà Nội, tháng 11 năm 2011 và Hội thảo quốc tế tại Đại học Guangxi, Nam Ninh, Trung Quốc, năm 2011.
- ***Chủ ngữ trong kiểu câu có hệ từ "là" trong tiếng Việt***, tạp chí Biên soạn Từ điển và Bách khoa thư, Hà Nội, tháng 11 năm 2011.
- ***Về chủ ngữ trong một số kiểu câu có thành tố chỉ không gian đứng đầu***, tạp chí Ngôn ngữ, Hà Nội, tháng 11 năm 2010.
- ***Một cách tiếp cận chủ ngữ từ góc độ loại hình học***, Hội thảo quốc tế về giảng dạy và học ngôn ngữ và văn hóa ở Việt Nam và Trung Quốc, tháng 11 năm 2009, tạp chí Ngôn ngữ, Hà Nội, tháng 2 năm 2010.
- ***Bước đầu áp dụng lý thuyết điển mẫu vào nghiên cứu thành phần chủ ngữ trong câu tiếng Việt,*** tạp chí Ngôn ngữ, Hà Nội, tháng 11 năm 2008.
- ***Nhìn lại vấn đề chủ ngữ tiếng Việt,*** Hội thảo những nhà Ngôn ngữ trẻ - Hiệp hội các nhà ngôn ngữ Việt Nam, Vinh, tháng 4 năm 2008.
- ***Vấn đề từ mới và việc dạy khẩu ngữ tiếng Việt cho sinh viên nước ngoài***, Hội thảo quốc tế về giảng dạy và học ngôn ngữ và văn hóa ở Việt Nam và Trung Quốc, Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc, tháng 11 năm 2007.
- ***Khảo sát các từ vay mượn tiếng Anh đang được sử dụng trong tiếng Việt đời sống,*** Hội thảo các nhà ngôn ngữ trẻ, năm 2007, Hiệp hội các nhà ngôn ngữ Việt Nam, Vĩnh Phúc năm 2007.

Tên đề tài nghiên cứu tại Hàn Quốc:
Nghiên cứu việc dạy và học ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam của trẻ em trong các gia đình đa văn hóa (bố Hàn Quốc, mẹ Việt Nam).

Thời gian nghiên cứu tại Hàn Quốc: 6 tháng (từ 9/2012 đến 2/2013)

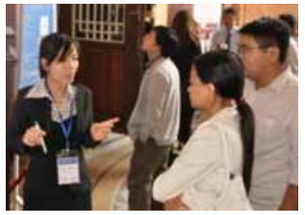

DỰ ÁN **"QUẢN LÝ BỀN VỮNG NƯỚC THẢI Ở CÁC KHU VỰC NÔNG THÔN VÀ CÁC VÙNG VEN ĐÔ CỦA TỈNH QUẢNG NINH VÀ HÀ NỘI"**

A. GIỚI THIỆU CHUNG

Dự án "Quản lý bền vững nước thải ở các khu vực nông thôn và các vùng ven đô của tỉnh Quảng Ninh và Hà Nội" nằm trong khuôn khổ hợp tác nghị định thư giữa Việt Nam và Tây Ban Nha nhằm góp phần bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững tại các vùng ven đô của tỉnh Quảng Ninh và Hà Nội thông qua việc vận động tuyên truyền nâng cao ý thức người dân và áp dụng giải pháp xử lý nước thải tiên tiến, thân thiện với môi trường, tiết kiệm kinh phí, mang lại hiệu quả cao.

Dự án được thực hiện trong 29 tháng (từ tháng 10 năm 2010 đến tháng 3 năm 2013) với sự phối hợp của ĐH Barcelona, Tây Ban Nha.

B. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

- Góp phần giải quyết các vấn đề về ô nhiễm môi trường, cải thiện điều kiện sống của người dân ở các vùng ven đô của tỉnh Quảng Ninh và Hà Nội.
- Chuyển giao công nghệ xử lý nước thải tiên tiến, thân thiện với môi trường thông qua việc đầu tư xây dựng công trình bãi lọc trồng cây xử lý nước thải thí điểm tại Quảng ninh
- Bồi dưỡng và nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho các chuyên gia môi trường của Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tăng cường sự hợp tác bền vững giữa chính phủ, chính quyền địa phương và doanh nghiệp

C. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

1. Tổ chức các buổi hội thảo khoa học

Trung tâm đã tổ chức 2 buổi hội thảo khoa học (4/11/2010 và 26/2/2013) nhằm tạo cơ hội cho các nhà khoa học, các chuyên gia trong nước và quốc tế, các nhà nghiên cứu và những người hoạt động trong lĩnh vực quản lý, sử dụng nguồn nước và xử lý nước thải gặp gỡ, trao đổi các kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn, đề xuất các phương pháp công nghệ, giải pháp kỹ thuật trong xử lý nước thải tiên tiến, thân thiện với môi trường; góp phần xây dựng chính sách quản lý bền vững nguồn nước.

2. Tổ chức các buổi hội thảo vận động

Trong khuôn khổ dự án, 7 buổi hội thảo vận động đã được tổ chức tại:

- UBND xã Minh Khai, huyện Hoài Đức, Hà Nội (2/11/2010);
- Trường THPT Ngô Quyền, Quảng Ninh (26/4/2011);
- Trường THPT chuyên khoa học tự nhiên, Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN (9/5/2012);
- Công ty CP Xuất khẩu Thủy sản II, Quảng Ninh (12/5/2012);
- UBND xã Thanh Sơn, tp.Uông Bí, Quảng Ninh (13/5/2012);
- UBND huyện Từ Liêm, Hà Nội (31/5/2012); và
- UBND xã Bằng Cả, huyện Hoành Bồ, Quảng Ninh (19/8/2012).

Tại các buổi hội thảo, các chuyên gia đã chia sẻ, phổ biến kiến thức khoa học, giúp cán bộ và người dân tiếp cận với các công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường hiện đang được áp dụng trong xử lý nước thải và tái sử dụng nước. Hội thảo nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và quản lý bền vững nguồn nước.

3. Tổ chức các buổi hội thảo kỹ thuật

Nhằm mục đích hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật công nghệ xử lý nước thải tiên tiến của Tây Ban Nha cho các chuyên gia môi trường Việt Nam, Trung tâm đã tổ chức 2 buổi hội thảo kỹ thuật tại Quảng Ninh (ngày 26/4/2011 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh và ngày 19/11/2012 tại Công ty CP Xuất khẩu Thủy sản II). Thông qua các buổi hội thảo, các cán bộ hoạt động trong lĩnh vực quản lý nguồn nước và xử lý nước thải đã hiểu rõ hơn về lợi ích và cách áp dụng các công nghệ xử lý nước tiên tiến, thân thiện với môi trường nhằm xử lý có hiệu quả nguồn nước thải, góp phần bảo vệ môi trường tại địa phương.

4. Triển khai xây dựng thành công hệ thống bãi lọc trồng cây thí điểm xử lý nước thải tại Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy sản II Quảng Ninh

Hoạt động lớn nhất của dự án là xây dựng công trình thí điểm bãi lọc trồng cây xử lý nước thải từ ngành công nghiệp chế biến thủy sản. Hệ thống áp dụng công nghệ xử lý nước thải thủy sản tiên tiến, thân thiện với môi trường, có hiệu suất xử lý cao trong khi chi phí vận hành thấp và ổn định, góp phần đảm bảo quy trình sản xuất sạch của Công ty.
Đây là công trình có khả năng áp dụng rộng rãi, đơn giản, chi phí xây dựng và vận hành thấp, độ ổn định cao. Đặc biệt, sinh khối của hệ thống bãi lọc trồng cây được nghiên cứu đề xuất sử dụng làm phân bón hoặc các ứng dụng thích hợp khác.

Mặc dù quy mô không lớn, song do công trình được xây dựng đơn giản, chi phí xây dựng và vận hành thấp nên phù hợp với điều kiện địa phương, và có khả năng nhân rộng và áp dụng rộng rãi tại nhiều địa phương khác trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh.

Công trình thí điểm này đã hoàn thành và đưa vào vận hành từ ngày 19/11/2012. Trung tâm đã tiến hành chuyển giao công nghệ, hướng dẫn và đào tạo vận hành hệ thống cho cán bộ kỹ thuật của công ty. Đồng thời, Trung tâm cũng cử chuyên gia kỹ thuật thường xuyên giám sát quá trình vận hành, đảm bảo hệ thống hoạt động tốt.

Đến nay, sau một thời gian vận hành, hệ thống đã giúp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước tại khu vực cửa sông đổ ra biển. Các mẫu nước xét nghiệm sau khi được xử lý qua hệ thống đều đạt các chỉ tiêu theo quy định của nhà nước. Hệ thống đã góp phần bảo vệ môi trường và đảm bảo phát triển bền vững tại tỉnh Quảng Ninh.

D. KẾT QUẢ CỦA DỰ ÁN

• Chuyển giao kiến thức và công nghệ quản lý tổng hợp tài nguyên nước và bảo vệ môi trường, thúc đẩy các giải pháp bền vững cho quản lý nước thải ở Hà Nội và Quảng Ninh;
• Vận động tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về quản lý nguồn nước và bảo vệ môi trường cho người dân;
• Hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật công nghệ xử lý nước thải tiên tiến của Tây Ban Nha cho các chuyên gia môi trường Việt Nam;
• Xây dựng thành công hệ thống bãi lọc trồng cây thí điểm xử lý nước thải;
• Góp phần cải thiện chất lượng sống của người dân, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước và phát triển bền vững môi trường;
• Hỗ trợ đầu tư các trang thiết bị phục vụ cho việc nghiên cứu, phân tích và vận hành bãi lọc trồng cây thí điểm;
• Phổ biến kết quả của dự án trong cộng động khoa học và nhân rộng mô hình ra các ngành công nghiệp khác ở địa phương.

BÀI GIẢNG VỀ LUẬT VÀ KINH TẾ HÀN QUỐC

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VỐN TẠI HÀN QUỐC VÀ CÁC QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN

Đây là chủ đề buổi thuyết trình của GS. Ahn Soo Hyun tại Đại học Quốc gia Hà Nội chiều ngày 23 tháng 11 năm 2012.

Buổi thuyết trình xoay quanh nội dung về quá trình phát triển, các quy định và chính sách có liên quan đến thị trường vốn tại Hàn Quốc. Bài thuyết trình đã thu hút hơn 100 người tham dự, trong đó có các giảng viên, nghiên cứu sinh, và sinh viên Khoa Luật, ĐHQGHN.

Phát biểu tại buổi thuyết trình, GS. Vũ Minh Giang – Phó Giám đốc ĐHQGHN cho biết Việt Nam đang xây dựng một nhà nước pháp quyền và một xã hội làm theo hiến pháp và pháp luật, do đó nâng cao trình độ về pháp luật là một nhu cầu cực kỳ quan trọng. Trong những năm qua Việt Nam đã mở cửa học tập rất nhiều nước trên thế giới và trong khu vực. Với sự tương đồng về lịch sử và văn hóa giữa Việt Nam và Hàn Quốc, ĐHQG đã lựa chọn Hàn Quốc là ưu tiên học tập hàng đầu. GS. Vũ Minh Giang cảm ơn Bộ Tư pháp Hàn Quốc đã tổ chức buổi thuyết trình, cảm ơn GS. Ahn Soo Hyun và coi đây là một nghĩa cử cao đẹp, giúp thắt chặt thêm mối quan hệ vốn đã rất thân thiết giữa Việt Nam và Hàn Quốc.

Đại diện Ban chủ nhiệm khoa Luật, ĐHQGHN tại buổi thuyết trình, TS. Nguyễn Thị Quế Anh – Phó chủ nhiệm khoa cũng nhấn mạnh vai trò quan trọng của thị trường vốn đối với sự phát triển của nền kinh tế đặc biệt đối với nền kinh tế Việt Nam. Song TS cũng khẳng định mặc dù là bộ phận quan trọng trong thị trường tài chính nhưng thị trường vốn của Việt Nam vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro bất ổn bởi các nguyên nhân như: chính sách chưa nhất quán, nguồn nhân lực hạn chế, tính cạnh tranh của doanh nghiệp còn thấp, đặc biệt là hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, không thống nhất, khả năng thực thi chưa đáp ứng được yêu cầu. Chính vì thế "việc tiếp cận, tìm hiểu về kinh nghiệm hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật nói chung và về thị trường vốn nói riêng của các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia cùng khu vực với những điều kiện tương đồng là điều hết sức bổ ích và cần thiết".

GS. Ahn Soo Hyun đã tốt nghiệp cử nhân và thạc sỹ ngành Luật tại trường Đại học Nữ Ehwa, và lấy bằng tiến sỹ Luật tại Đại học Quốc gia Seoul. GS. Ahn hiện là giáo sư luật học tại Khoa Luật, trường Đại học Ngoại ngữ Hankuk sau khi chuyển về từ Khoa Luật, trường Đại học Quốc gia Chungbuk. Trước đó, bà từng là Chuyên gia nghiên cứu đặc biệt tại Hiệp hội Các nhà kinh doanh Chứng khoán Hàn Quốc (Korean Securities Dealers Association).
GS. Ahn còn tham gia vào các tổ chức như Ủy ban Kỷ luật Luật sư, Bộ Tư Pháp Hàn Quốc; Ủy ban Chế tài, Cơ quan Dịch vụ Giám sát Tài chính Hàn Quốc (FSS); Ủy ban Xem xét các hợp đồng chuẩn, Ủy ban Thương mại Hàn Quốc (KFTC), v.v.

Buổi thuyết trình của GS. Ahn nằm trong chuỗi các bài giảng về Luật pháp Hàn Quốc do Bộ Tư pháp Hàn Quốc có sáng kiến tổ chức tại một số quốc gia châu Á trong đó có Việt Nam. Buổi thuyết trình do Quỹ Giáo dục Cao học Hàn Quốc tài trợ và Trung tâm Hỗ trợ Nghiên cứu Châu Á, ĐHQGHN tổ chức.

THỐNG KÊ

DANH MỤC CÁC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC NHẬN TÀI TRỢ (2002-2012)

113 ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
1	2002	Bồ tát Quán Thế Âm ở Việt Nam	TS. Nguyễn Mạnh Cường	Viện Nghiên cứu Tôn giáo, VASS	Các Khoa học Lịch sử	12 tháng 01/02~12/02
2		Đào tạo thư pháp	PGS. TS. Phạm Gia Lâm	Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN	Các Khoa học Lịch sử	03 tháng 06/02~08/02
3		Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo linh kiện tổ hợp cao trên công nghệ PSoC (Programmable System on Chip) dùng trong một số ứng dụng cụ thể	PGS. TS. Phạm Thường Cát	Viện Công nghệ Thông tin, VAST	Toán - Cơ - Tin học	12 tháng 01/03~12/03
4	2003	Nghiên cứu khoa học ứng dụng thực tiễn bộ chữ Thái Việt Nam thống nhất	PGS. TS. Hoàng Lương	Viện Nghiên cứu Việt Nam và Khoa học Phát triển, ĐHQGHN	Các Khoa học Lịch sử	12 tháng 06/03~06/04
5		Nghiên cứu phân lập các hợp chất phenol và flavonoit có tác dụng phòng bệnh từ cây thuốc Việt Nam	PGS. TS. Nguyễn Văn Đậu	Khoa Hoá, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Hoá học	24 tháng 10/03~10/05

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
6	2003	Đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng tài nguyên sinh học vùng cửa sông ven biển huyện Nghĩa Hưng, Nam Định và đề xuất giải pháp phát triển bền vững dựa vào cộng đồng	PGS. TS. Lê Diên Dực	Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên & Môi trường, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Các Khoa học Trái đất & Môi trường	24 tháng 10/03~10/05
7		Biên soạn bảng đối chiếu lịch và xây dựng phần mềm đổi lịch Việt Nam và Trung Quốc 2000 năm	PGS. TS. Lê Thành Lân	Phòng ứng dụng Công nghệ Thông tin trong Hệ thống Kinh tế - Xã hội, Viện Công nghệ Thông tin, VAST	Các Khoa học Lịch sử	15 tháng 10/03~06/05
8		Nghiên cứu cơ sở khoa học trồng rừng phòng hộ môi trường bằng loài cây bản địa tại vùng Sóc Sơn, Hà Nội	TS. Nguyễn Bá Chất	Trung tâm Phát triển Lâm nghiệp Bền vững, Viện Kinh tế Sinh thái	Sinh học	20 tháng 10/03~06/05
9		Nghiên cứu một số phương pháp mới chuyển hoá sterol thông qua 17□ hy-droxy – 17□ etynyl-steroit trung gian đến các cocticoit	TS. Lưu Đức Huy	Viện Hoá học, VAST	Hoá học	24 tháng 10/03~10/05
10		Nghiên cứu chiết tách một số màu thực phẩm từ kinh nghiệm sử dụng thực vật của đồng bào các dân tộc thiểu số miền Bắc Việt Nam	PGS. TS. Lưu Đàm Cư	Viện Sinh thái & Tài Nguyên Sinh vật, Viện Khoa học & Công nghệ Việt Nam	Sinh học	24 tháng 10/03~10/05

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
11	2003	Phân tích một số nguyên nhân ly hôn của các cặp vợ chồng tại các đô thị hiện nay (nghiên cứu trường hợp thành phố Hà Nội và Nam Định)	PGS. TS. Vũ Hào Quang	Vụ Nghiên cứu Dư luận Xã hội, Ban Tuyên giáo Trung ương	Triết - Xã hội học	20 tháng 10/03~06/05
12		Nâng cao khả năng cạnh tranh của dịch vụ bảo hiểm tại Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế	TS. Vũ Quốc Bình	Phòng Thông tin và Hợp tác Quốc tế, Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế Xã hội Hà Nội	Luật - Kinh tế	21 tháng 11/03~08/05
13	2004	Xây dựng phần mềm tính vùng phủ sóng cực ngắn phục vụ cho quy hoạch Phát thanh - Truyền hình và Vô tuyến Viễn thông	GS. TSKH. Phan Anh	Trung tâm Nghiên cứu Điện tử - Viễn thông, Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	Vật lý - Điện tử - Viễn thông	15 tháng 05/04~08/05
14		Nghiên cứu ảnh hưởng của sự tách pha lên một số tính chất vật lý của per-ovskite A1-xA'xMnO3 (A=Pr, Nd..., A'=Ca. Sr, Ba...)	GS. TS. Bạch Thành Công	Khoa Vật lý, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Vật lý - Điện tử - Viễn thông	24 tháng 01/04~01/06
15		Xây dựng chương trình giám sát động vật bằng MS Access và Hệ thông tin Địa lý	PGS. TS. Lê Xuân Cảnh	Viện Sinh thái & Tài nguyên Sinh vật, VAST	Sinh học	18 tháng 06/04~12/05

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
16	2004	Ảnh hưởng của những thay đổi trong cơ cấu gia đình đến việc giáo dục con cái ở gia đình Việt Nam hiện nay (nghiên cứu trường hợp thành phố Hà Nội)	PGS. TS. Nguyễn Chí Dũng	Trung tâm Xã hội học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Triết - Xã hội học	18 tháng 04/04~08/05
17		Nghiên cứu thị trường dịch vụ tư nhân trong chuyển giao khoa học công nghệ nông lâm nghiệp (trường hợp nghiên cứu tỉnh Thái Nguyên)	TS. Dương Văn Sơn	Trung tâm Môi trường Tài nguyên Miền núi, Trường ĐH Nông Lâm Thái Nguyên	Sinh học	15 tháng 04/04~07/05
18		Nghiên cứu phân loại và hệ thống hoá khu hệ nấm biển trong rừng ngập mặn Việt Nam	TS. Mai Thị Hằng	Khoa Sinh, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	Sinh học	24 tháng 04/04~04/06
19		Nghiên cứu đa dạng sinh học 3 bộ Côn trùng nước: bộ Phù du (Ephmeropera), bộ Cánh úp (Plecopetera) và bộ Cánh lông (Tricoptera) tại Sapa (Lào Cai), Phù Yên (Sơn La) và vườn quốc gia Tam Đảo	TS. Nguyễn Văn Vịnh	Khoa Sinh, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐH Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)	Sinh học	18 tháng 04/04~10/05
20		Nghiên cứu chế tạo xúc tác cho metan hoá CO và CO2 và động học phản ứng	PGS. TS. Lưu Cẩm Lộc	Viện Công nghệ Hoá học TP. Hồ Chí Minh, VAST	Hoá học	24 tháng 04/04~04/06
21	2004	Nghiên cứu xây dựng quy trình nuôi cấy mô và tế bào in-vitro nhằm nhân nhanh và bảo quản các dòng cây thuốc quý của Việt Nam – Orthosiphon stamineus Benth – có hàm lượng cao của dược chất sinesetine	PGS.TS. Đinh Đoàn Long	Khoa Sinh, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Sinh học	12 tháng 12/04~12/05
22		Phân lập tuyển chọn các chủng vi khuẩn lactic lên men đồng hình sinh axit Lactic cho hiệu suất cao từ rỉ đường	TS. Dương Văn Hợp	Viện Vi sinh vật và Công nghệ Sinh học, ĐHQGHN	Sinh học	24 tháng 12/04~12/06
23		Nghiên cứu chế tạo vật liệu từ cứng mới có cấu trúc nano-mét bằng phương pháp nguội nhanh và nghiền	TS. Nguyễn Huy Dân	Viện Khoa học Vật liệu, VAST	Vật lý - Điện tử - Viễn thông	12 tháng 12/04~12/05
24		Vải sợi văn hoá Đông Sơn	TS. Nguyễn Văn Việt	Trung tâm Tiền sử Đông Nam Á, Hội Nghiên cứu Đông Nam Á	Các Khoa học Lịch sử	12 tháng 04/04~04/05
25		Thay đổi phương thức đào tạo sử dụng quản lý nhân lực trong các công ty Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam	PGS. TS. Nguyễn Duy Dũng	Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, VASS	Luật - Kinh tế	18 tháng 04/04~10/05
26		Phổ quang phản xạ phân giải pha ở bán dẫn GaAs và InP	PGS. TS. Trương Kim Hiếu	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Vật lý - Điện tử - Viễn thông	36 tháng 04/04~04/07

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
27	2005	Nghiên cứu tổng hợp các N-, O- và S-glycozit và một số dẫn xuất khác từ glucozamin, galctozo với các amin thơm và amin dị vòng có hoạt tính sinh học	TS. Nguyễn Đình Thành	Khoa Hoá, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Hoá học	12 tháng 01~12/05
28		Nghiên cứu nguồn gốc Heroin ở Việt Nam trên cơ sở phân tích so sánh thành phần tạp chất hoá học trong mẫu	PGS. TS. Hoàng Mạnh Hùng	Viện Khoa học Hình sự, Bộ Công An	Hoá học	24 tháng 01/05~01/07
29		Điều tra sự phân bố sán lá phổi ở tỉnh Yên Bái và sử dụng chỉ thị phân tử DNA để phân loại sán lá phổi và vật chủ trung gian của chúng	GS. TSKH. Nguyễn Thị Lê	Viện Sinh thái & Tài nguyên Sinh vật, VAST	Sinh học	12 tháng 01/05~12/05
30		Nghiên cứu, thiết kế, xây dựng hệ thống bài giảng điện tử Địa lý – Kinh tế - Xã hội Thế giới và Việt Nam	TS. Nguyễn Trọng Phúc	Khoa Địa lý, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	Các Khoa học Trái đất & Môi trường	24 tháng 01/05~01/07
31		Nghiên cứu vấn đề phát triển kinh tế tư nhân ở Trung Quốc và kinh nghiệm với Việt Nam	TS. Nguyễn Kim Bảo	Viện Nghiên cứu Trung Quốc, VASS	Luật - Kinh tế	28 tháng 01/05~05/07
32		Xây dựng hệ nhận dạng người nói tiếng Việt bán tự động ứng dụng trong giám định âm thanh hình sự	TS. Đặng Văn Chuyết	Khoa Công nghệ Thông tin, Trường ĐH Bách Khoa HN	Toán - Cơ - Tin học	30 tháng 01/05~06/07

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
33	2005	Tác động xã hội của Internet đến lối sống của sinh viên	PGS. TS. Nguyễn Quý Thanh	Trung tâm Đảm bảo Chất lượng đào tạo và Nghiên cứu Phát triển Giáo dục, ĐHQGHN	Triết - Xã hội học	12 tháng 01/05~12/05
34		Đánh giá tình trạng hạn hán vụ Đông Xuân và nghiên cứu một số biện pháp giữ ẩm chống hạn cho cây trồng ở vùng trung du Bắc Bộ Việt Nam	TS. Đoàn Văn Điếm	Khoa Môi trường và Tài nguyên đất, Trường ĐH Nông nghiệp I	Sinh học	24 tháng 07/05~07/07
35		Tác động của phong tục tập quán đến phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng người Khmer tỉnh Sóc Trăng	TS. Trần Thanh Bé	Viện Nghiên cứu Phát triển đồng bằng sông Cửu Long	Triết - Xã hội học	24 tháng 07/05~07/07
36		Cây hữu hiệu trong văn hoá Hoà Bình và trong người Mường cổ truyền tại tỉnh Hoà Bình	PGS. TS. Diệp Đình Hoa	Trung tâm Tiền sử Đông Nam Á, Hội Nghiên cứu Đông Nam Á	Các Khoa học Lịch sử	18 tháng 09/05~03/07
37		Thiết lập dây chuyền chế tạo bộ xương gốm cấu trúc tổ ong mật độ ~ 10 lỗ/cm2 làm chất mang cho vật liệu xúc tác bảo vệ môi trường	PGS. TS. Nguyễn Văn Vượng	Viện Khoa học Vật liệu, VAST	Vật lý - Điện tử - Viễn thông	24 tháng 07/05~07/07

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
38	2005	Đánh giá sự tồn dư và tích luỹ của các hợp chất ô nhiễm cơ clo khó phân huỷ tại các vùng cửa sông và đầm phá Thừa Thiên Huế, miền Trung, Việt Nam	TS. Trần Thị Vân Thi	Khoa Hoá, Trường ĐH Khoa học, ĐH Huế	Hoá học	24 tháng 07/05~07/07
39		Nghiên cứu đánh giá tai biến địa chất - địa mạo cho các điểm quần cư miền núi Điện Biên phục vụ quy hoạch phát triển bền vững	TS. Lại Huy Anh	Viện Địa lý, VAST	Các Khoa học Trái đất & Môi trường	24 tháng 07/05~07/07
40	2006	Nghiên cứu ô nhiễm môi trường làng nghề trồng rau ngoại thành Hà Nội và đề xuất biện pháp giảm thiểu	PGS. TSKH. Nguyễn Xuân Hải	Khoa Môi trường, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Các Khoa học Trái đất & Môi trường	12 tháng 01/06~01/07
41		Nghiên cứu sự ảnh hưởng của hoạt động nuôi tôm tới chất lượng môi trường đất, nước khu vực dải ven biển tỉnh Thái Bình	TS. Lê Văn Thiện	Khoa Môi trường, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Sinh học	12 tháng 01/06~01/07
42		Khảo sát các trạng thái tập hợp của một số hợp chất Liti eno-late bằng phương pháp tính toán cơ học lượng tử	TS. Bùi Thọ Thanh	Khoa Hoá, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Hoá học	18 tháng 01/06~06/07

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
43	2006	Bản sắc văn hoá Mường cổ truyền và xu hướng biến đổi hiện nay	PGS. Lương Quỳnh Khuê	Khoa Văn hoá Xã hội Chủ nghĩa, Phân viện Báo chí và Tuyên Truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Khu vực học - Quốc tế học	12 tháng 04/06~04/07
44		Nghiên cứu nuôi cấy tế bào cây thông đỏ, một loài thực vật quý chữa bệnh ung thư	TS. Dương Tấn Nhựt	Viện Sinh học Nhiệt đới, Phân viện Sinh học Đà Lạt, VAST	Sinh học	18 tháng 01/06~06/07
45		Hợp tác đa phương ASEAN+3: Vấn đề và triển vọng	TS. Hoàng Khắc Nam	Khoa Quốc tế, Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN	Khu vực học - Quốc tế học	24 tháng 01/06~12/07
46		Nghiên cứu tổng hợp đặc trưng vật liệu mao quản trung bình Zeolit/M41S có thành mao quản được tinh thể và độ axit cao để ứng dụng cho công nghiệp lọc – hoá dầu	TS. Lê Thị Hoài Nam	Viện Hoá học, VAST	Hoá học	12 tháng 01/06~12/06
47		Về đạo đức người thầy trong trường đại học và cao đẳng giai đoạn hiện nay	TS. Trần Thị Ngọc Anh	Khoa Giáo dục Chính trị, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	Triết - Xã hội học	18 tháng 01/06~06/07
48		Nghiên cứu việc điều hành chính sách tiền tệ bằng phương pháp lấy lạm phát làm mục tiêu và cơ chế chuyển tải chính sách tiền tệ đến nền kinh tế Việt Nam	TS. Nguyễn Văn Hà	ĐH Ngân hàng tp. Hồ Chí Minh	Luật - Kinh tế	18 tháng 01/06~07/07

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
49	2007	Nghiên cứu khả năng bảo tồn ngoại vi (EXSITU) và nhân giống một số loài trà hoa vàng nhằm bảo vệ và phát triển	GS. TS. Ngô Quang Đê	Trung tâm Nghiên cứu Tư vấn và Phát triển Lâm nghiệp, Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam	Sinh học	24 tháng 03/07~03/09
50		Tạo dòng và biểu hiện gen protease trong vi khuẩn Bacil-lus subtilis	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Lộc	Phòng Thí nghiệm Công nghệ Sinh học Phân tử, TT Tài nguyên – Môi trường và Công nghệ sinh học, ĐH Huế	Sinh học	24 tháng 03/07~03/09
51		Nghiên cứu tổng hợp Cr2O3 cỡ nano sử dụng làm xúc tác	TS. Huỳnh Thị Kiều Xuân	Bộ môn Vô cơ và Ứng dụng, Khoa Hoá, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	Hoá học	18 tháng 03/07~09/08
52		Nghiên cứu tổng hợp, đặc trưng và tính chất xúc tác của vật liệu MCM-22 chứa kim loại, kim loại chuyển tiếp dùng làm xúc tác trong các quá trình hoá dầu	PGS. TS. Trần Thị Như Mai	Khoa Hoá, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Hoá học	12 tháng 03/07~03/08
53		Nghiên cứu các tính chất quang, điện và từ của ion kim loại chuyển tiếp pha tạp trong vật liệu nano ZnO	TS. Lục Huy Hoàng	Khoa Vật lý, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	Vật lý - Điện tử - Viễn thông	23 tháng 10/07 ~ 09/09

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
54	2007	Nghiên cứu chế tạo và tính chất quang của các nano tinh thể bán dẫn II-VI có cấu trúc lõi vỏ chứa các tâm phát xạ	TS. Vũ Thị Kim Liên	Khoa Sau Đại học, ĐH Sư phạm, ĐH Thái Nguyên	Vật lý - Điện tử - Viễn thông	26 tháng 03/07 ~ 06/09
55		Chế tạo, nghiên cứu và ứng dụng hạt nanô từ tính trong y sinh học và môi trường	TS. Nguyễn Hoàng Hải	Khoa Vật lý, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Vật lý - Điện tử - Viễn thông	24 tháng 03/07 ~ 03/09
56		Các định lý giới hạn của tổng ngẫu nhiên các biến ngẫu nhiên và ứng dụng	PGS. TS. Trần Lộc Hùng	Phòng Quản lý Khoa học - Đối ngoại - Sau đại học, Trường ĐH Khoa học, ĐH Huế	Toán - Cơ - Tin học	24 tháng 03/07 ~ 03/09
57		Thực trạng và giải pháp giảm ô nhiễm môi trường nông thôn cho đồng bào vùng núi cao tại một số xã nghèo huyện Định Hoá, Thái Nguyên	TS. Đỗ Thị Lan	Khoa Tài nguyên & Môi trường, Trường ĐH Nông Lâm Thái Nguyên	Các Khoa học Trái đất & Môi trường	24 tháng 03/07 ~ 03/09
58		Nghiên cứu sự hút thu Cu, Pb, Zn và tìm hiểu khả năng sử dụng phân bón để giảm thiểu sự tích luỹ chúng trong rau cải xanh và rau xà lách	TS. Nguyễn Xuân Cự	Khoa Môi trường, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Các Khoa học Trái đất & Môi trường	18 tháng 03/07 ~ 09/08

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
59	2007	Nghiên cứu dư lượng hoá chất bảo vệ thực vật trong môi trường do ảnh hưởng của việc thâm canh hoa ở ngoại thành Hà Nội và đề xuất biện pháp giảm thiểu ô nhiễm	TS. Cao Việt Hà	Bộ môn Khoa học đất, Trường ĐH Nông nghiệp I Hà Nội	Các Khoa học Trái đất & Môi trường	12 tháng 03/07 ~ 03/08
60		Đời sống sinh hoạt tín ngưỡng văn hoá của người Tày, Nùng ven biên giới Việt Trung (qua khảo sát ở một số địa điểm thuộc khu vực biên giới Cao Bằng và Lạng Sơn)	TS. Nguyễn Thị Yên	Viện Nghiên cứu Văn hoá, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (VASS)	Triết - Xã hội học	24 tháng 03/07 ~ 03/09
61		Tác động của minh bạch hoá hoạt động kinh tế đến đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	TS. Phạm Văn Hùng	Bộ môn Kinh tế Đầu tư, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Luật - Kinh tế	12 tháng 03/07 ~ 03/08
62		Công tác quan hệ với báo chí trong các cơ quan quản lý nhà nước	TS. Đinh Thị Thuý Hằng	Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Khu vực học - Quốc tế học	12 tháng 03/07 ~ 03/08
63		Nghiên cứu văn bản hương ước chữ Hán Triều Tiên từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XX	TS. Phạm Thị Vinh	Viện Nghiên cứu Hán Nôm, VASS	Ngoại ngữ - Ngôn ngữ	24 tháng 03/07 ~ 03/09
64		Tìm hiểu động cơ thành đạt của thanh niên hiện nay	PGS.TS. Lê Thanh Hương	Viện Tâm lý học, VASS	Tâm lý - Giáo dục	18 tháng 03/07 ~ 09/08

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
65	2007	Nghiên cứu chế tạo màng mỏng áp điện dùng trong các vật liệu từ - điện	TS. Phạm Đức Thắng	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	Vật lý - Điện tử - Viễn thông	24 tháng 03/08~03/10
66		Nghiên cứu tận dụng nguồn mỡ cá tra, cá basa để điều chế dầu nhờn sinh học và chất hoạt động bề mặt sinh học	TS. Bùi Thị Bửu Huê	Khoa Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ	Hoá học	24 tháng 03/08~03/10
67	2008	Kiểm tra hoạt tính phòng chữa ung thư in vivo của hoạt chất mới SBVN tách chiết từ cây bán chi liên Việt Nam - bước nghiên cứu chuẩn bị tiền lâm sàng	TS. Đỗ Thị Thảo	Viện Công nghệ Sinh học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Sinh học	18 tháng 03/08~09/09
68		Nghiên cứu nguyên nhân dẫn đến stress trong học tập của sinh viên ĐHQGHN	PGS. TS. Nguyễn Hữu Thụ	Trung tâm Hỗ trợ Tư vấn Tâm lý, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	Tâm lý - Giáo dục	12 tháng 03/08~03/09
69		Hiện trạng phân bố và mức độ chu chuyển của một số kim loại nặng trong hệ sinh thái Hồ Tây, Hà Nội	PGS. TS. Lưu Lan Hương	Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Sinh học	24 tháng 03/08~03/10
70		Nghiên cứu sử dụng chỉ thị phân tử trong việc thăm dò và xác định sự hiện diện của một số loài tảo lam độc hại trong một số thuỷ vực nước ngọt ở Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Thu Liên	Viện Tài Nguyên – Môi trường và Công nghệ Sinh học, Đại học Huế	Sinh học	24 tháng 03/08~03/10

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
71	2008	Nghiên cứu xây dựng mô hình trình diễn công nghệ thân thiện môi trường để khai thác quặng ilmenit (Ti) trong cồn cát ven biển huyện Phù Mỹ	TS. Vũ Văn Tích	Khoa Địa chất, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Các Khoa học Trái đất & Môi trường	12 tháng 03/08~03/09
72		Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo tự động cảnh báo từ xa một số thông số môi trường phục vụ bảo tồn nguồn gen cây nguyên liệu giấy	TS. Phạm Mạnh Thắng	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	Toán - Cơ - Tin học	14 tháng 03/08~05/09
73		Xác định khuyết tật trong tinh thể vật liệu RrhIn5 bằng phương pháp điện trở suất	TS. Nguyễn Văn Hiếu	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG tp Hồ Chí Minh	Vật lý - Điện tử - Viễn thông	18 tháng 03/08~09/09
74		Nghiên cứu hoàn thiện quy trình nuôi sinh khối vi tảo biển làm thức ăn cho ấu thể tu hài tại Vân Đồn, Quảng Ninh	TS. Nguyễn Thị Hoài Hà	Phòng Công nghệ Tảo và Sinh học Môi trường, Viện Vi sinh vật và Công nghệ Sinh học, ĐHQGHN	Sinh học	12 tháng 08/08~08/09
75		Nghiên cứu đa dạng thực vật của khu bảo tồn thiên nhiên Chạm Chu, tỉnh Tuyên Quang làm cơ sở cho công tác bảo tồn	TS. Nguyễn Trung Thành	Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Sinh học	24 tháng 03/08~03/10

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
76	2008	Khảo sát các công nghệ hiện hành nhằm giảm thiểu ASEN trong nước cấp thuộc một số khu vực tiêu biểu đồng bằng Bắc, Trung và Nam Bộ Việt Nam và đề xuất công nghệ bổ sung thích hợp	TS. Lê Văn Chiều	Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ Môi trường và Phát triển Bền vững, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Hoá học	12 tháng 03/08~03/09
77		Nghiên cứu các biện pháp bảo vệ nguồn nước hồ khu vực Đảo Cò xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện tỉnh Hải Dương	TS. Trần Yêm	Viện Môi trường và Phát triển Bền vững	Các Khoa học Trái đất & Môi trường	18 tháng 03/08~09/09
78		Nghiên cứu dịch thuật: một số vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn dịch thuật giữa tiếng Anh và tiếng Việt	PGS. TS. Lê Hùng Tiến	Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	Ngoại ngữ - Ngôn ngữ	14 tháng 12/08~02/10
79		Nghiên cứu quy trình nhân nuôi 2 loài bọ xít cổ ngỗng ăn sâu và thử nghiệm chúng trong phòng trừ sâu hại trên cây rau, đậu tương và ngô ở một số tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng Việt Nam	TS. Trương Xuân Lam	Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Sinh học	24 tháng 05/09~05/11
80		Hành vi gây hấn của học sinh trong trường PTTH	PGS. TS. Trần Thị Minh Đức	Trung tâm Nghiên cứu về Phụ nữ, ĐHQGHN	Tâm lý - Giáo dục	12 tháng 04/09~04/10

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
81	2009	Nghiên cứu đánh giá đặc điểm địa động lực hiện đại thành phố Lào Cai và mối quan hệ của chúng với tai biến địa chất	TS. Nguyễn Đăng Túc	Viện Địa chất, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Các Khoa học Trái đất & Môi trường	22 tháng 03/09~12/10
82		Chế tạo thử nghiệm và điều khiển Tele-Manipulator	TS. Từ Diệp Công Thành	Khoa Cơ khí, Trường Đại học Bách Khoa Hồ Chí Minh	Vật lý - Điện tử - Viễn thông	12 tháng 04/09~04/10
83		Nghiên cứu thiết kế và thử nghiệm hệ thống điều khiển từ xa có mật khẩu dựa trên cơ sở hệ thống nhúng	PGS. TS. Ngô Diên Tập	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	Vật lý - Điện tử - Viễn thông	24 tháng 05/09~05/11
84		Đề xuất nghiên cứu cơ sở khoa học – công nghệ và thử nghiệm để triển khai dịch vụ chứng thực bằng chữ ký số tại ĐHQGHN	PGS. TS. Trịnh Nhật Tiến	Khoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	Toán - Cơ - Tin học	18 tháng 04/09~09/10
85		Vật liệu chứa dây spin nano Cu-O	PGS. TS. Hoàng Nam Nhật	Khoa Vật lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Vật lý - Điện tử - Viễn thông	24 tháng 03/09~03/11
86		Đồ gốm Champa 10 thế kỷ đầu công nguyên từ tiếp cận khảo cổ học xã hội và khảo cổ học kỹ thuật	PGS. TS. Lâm Thị Mỹ Dung	Bảo tàng Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	Các Khoa học Lịch sử	24 tháng 03/09~03/11

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
87	2009	Nghiên cứu xử lý loại nitơ trong nước rỉ rác đã qua xử lý giảm COD bằng quá trình sinh học trên cơ sở anammox	TS. Phạm Khắc Liệu	Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Huế	Hoá học	24 tháng 03/09~02/11
88		Thực trạng phụ nữ Việt Nam lấy chồng Hàn Quốc (nghiên cứu trường hợp xã Lập Lễ, huyện Thuỷ Nguyên, Hải Phòng)	PGS. TS. Hoàng Bá Thịnh	Trung tâm Nghiên cứu Dân số và Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	Triết - Xã hội học	18 tháng 04/09~10/10
89		Điều tra đa dạng sinh học và tình trạng bảo tồn của khu hệ dơi tại vườn quốc gia Pù Mát	TS. Lê Đức Minh	Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN	Sinh học	15 tháng 04/09~07/10
90		Nghiên cứu chế tạo vật liệu chứa sắt (Fe) kích thước nano ứng dụng xử lý Nitrat trong nước	PGS. TS. Nguyễn Thị Hà	Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Hoá học	24 tháng 05/09~05/11
91		Tăng trưởng nhanh và những vấn đề đặt ra, nghiên cứu so sánh các trường hợp Trung Quốc, Ấn độ. Bài học cho Việt Nam	TS. Phạm Thái Quốc	Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới, VASS	Luật - Kinh tế	15 tháng 03/09~06/10
92		Khu vực thương mại tự do Hàn quốc-ASEAN và các hàm ý chính sách với Việt Nam	TS. Nguyễn Tiến Dũng	Trường ĐH Kinh tế, ĐHQGHN	Luật - Kinh tế	12 tháng 07/10~07/11

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
93	2009	Nghiên cứu thiết kế thử nghiệm modem vô tuyến theo chuẩn 802.11a dùng công nghệ FPGA	TS. Trịnh Anh Vũ	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	Vật lý - Điện tử - Viễn thông	24 tháng 12/10~12/12
94	2010	Nghiên cứu chế tạo vật liệu compozit từ tính nano Fe3O4 cacbon hoạt tính ứng dụng xử lý nhuộm màu trong công nghiệp dệt nhuộm	TS. Nguyễn Xuân Hoàn	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Hoá học	24 tháng 10/10~10/12
95		Nghiên cứu một số đột biến ở gen MLH1 liên quan đến ung thư ruột kết không Polyp di truyền ở người Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Hồng Vân	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Sinh học	18 tháng 07/10~12/11
96		Nghiên cứu tác dụng của một số dịch chiết thực vật lên vi khuẩn gây sâu răng Strep-tococcus Mutans được phân lập từ người Việt Nam	TS. Nguyễn Quang Huy	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Sinh học	18 tháng 07/10~12/11
97		Chính sách thu hút FDI cho phát triển kinh tế có cường độ carbon thấp: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Kim Anh	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	Luật - Kinh tế	24 tháng 09/11~09/13
98		Tham gia có hiệu quả chuỗi giá trị dệt may toàn cầu: kinh nghiệm một số nước Châu Á và gợi ý đối với Việt Nam	PGS.TS. Hà Văn Hội	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	Luật - Kinh tế	24 tháng 09/11~09/13

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
99	2011	Tổng hợp và đặc trưng vật liệu cacbon mao quản trung bình sử dụng khoáng sét Việt Nam làm chất tạo khung	TS. Nguyễn Tiến Thảo	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Hóa dầu	12 tháng 08/11~08/12
100		Xây dựng một số phương pháp song song hóa các thuật toán và ứng dụng	PGS.TS. Hoàng Chí Thành	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Khoa học máy tính	24 tháng 09/11~09/13
101		Sử dụng kỹ thuật FISH (Fluorescence in situ hybridization) để kiểm tra sự hội nhập của gen IL-6 phân lập từ người trong tế bào gốc phôi gà chuyển gen	TS. Nguyễn Lai Thành	Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Công nghệ sinh học	14 tháng 09/11~11/12
102		Các kỹ thuật xử lý tín hiệu tiên tiến để nâng cao tốc độ chụp ảnh cộng hưởng từ	TS. Lê Vũ Hà	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	Điện tử - viễn thông	24 tháng 09/11~09/13
103		Xây dựng luận chứng khoa học cho việc đào tạo và nghiên cứu về Khoa học bền vững ở Đại học Quốc gia Hà Nội	GS.TS. Hoàng Văn Vân	Khoa Sau đại học, ĐHQGHN	Quản lý giáo dục	12 tháng 04/12~04/13

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
104	2011	Nghiên cứu, đề xuất mô hình nông thôn bền vững, lấy ví dụ xã Giao Long (Giao Thủy, Nam Định)	TS. Nguyễn Thị Hoàng Hà	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Khoa học bền vững	11 tháng 02/12~12/12
105		Tổng hợp, nghiên cứu một số phức chất đa nhân hỗn hợp kim loại chuyển tiếp d-f trên cơ sở phối tử N,N-pyriđin-2,6-đicacbonyl-bis(thioure)	TS. Nguyễn Hùng Huy	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Hóa vô cơ, hóa học phức chất	12 tháng 10/12~10/13
106		Thiết kế phương pháp và phần mềm quản lý tài nguyên vô tuyến trong mạng thông tin di động thế hệ thứ 5 (5G) ứng dụng công nghệ truyền thông nhận thức và kiến trúc femtocell	TS. Nguyễn Nam Hoàng	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	Điện tử - viễn thông	24 tháng 11/12~1/14
107	2012	Pháp luật Việt Nam về chống hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng: Thực trạng và phương hướng hoàn thiện	TS. Nguyễn Thị Quế Anh	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật học	12 tháng 11/12~10/13
108		Điều tra đa dạng sinh học hệ Tảo và Vi khuẩn lam tại khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, tỉnh Thanh Hóa	TS. Nguyễn Thùy Liên	ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Sinh học	24 tháng 10/12~10/14

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên đề tài	Chủ trì đề tài	Cơ quan công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện
109	2012	Nghiên cứu chế tạo màng dẫn nano dùng trong các linh kiện quang – điện tử	TS. Nguyễn Phương Hoài Nam	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	Khoa học và công nghệ nano	24 tháng 10/12~10/14
110		Trần Nhân Tông: vấn đề hòa bình và hòa giải trong bối cảnh quốc tế và khu vực thế kỷ XIII - XIV	PGS. TS. Trần Ngọc Vương	ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN	Lịch sử	12 tháng 11/12~11/13
111		Nghiên cứu phương pháp phân tích ảnh viễn thám phục vụ đánh giá mức độ ô nhiễm không khí tại Việt Nam	TS. Lê Thanh Hà	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	Công nghệ thông tin	24 tháng 11/12~11/14
112		Cơ sở khoa học và thực tiễn để phát huy quyền tự chủ của Đại học Quốc gia trong điều kiện triển khai Luật Giáo dục đại học năm 2012	TS. Đỗ Đức Minh	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật học	12 tháng 11/12~11/13
113		Cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc phát huy truyền thống giáo dục đại học Việt Nam: Trường hợp Đại học Quốc gia Hà Nội	PGS. TS. Phạm Hồng Tung	Viện Trưởng, Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQGHN	Lịch sử, văn hóa, bảo tàng học	12 tháng 12/12~12/13

51 HỘI NGHỊ, HỘI THẢO KHOA HỌC

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên hội thảo	Chủ trì	Cơ quan công tác	Ngày	Quy mô
1	2002	Hội thảo thực hành thường xuyên và thực tập sư phạm cho sinh viên Khoa Giáo dục đặc biệt	TS. Nguyễn Thị Hoàng Yến	Khoa Giáo dục đặc biệt, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	29~30/11/2002	120
2		Mười năm đào tạo và nghiên cứu về Hàn Quốc tại Việt Nam	PGS. TS. Mai Ngọc Chừ	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN	6/12/2002	100
3		Giáo dục ngoại ngữ - hội nhập và phát triển	PGS. Trần Hữu Luyến	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	14~15/11/2002	200
4		Trường hè công nghệ thông tin và phát triển phần mềm	PGS. TS. Nguyễn Quốc Toản	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	05~31/08/2002	50
5		Công nghệ Hoá dầu trong thế kỷ XX	PGS. TS. Hoa Hữu Thu	Khoa Hoá, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	20~21/12/2002	110
6	2003	Nghiên cứu cơ bản trong khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam	GS. Vũ Hy Chương	Vụ Quản lý Khoa học, Bộ Khoa học & Công nghệ Việt Nam	14~15/01/2003	120
7		Các phương pháp tiểu sử danh nhân phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học ở Châu Á	GS. VS. Nguyễn Cảnh Toàn	Trung tâm Tiền sử Phục vụ Giáo dục, Trường ĐH Sư phạm HN	28~29/11/2003	120
8	2003	Giao lưu Văn hoá – Kinh tế giữa Việt Nam & Hàn Quốc	GS. Phan Cự Đệ	Trung tâm Nghiên cứu Văn hoá Quốc tế, Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN	17/12/2003	150
9		Hợp tác kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học kỹ thuật Việt Nam – Campuchia 1993-2003 và triển vọng những năm sắp tới	TS. Nguyễn Sỹ Tuấn	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, VASS	17~18/12/2003	100
10	2004	Duy trì và nâng cao chất lượng không khí ở Việt Nam	GS. Trần Nghi	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	24~25/03/2004	70
11		Đô thị hoá ở Seoul (Hàn Quốc) và thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam): Những bài học kinh nghiệm và thách thức	TS. Nguyễn Minh Hoà	Trung tâm Phát triển Cộng đồng, ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	15/06/2004	55
12		Đời sống văn hoá của nhóm xã hội nghèo ở nông thôn đồng bằng sông Hồng	PGS. TS. Phạm Duy Đức	Khoa Văn hoá, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	21/12/2004	120
13		Hội nghị Quốc tế Vật lý Châu Á – Thái Bình Dương lần thứ 9	GS. VS. Nguyễn Văn Hiệu	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	25~31/10/2004	366

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên hội thảo	Chủ trì	Cơ quan công tác	Ngày	Quy mô
14	2004	Các vấn đề khoa học và công nghệ môi trường liên quan đến sự phát triển đô thị và đới duyên hải	PGS. TS. Cao Thế Hà	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Bền vững, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	27~29/9/2004	70
15		Nguyên tố đất hiếm chiết tách và phân chia	TS. Võ Văn Tân	Trường ĐH Sư phạm, ĐH Huế	8/10/2006	120
16	2005	Hội nghị Côn trùng học toàn quốc lần thứ 5	GS. TSKH. Vũ Quang Côn	Viện Nghiên cứu Sinh thái & Tài nguyên Sinh vật, VAST	14~15/03/2005	200
17		Hội thảo quốc tế về các lĩnh vực lý thuyết của ngành máy tính 2005	PGS. Hồ Sỹ Đàm	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	10~21/10/2005	100
18		Hội thảo quốc tế Ngôn ngữ Liên Á VI	PGS. TS. Vũ Đức Nghiệu	Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN	25~26/11/2005	150
19		Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ ở Việt Nam – 30 năm nhìn lại (1975 – 2005)	GS. Ngô Văn Lệ	Trường, ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐH Quốc gia tp Hồ Chí Minh	29~30/04/2005	200
20	2006	Vai trò của Bảo tàng trường Đại học trong nghiên cứu và đào tạo các ngành Khoa học Xã hội & Nhân văn (Lý luận & thực tiễn)	TS. Lâm Mỹ Dung	Bảo tàng Nhân học, ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN	13~14/10/2005	110

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên hội thảo	Chủ trì	Cơ quan công tác	Ngày	Quy mô
21	2006	Hình học Đại số ở Đông Á. II	GS. TSKH. Hà Huy Khoái	Viện Toán học, VAST	10~14/10/2005	100
22		Đa dạng sinh học Việt Nam	GS. TS. Mai Đình Yên	Hội Sinh thái học Việt Nam	20~21/12/2005	140
23		Hội nghị khoa học phân tích Hoá, Lý, Sinh học Việt Nam lần thứ II	GS. TS. Trần Tứ Hiếu	Hội Khoa học Kỹ thuật Phân tích Hoá, Lý, Sinh học Việt Nam	14~15/12/2005	400
24	2007	Vấn đề an ninh khu vực Châu Á – Thái Bình Dương những năm đầu thế kỷ XXI	TS. Đào Minh Hồng	Bộ môn Quan hệ Quốc tế, ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	20~21/06/2007	40
25		Hội nghị lần thứ II ngành ăn mòn và bảo vệ kim loại Việt Nam	GS. Nguyễn Đức Hùng	Hội Khoa học Kỹ thuật Ăn mòn và Bảo vệ Kim loại (VICORRA)	06~07/04/2007	227
26		Xây dựng và phát triển nguồn học liệu tại các trung tâm thông tin thư viện đại học	TS. Nguyễn Huy Chương	Trung tâm Thông tin Thư viện, ĐHQGHN	08~09/08/2007	95
27		Giáo dục cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: "Vấn đề, xu hướng và triển vọng"	GS. TS. Phạm Tất Dong	Trung tâm Nghiên cứu Quyền trẻ em, ĐHQGHN	21~22/06/2007	65
28		Hội nghị về công tác dịch thuật và đào tạo dịch thuật lần thứ nhất	PGS. TS. Trần Văn Phước	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	31/08 ~ 1/09/2007	200

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên hội thảo	Chủ trì	Cơ quan công tác	Ngày	Quy mô
29	2008	Phương pháp giảng dạy phục vụ đào tạo tín chỉ và định hướng nghiên cứu khoa học trong giai đoạn mới	TS. Đinh Đoàn Long	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	19-20/04/2008	100
30		Bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên đất ngập nước vùng ven biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	TS. Hoàng Văn Thắng	Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN	16-17/05/2008	52
31		Huấn luyện và trao đổi kinh nghiệm sản xuất rau trái vụ ở các tỉnh miền Trung	TS. Lê Thị Khánh	Đại học Nông lâm Huế	26-28/06/2008	40
32		Ngôn ngữ và văn hóa các cư dân Mon Khmer ở Đông Nam Á	GS. TS. Đinh Văn Đức	Trung tâm Nghiên cứu Châu Á – Thái Bình Dương, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	28/08/2008	58
33		Đào tạo Hóa Sinh trong thời kỳ hội nhập	PGS. TS. Bùi Duy Cam	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	16-17/10/2008	123
34	2009	Sự tương đồng và khác biệt giữa nho giáo ở Việt Nam và nho giáo ở Hàn Quốc	PGS. TS. Phạm Văn Đức	Viện Triết học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	10-12/08/2009	60
35		Hội nghị toàn quốc điện hóa và ứng dụng lần thứ 3	TS. Nguyễn Thị Cẩm Hà	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	27-29/11/2009	100
36	2009	Tự sự học dân gian	GS. TS. Lê Chí Quế	Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	9/10/2009	100
37		Phương trình vi phân và ứng dụng	GS. TS. Nguyễn Hữu Dư	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	9/10/2009	60
38		Những ảnh hưởng của văn học thiếu nhi đến sự phát triển nhân cách trẻ em trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế	PGS. TS. Lã Thị Bắc Lý	Trung tâm Văn học Trẻ em, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	9/1/2009	100
39	2010	Đánh giá chính sách kích cầu của các nước Châu Á 2009	PGS. TS. Nguyễn Hồng Sơn	Trường ĐH Kinh tế, ĐHQGHN	30/10/2010	85
40		Địa kỹ thuật đô thị, tài nguyên và phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu – HA-NOIGEO 2010	PGS. TSKH. Nguyễn Hoàng Lương	Phó Hiệu trưởng, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	22-23/11/2010	120
41		Diễn đàn Giám đốc bốn đại học chủ chốt Đông Á - BESETOHA 2010		ĐHQGHN	7-9/10/2010	150
42		Vai trò của Đại học trong Ứng phó thông minh với Biến đổi khí hậu		ĐHQGHN	11-13/12/2010	100

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên hội thảo	Chủ trì	Cơ quan công tác	Ngày	Quy mô
		Hai mươi năm Khoa Xã hội học – Thành tựu và Thách thức	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Khoa Xã hội học, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	15/11/2011	150
		Các phương pháp xử lý nước tiên tiến - Tiềm năng của công nghệ sử dụng thảm thực vật tại Việt Nam	TS. Hoàng Văn Thắng	Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN	4/11/2011	90
		Nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ học ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn	PGS. TS. Vũ Đức Nghiệu	Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	11/11/2011	60
		Định hướng xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Khoa học bền vững ở Đại học Quốc gia Hà Nội	PGS. TS. Trần Khánh Thành	Khoa Sau đại học, ĐHQGHN	2/4/2012	50
		Giải pháp bền vững trong xử lý nước thải công nghiệp và quản lý khu công nghiệp	PGS.TS. Bùi Duy Cam	Hiệu trưởng, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGH N	10-11/10/2012	135
		Hàn Quốc học tại Việt Nam – 20 năm đào tạo và nghiên cứu	PGS.TS. Lê Đình Chỉnh	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	21/12/2012	72

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên hội thảo	Chủ trì	Cơ quan công tác	Ngày	Quy mô
49	2012	Hội nghị các nhà Khoa học trẻ toàn quốc trong lĩnh vực Khoa học Tự nhiên & Công nghệ lần thứ hai	PGS.TS. Lê Thanh Sơn	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	03-04/11/2012	400
50		Sản xuất bền vững và quản trị môi trường	PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn	Hiệu trưởng, Trường ĐH Kinh tế, ĐHQGHN	6/10/2012	140
51		Đối sánh trong giáo dục đại học: Kinh nghiệm quốc tế và ứng dụng cho Việt Nam	PGS.TS. Nguyễn Quý Thanh	Viện Trưởng, Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục ĐHQGHN	22/03/2013	100

48 XUẤT BẢN PHẨM

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên công trình	Tác giả	Đơn vị công tác	Cơ quan công tác	NXB	Năm xuất bản
1	2002	Xói mòn đất hiện đại và các biện pháp chống xói mòn	PGS. TS. Nguyễn Quang Mỹ	Khoa Địa lý , Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2004
2		Đại học Cyber thế kỷ 21	TS. Trần Văn Lăng	Phân viện Công nghệ Thông tin tại tp. Hồ Chí Minh	VAST	NXB Minh Khai	2004
3		Từ điển phiên âm địa danh Nhật Bản	GS. TS. Hoàng Trọng Phiến	Khoa Ngôn ngữ, Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn	ĐHQGHN		2004

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên công trình	Tác giả	Đơn vị công tác	Cơ quan công tác	NXB	Năm xuất bản
4	2002	Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học	TS. Nguyễn Phương Nga	Trung tâm Đảm bảo Chất lượng và Nghiên cứu Phát triển Giáo dục	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2002
5		Mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức trong quản lý xã hội ở Việt Nam	TS. Hoàng Thị Kim Quế	Khoa Luật	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2004
6		Góp phần tìm hiểu Phật giáo Nam Bộ	TS. Trần Hồng Liên	Trung tâm Nghiên cứu Dân tộc học	Viện Khoa học Xã hội tại tp. Hồ Chí Minh	NXB Trẻ	2003
7		Giáo dục học đại học	TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Trường ĐH Giáo dục	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2003
8		Từ điển Hàn Việt tối thiểu	GS. Nguyễn Thiện Giáp	Khoa Ngôn ngữ, Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2004
9	2003	Thực trạng giáo dục ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số miền Bắc Việt Nam - Những kiến nghị và giải pháp	GS. Trần Trí Dõi	Khoa Ngôn ngữ học, Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn	ĐHQGHN	NXB Giáo dục	2004
10		Quan hệ Việt Nam – ASEAN: Đa phương và song phương	GS. Vũ Dương Ninh	Khoa Quốc tế học, Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2003

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên công trình	Tác giả	Đơn vị công tác	Cơ quan công tác	NXB	Năm xuất bản
11	2004	Phân biểu Kinh tế - Xã hội cấp tỉnh và cấp huyện Việt Nam	GS. Nguyễn Viết Thịnh		Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	NXB Giáo dục	2005
12		Khu vực kinh tế phi chính thức: Thực trạng và những vấn đề đặt ra với công tác quản lý	TS. Phạm Văn Dũng	ĐH Kinh tế	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2004
13		Kỷ yếu Hội nghị Khoa học toàn quốc về Quang học và Quang phổ học	PGS. TS. Nguyễn Ngọc Long	Khoa Vật lý, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2005
14		Các phần tử đại số và các bài toán biên liên quan trong không gian tuyến tính	GS. TS. Nguyễn Văn Mậu	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2005
15		Triết học – Văn hoá sinh thái	PGS. TS. Trần Lê Bảo	Khoa Ngữ văn	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	NXB ĐH Sư phạm Hà Nội	2005
16		Xây dựng bộ atlat khoáng vật tạo đá và tạo quặng của đá magma	PGS. TS. Đỗ Thị Vân Thanh	Khoa Địa chất, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2005

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên công trình	Tác giả	Đơn vị công tác	Cơ quan công tác	NXB	Năm xuất bản
17	2005	Việt Nam Quốc dân đảng với phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trước năm 1930	GS. TS. Nguyễn Văn Khánh	Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	06/05
18		Văn học cho trẻ em khuyết tật thị giác	TS. Lã Thị Bắc Lý	Trung tâm Văn học Trẻ em	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	Công ty nghe nhìn Hà Nội	2005
19		Định kiến giới và phân biệt đối xử với phụ nữ - Từ lý thuyết đến thực tế (Nghiên cứu điểm tại một số tỉnh thành phía Bắc Việt Nam)	PGS. TS. Trần Thị Minh Đức	Trung tâm Nghiên cứu về Phụ nữ	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2006
20		Từ điển học lược khảo	PGS. TS. Vũ Quang Hào	Khoa Báo chí, Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2005
21	2006	Tiểu thuyết Trung Quốc trong thời kỳ cải cách mở cửa	PGS. TS. Lê Huy Tiêu	Khoa Văn học – Báo chí, Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2006
22		Đạo đức Phật giáo với đạo đức con người Việt Nam	TS. Đặng Thị Lan	Khoa Triết học, Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2006

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên công trình	Tác giả	Đơn vị công tác	Cơ quan công tác	NXB	Năm xuất bản
23	2006	Chữ Nôm và tiếng Việt qua văn bản Thiên Nam Ngữ lục	TS. Nguyễn Thị Lâm	Viện Nghiên cứu Hán Nôm	VASS	NXB Khoa học Xã hội	2006
24	2007	Tiến hoá sinh học	GS. Lê Quang Long		Trung tâm Thông tin & Chuyển giao Tiến bộ Sinh học	NXB Tri thức	2007
25		Phát triển giáo dục đại học trong nền kinh tế thị trường	GS. Đặng Ứng Vận	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2007
26		Đối chiếu lịch Dương với lịch Âm – Dương của Việt Nam và Trung Quốc 2030 năm (0001-2030)	PGS. TS. Lê Thành Lân		Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam	NXB Thuận Hoá	2007
27		Ca dao cười Việt Nam	TS. Phạm Thị Hằng		Trường ĐH Hồng Đức	NXB Khoa học Xã hội	2007
28		So sánh tiểu thuyết “tài tử giai nhân” ở một số nước phương Đông thời kỳ trung đại (Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên)	TS. Hà Thanh Vân	Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ	VASS	NXB Khoa học Xã hội	2009
29		Đô thị hoá và cấu trúc đô thị Việt Nam trước và sau đổi mới	TS. Lê Thanh Sang		Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ	NXB Khoa học Xã hội	2008

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên công trình	Tác giả	Đơn vị công tác	Cơ quan công tác	NXB	Năm xuất bản
30	2008	Giáo dục học sinh khiếm thính tại các cơ sở giáo dục khuyết tật thành phố Đà Nẵng - thực trạng và giải pháp	TS. Nguyễn Ngọc Chinh		Trường Đại học Đà Nẵng	NXB Đà Nẵng	2008
31		Tính đa dạng sinh học ở vườn quốc gia Hoàng Liên (Lào Cai)	GS. Nguyễn Nghĩa Thìn	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	ĐHQGHN	NXB Nông nghiệp	2008
32		Đa dạng sinh học và bảo tồn nguồn gen sinh vật tại Vườn quốc gia Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ	PGS. TS. Trần Minh Hợi	Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật	VAST	NXB Khoa học Tự nhiên & Công nghệ	2008
33		Tiếng Mảng	TS. Nguyễn Hữu Hoành	Viện Ngôn ngữ	VASS	NXB Khoa học Xã hội	2009
34		Làng xã Việt Nam	GS. TS. Nguyễn Quang Ngọc	Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2009
35	2009	Một số phương pháp, hệ thống mới trong nghiên cứu công nghệ sinh học phân tử	TS. Dương Tấn Nhựt	Viện Sinh học Tây Nguyên	VAST	NXB Nông nghiệp, Chi nhánh Tp.HCM	2009
36		Nội các Trần Trọng Kim và vị trí lịch sử của nó	PGS. TS. Phạm Hồng Tung	Phó Trưởng ban Khoa học Công nghệ	ĐHQGHN	NXB Chính trị Quốc gia	2009

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên công trình	Tác giả	Đơn vị công tác	Cơ quan công tác	NXB	Năm xuất bản
37	2009	Văn học Mỹ: thi pháp và kỹ xảo	PGS. TS. Nguyễn Liên	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	ĐHQGHN	NXB Văn hoá	2009
38		Kinh tế, xã hội thời Trần (thế kỷ XIII-XIV)	TS. Nguyễn Thị Phương Chi	Viện Sử học	VASS	NXB Giáo dục	2009
39	2010	Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt - Lào	TS. Nguyễn Văn Thông	Phó Trưởng Ban Tổ chức Cán bộ	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2010
40		Cơ sở hóa học hữu cơ của thuốc hóa dược	TS. Lê Tuấn Anh	Phó Trưởng ban Quan hệ Quốc tế	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2010
41	2011	Quyền lực trong quan hệ quốc tế: Lịch sử và vấn đề	PGS.TS. Hoàng Khắc Nam	Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn	ĐHQGHN	NXB Văn hóa - Thông tin	2011
42		A new approach to landscape change modeling: Integrating Re-more Sensing, GIS and Fractal Analysis	TS. Nguyễn An Thịnh	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	ĐHQGHN	NXB Thế Giới	2012
43		Cơ sở hóa học hữu cơ của hương liệu	TS. Lê Tuấn Anh	Phó Trưởng ban Quan hệ Quốc tế	ĐHQGHN	NXB Tri thức	2011
44		Xây dựng và phát huy nguồn lực trí tuệ Việt Nam: Lịch sử, thực trạng và giải pháp	GS.TS. Nguyễn Văn Khánh	Hiệu trưởng, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn	ĐHQGHN	NXB Khoa học Xã hội	2012

Stt	Năm nhận tài trợ	Tên công trình	Tác giả	Đơn vị công tác	Cơ quan công tác	NXB	Năm xuất bản
45	2012	Kinh điển Nho gia tại Việt Nam	PGS. TS. Nguyễn Kim Sơn	Phó Giám đốc ĐHQGHN, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2012
46		Kỹ năng phân tích và nhận biết thông tin trong dịch thuật	PGS. TS. Đinh Hồng Vân	Trường ĐH Ngoại Ngữ	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2013
47		Nghiên cứu diên cách cấu trúc chữ Nôm (qua các văn bản giải âm Kinh Thi)	TS. Nguyễn Tuấn Cường	Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2012
48		Đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng tâm lý ở Việt Nam	TS. Trần Thu Hương	Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn	ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2013

DANH SÁCH HỌC GIẢ ISEF VIỆT NAM (2000-2012)

Stt	Thời gian nghiên cứu tại Hàn Quốc	Họ và tên	Cơ quan công tác	Tên đề tài nghiên cứu tại Hàn Quốc	Cơ quan cộng tác nghiên cứu tại HQ	Lĩnh vực nghiên cứu
1	2000-2001	TS. Vũ Mạnh Hà	Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN	So sánh chiến lược phát triển du lịch giữa hai nước Việt Nam và Hàn Quốc	Trường ĐH Khoa học Xã hội, Đại học Hanyang	Kinh tế
2		PGS. TS. Nguyễn Hữu Thụ	Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN	Yếu tố tâm lý của quảng cáo tivi và tác động của chúng tới hành vi của người tiêu dùng	Đại học Yonsei	Tâm lý học
3		PGS. TS. Nguyễn Ngọc Thạch	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Kết hợp giữa viễn thám và hệ thông tin địa lý GIS trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	Đại học Quốc gia Seoul	Địa lý
4		PGS. TS. Nguyễn Ngọc Đào	Học viện Hành chính Quốc gia, Bộ nội vụ	Vị thế của Hàn Quốc trong quá trình thống nhất Nam Bắc Hàn Quốc	Đại học Sogang	Lịch sử
5	2001-2002	TS. Vũ Phương Thảo	Trường ĐH Kinh tế, ĐHQGHN	Cải tổ và tái cơ cấu khu vực các tập đoàn kinh doanh ở Hàn Quốc	Đại học Yonsei	Kinh tế
6		TS. Trần Quốc Bình	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Xây dựng phần mềm bình sai lưới trắc địa	Đại học Quốc gia Seoul	Địa lý

Stt	Thời gian nghiên cứu tại Hàn Quốc	Họ và tên	Cơ quan công tác	Tên đề tài nghiên cứu tại Hàn Quốc	Cơ quan cộng tác nghiên cứu tại HQ	Lĩnh vực nghiên cứu
7	2001-2002	PGS. TS. Lâm Thị Mỹ Dung	Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN	Một số vấn đề thời đại đồng thau Việt Nam (qua những nghiên cứu so sánh trong bối cảnh Đông Á và Đông Nam Á)	Đại học Han-yang	Lịch sử
8		TS. Nguyễn Thị Sơn	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	Du lịch tự nhiên và những tác động đến các cộng đồng địa phương lân cận vườn quốc gia: nghiên cứu điển hình vườn quốc gia Taean, Hàn Quốc	Đại học Woosong	Địa lý
9	2002-2003	PGS. TS. Nguyễn Quý Thanh	Trung tâm Đảm bảo chất lượng đào tạo và Nghiên cứu phát triển giáo dục, ĐHQGHN	Vai trò của gia đình trong phát triển kinh doanh nhỏ: Nghiên cứu so sánh giữa Việt Nam và Hàn Quốc	Đại học Quốc gia Seoul	Xã hội học
10		PGS. TS. Nguyễn Đăng Dung	Khoa Luật, ĐHQGHN	Vai trò của Hiến pháp và Luật trong sự nghiệp phát triển kinh tế của Hàn Quốc	Trường ĐH Luật Quốc tế và Thương mại	Luật
11		TS. Bùi Minh Hiền	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	Đào tạo và Bồi dưỡng giáo viên ở Hàn Quốc	Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục Hàn Quốc	Giáo dục
12		TS. Phạm Minh Sơn	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền	Xung đột và hoà giải dân tộc, quốc tế - Lý luận và thực tiễn	Học viện Nghiên cứu Hàn Quốc	Chính trị
13	2002-2003	TS. Từ Minh Phương	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Lập kế hoạch và giải quyết vấn đề phân tán trong hệ đa tác tử	Học viện Khoa học Công nghệ cao Hàn Quốc	Viễn thông - Khoa học máy tính
14		TS. Phạm Quang Vinh	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Chính sách phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hàn Quốc và bài học đối với Việt Nam	Đại học Yonsei	Kinh tế
15		TS. Nguyễn Văn Hiệp	Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN	Bài học của Hàn Quốc về việc gìn giữ giá trị truyền thống trong giáo dục - liên hệ với Việt Nam	Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc	Giáo dục
16	2003-2004	TS. Trịnh Thị Kim Ngọc	Viện Nghiên cứu con người, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Người Việt ở Hàn Quốc trong hội nhập văn hoá khu vực	Trường ĐH Khoa học Xã hội, Đại học Quốc gia Seoul	Nhân học
17		TS. Đoàn Thế Hiếu	Trường Đại học Huế	Bài toán tính chuộng đối khối lượng của các cô-véctơ	Đại học Quốc gia Seoul	Toán học
18		TS. Lê Thị Lưu Oanh	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	Nghiên cứu so sánh về báo chí và tiến trình hiện đại văn hoá xã hội ở Hàn Quốc và Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX	Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc	Văn học
19	2004-2005	TS. Phạm Quốc Sử	Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN	Triều Tiên trong buổi đầu tiếp xúc với phương Tây (thời kỳ chuyển sang lịch sử cận đại)	Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc	Lịch sử

Stt	Thời gian nghiên cứu tại Hàn Quốc	Họ và tên	Cơ quan công tác	Tên đề tài nghiên cứu tại Hàn Quốc	Cơ quan cộng tác nghiên cứu tại HQ	Lĩnh vực nghiên cứu
20	2004-2005	TS. Vương Thanh Hương	Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nghiên cứu về tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các trường đại học Hàn Quốc. Bài học kinh nghiệm cho các trường đại học Việt Nam	Viện Phát triển Giáo dục Hàn Quốc	Giáo dục
21		TS. Bạch Quốc Khánh	Đại học Bách khoa Hà Nội	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và giải pháp tự động hoá nhằm nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống phân phối điện và chất lượng điện năng ở Việt Nam	Đại học Quốc gia Seoul	Kỹ thuật điện
22		TS. Phạm Thị Vinh	Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Nghiên cứu các văn bản hương ước viết bằng chữ Hán của Việt Nam & Hàn Quốc	Viện Nghiên cứu Hàn Quốc học, Học viện Nghiên cứu Hàn Quốc	Lịch sử
23	2005-2006	TS. Phạm Thị Thanh Bình	Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế Hàn Quốc - Kinh nghiệm đối với Việt Nam	Đại học Kook-min	Kinh tế
24		TS. Lê Đình Chỉnh	Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN	Bán đảo Hàn - các thời kỳ phát triển của lịch sử cận đại và hiện đại	Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Seoul	Lịch sử
25		TS. Nguyễn Hồng Cổn	Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN	Giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường ở Hàn Quốc và những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc	Ngoại ngữ - Ngôn ngữ

Stt	Thời gian nghiên cứu tại Hàn Quốc	Họ và tên	Cơ quan công tác	Tên đề tài nghiên cứu tại Hàn Quốc	Cơ quan cộng tác nghiên cứu tại HQ	Lĩnh vực nghiên cứu
26	2005-2006	TS. Nguyễn Văn Tuấn	Trường Đại học Đà Nẵng	Tối ưu hoá các thông số trong hệ thống thông tin sợi quang xuyên quốc gia, ghép kênh theo bước sóng mật độ cao (DWDM), khoảng cách truyền dẫn cực lớn (hàng ngàn km), tốc độ cao (>10Gbit/s) có các bộ khuyếch đại quang sợi (EDFA) mắc chuỗi nhằm nâng cao chất lượng tín hiệu truyền dẫn trong hệ thống	Đại học Se-jong	Viễn thông - Khoa học máy tính
27	2006-2007	TS. Mai Văn Hưng	Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN	Nghiên cứu các chỉ số nhân trắc của sinh viên Đại học Seoul, Hàn Quốc	Đại học Quốc gia Seoul	Nhân học
28		TS. Bùi Mạnh Hùng	Trường ĐH Sư phạm tp. Hồ Chí Minh	Kinh nghiệm xây dựng chương trình và biên soạn sách giáo khoa Ngữ văn (tiếng Hàn và văn học) của Hàn Quốc và những bài học đối với Việt Nam	Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia Seoul	Giáo dục
29		TS. Trương Thị Anh Đào	Viện Vật lý & Điện tử, Viện Khoa học & Công nghệ Việt Nam	Xử lý thông tin lượng tử sử dụng phương pháp quang học - lý thuyết và ứng dụng	Đại học Quốc gia Seoul	Vật lý
30		TS. Quang Thị Ngọc Huyền	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hợp tác ASEAN+3: Những vấn đề và triển vọng	Viện Nghiên cứu Hàn Quốc học	Chính trị

Stt	Thời gian nghiên cứu tại Hàn Quốc	Họ và tên	Cơ quan công tác	Tên đề tài nghiên cứu tại Hàn Quốc	Cơ quan cộng tác nghiên cứu tại HQ	Lĩnh vực nghiên cứu
31	2007-2008	TS. Trương Phước Minh	Truường ĐH Sư phạm, Đại học Đà Nẵng	Nghiên cứu các mô hình quy hoạch và quản lý du lịch tại Hàn Quốc để vận dụng vào việc đẩy mạnh phát triển du lịch ở thành phố Đà Nẵng	Đại học Se-jong & Đại học Pai Chai	Địa lý
32		TS. Nguyễn Hoàng Ánh	Đại học Ngoại thương Hà Nội	Nghiên cứu ảnh hưởng của văn hoá kinh doanh Việt Nam và Hàn Quốc đến hoạt động của các liên doanh Hàn Quốc tại Việt Nam	trường Quản trị Kinh doanh, Đại học Quốc gia Seoul	Kinh tế
33		TS. Nguyễn Gia Đối	Viện Khảo cổ học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Biến đổi về môi trường và thích ứng văn hoá giai đoạn chuyển biến từ cánh tân sang toàn tân – nghiên cứu so sánh tư liệu khảo cổ học ở Việt Nam và Hàn Quốc	Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Seoul	Khảo cổ học
34	2008-2009	TS. Chu Thị Thanh Tâm	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	Nghiên cứu kinh nghiệm đào tạo Ngoại ngữ của Hàn Quốc trong thời kỳ "Hoá rồng"	Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc	Ngoại ngữ - Ngôn ngữ
35		TS. Đặng Thị Lan	Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN	Kế thừa và phát huy giá trị truyền thống Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá. Một số kinh nghiệm của Hàn Quốc	Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc	Triết học

Stt	Thời gian nghiên cứu tại Hàn Quốc	Họ và tên	Cơ quan công tác	Tên đề tài nghiên cứu tại Hàn Quốc	Cơ quan cộng tác nghiên cứu tại HQ	Lĩnh vực nghiên cứu
36	2008-2009	TS. Phùng Quốc Thanh	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Các vật liệu oxít và hợp kim có hiệu ứng từ nhiệt và nhiệt điện lớn và khả năng ứng dụng trong chuyển đổi năng lượng điện - từ - nhiệt	Đại học Quốc gia Chungbuk	Vật lý
37		TS. Nguyễn Quang Hưng	Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN	Chính sách tôn giáo của Hàn Quốc từ 1953 đến nay. Một số kinh nghiệm cho Việt Nam	Đại học Quốc gia Seoul	Triết học
38	2009-2010	TS. Nguyễn An Thịnh	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Mô hình hóa biến động sử dụng đất bằng viễn thám, GIS và phân tích Fractal: nghiên cứu mẫu tại khu vực ven biển Việt Nam	Đại học Kook-min	Địa lý
39	2010-2011	TS. Ngô Tự Lập	Khoa Quốc tế, ĐHQGHN	Liên kết đào tạo đại học và sự hình thành các đặc khu học thuật tự do ở Đông và Đông Nam Châu Á	Đại học Korea	Giáo dục
40		TS. Nguyễn Thị Vân Hạnh	Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN	Giao tiếp công vụ trong các tổ chức xã hội ở Việt Nam hiện nay	Đại học Quốc gia Seoul	Xã hội học
41	2011-2012	TS. Trần Thanh Hà	Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, ĐHQGHN	Nghiên cứu hiện trạng và biến động sử dụng đất ngập nước khu vực nội thành thành phố Hà Nội từ đầu thế kỷ XIX tới nay	Trung tâm Nghiên cứu Hàn Quốc học, Đại học Inha	Địa lý

Stt	Thời gian nghiên cứu tại Hàn Quốc	Họ và tên	Cơ quan công tác	Tên đề tài nghiên cứu tại Hàn Quốc	Cơ quan cộng tác nghiên cứu tại HQ	Lĩnh vực nghiên cứu
42	2011-2012	TS. Lâm Quang Đông	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	Giáo dục tiếng Anh – Phương pháp và chính sách ở Hàn Quốc và những bài học đối với Việt Nam	Trường ĐH Giáo dục, Đại học Quốc gia Seoul	Giáo dục học
43	2012-2013	TS. Lê Thị Quỳnh Nga	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	Quan hệ Chính trị Việt Nam – Hàn Quốc từ năm 1953 đến năm 2011	ĐH Inha	Lịch sử
44		TS. Đỗ Hồng Dương	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐQHGHN	Nghiên cứu việc dạy và học ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam của trẻ em trong các gia đình đa văn hóa (bố Hàn Quốc, mẹ Việt Nam)	ĐH Ngoại ngữ Hankuk	Ngôn ngữ, văn hóa học

ARC newsletter

Designer: Vũ Thảo

Bản thiết kế A4

CÔNG TY TNHH
PHÁT TRIỂN KINH DOANH
TRỰC TUYẾN HT&ECOM

Tầng 7, số 89b Nguyễn Đức Cảnh (kéo dài),
p. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Web: htecom.net / htecom.com / htecom.vn

Email: info@htecom.vn
Tel: (84-4) 36248977 / 36249535
Fax: (84-4) 36248812